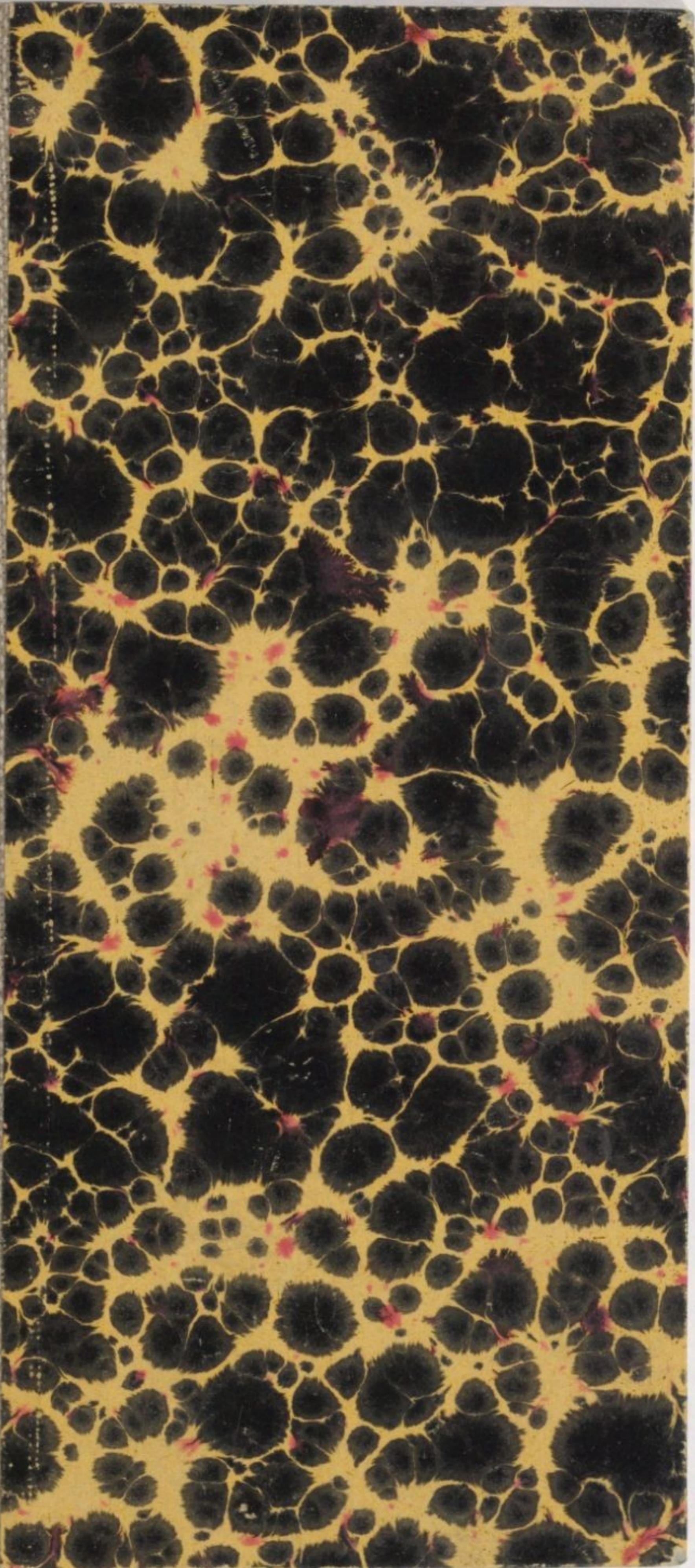
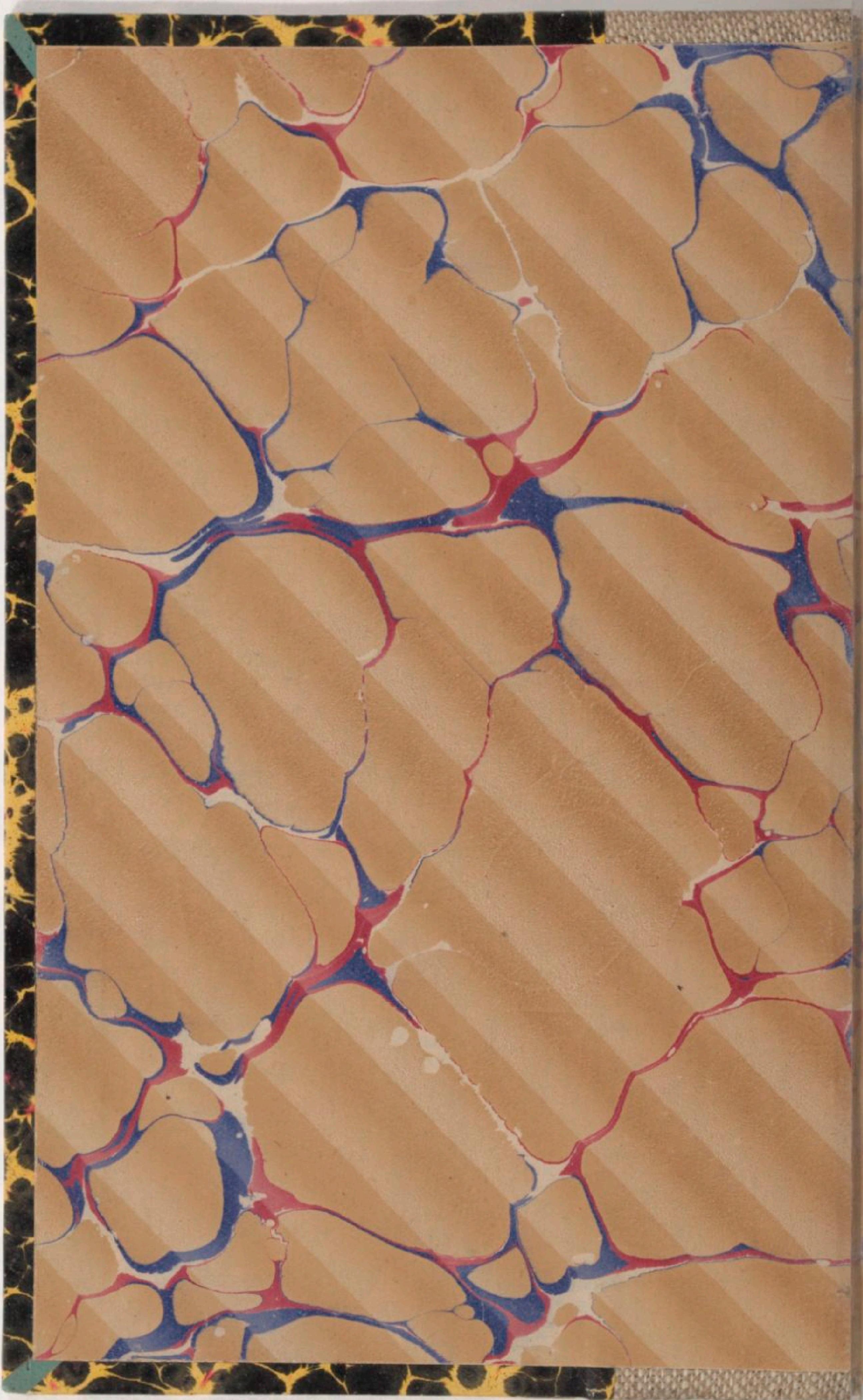
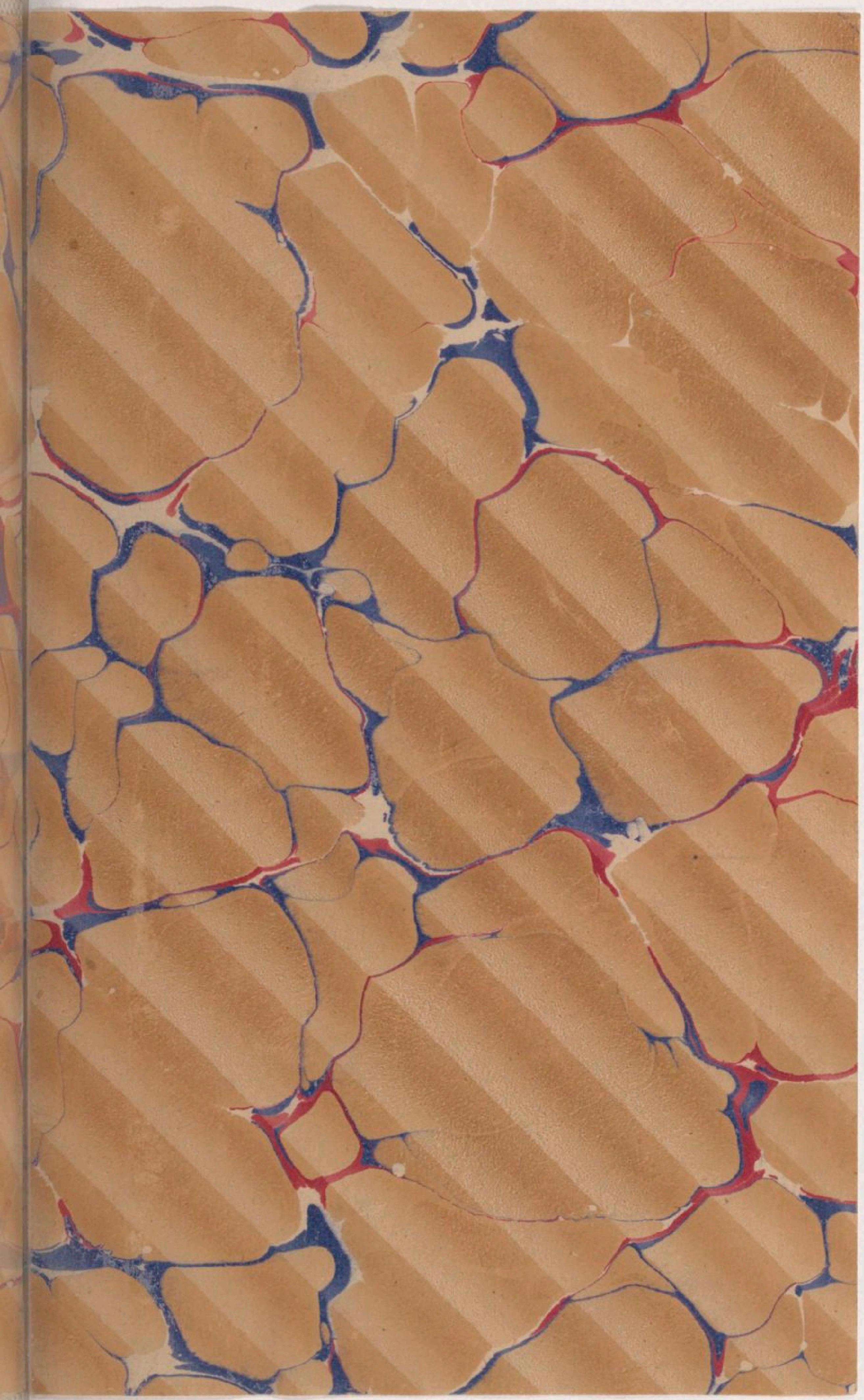


16^e
Indoch
839

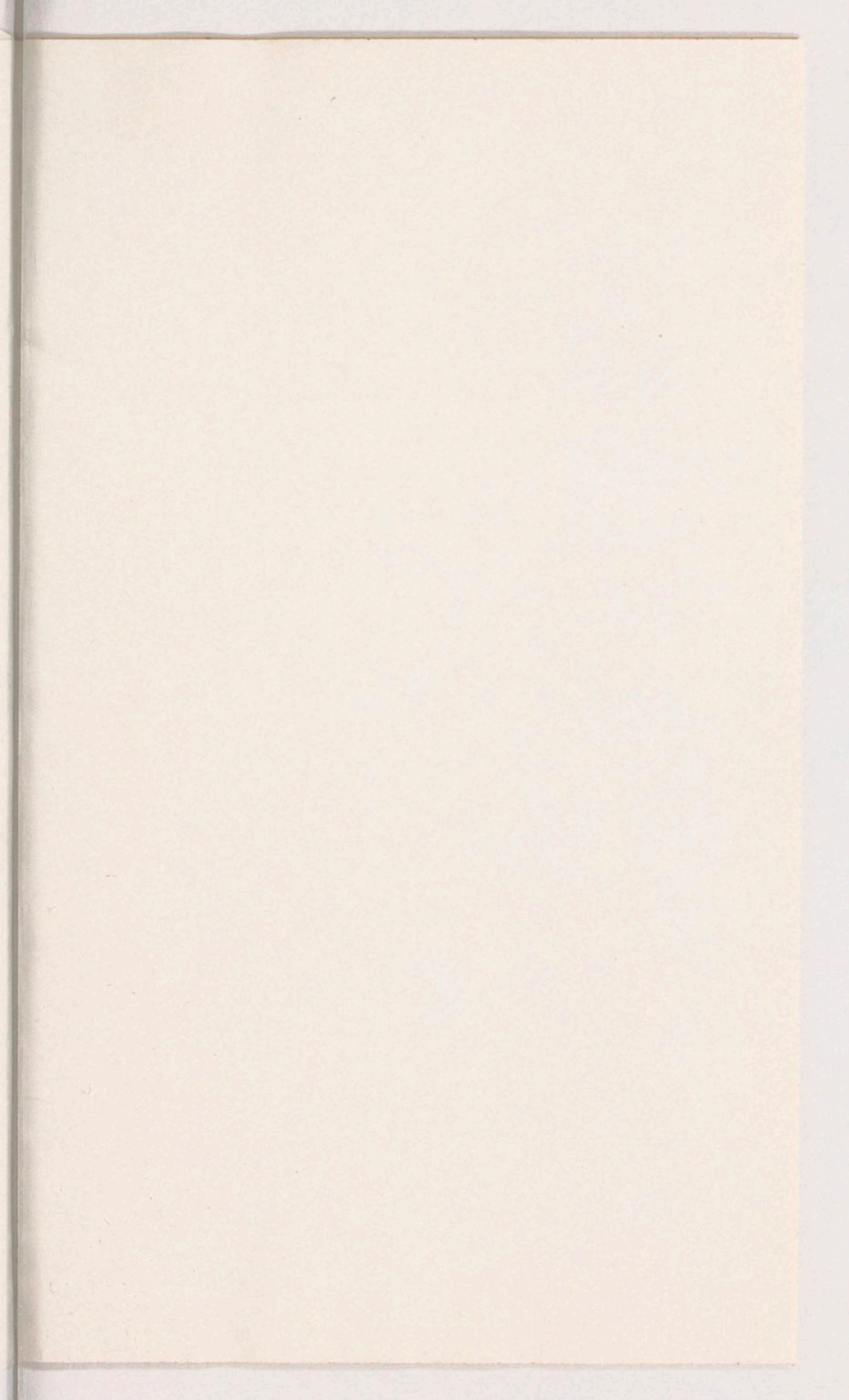




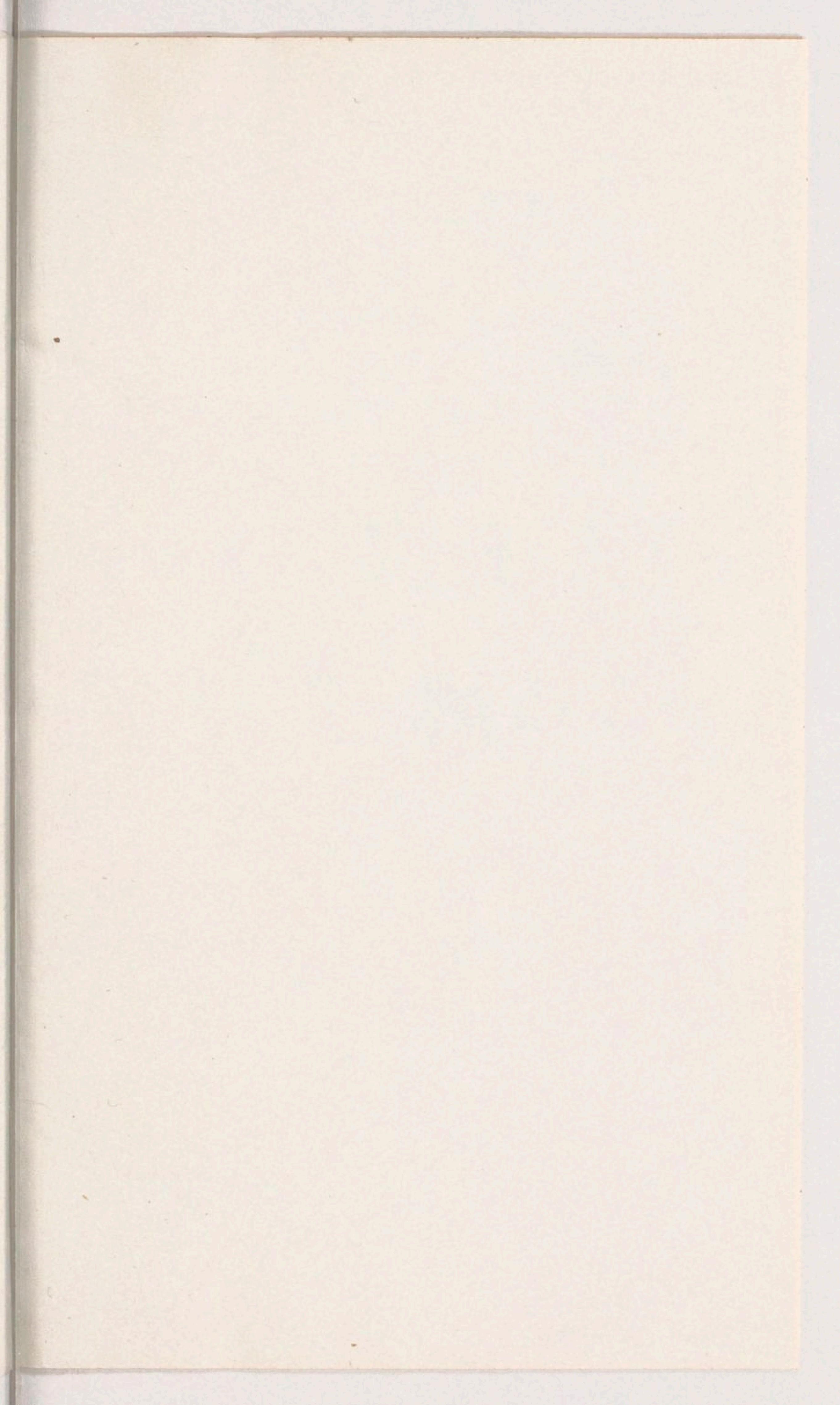


VAN HAVERE 1958









Võ phi Hùng, Cựu HS Petrus Ký, 67-74
gởi tặng Kho sách xưa của Quán Ven Đường

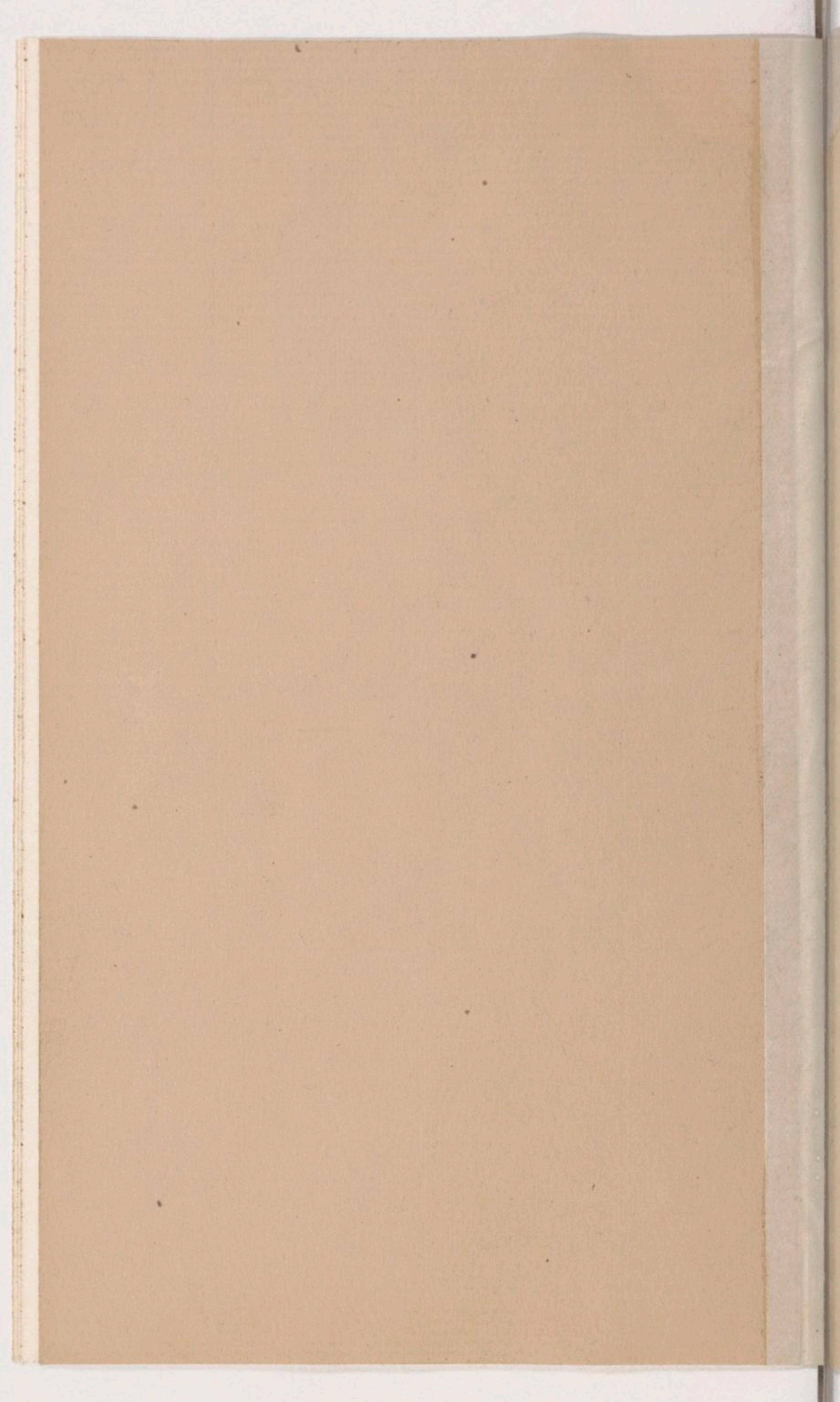
TÙ - LÂM
NGUYỄN-XUÂN-NGHỊ

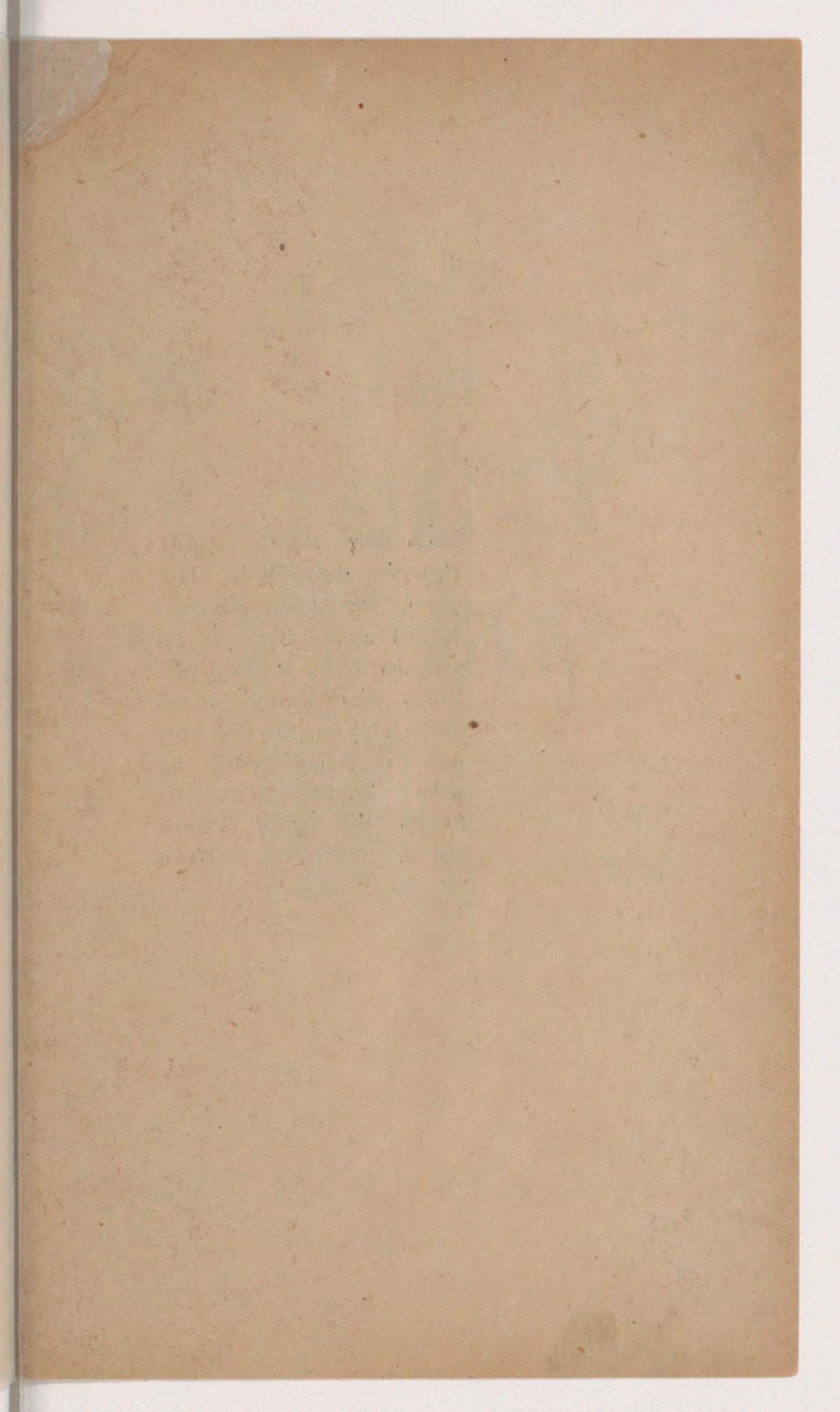
DESSIN legal
Tirage n°1
Hanoi, le 11-8-1952
N° 2218

LU'Ọ'C KHẢO VỀ
MỸ - THUẬT
VIỆT-NAM

TỦ SÁCH HỌC - THUẬT

QUỐC-HỌC THU'-XÃ
XUẤT - BẢN





Sách này, do ô. Từ-Lâm
Nguyễn-xuân-Nghi biên-
soạn, Quốc-Học Thư-Xá
Hanoi xuất - bản, in tại
nhà in Thụy-Ký 98 phố
Hàng Gai Hanoi, ngoài
những bộ in giấy thường,
có in riêng trăm bộ
giấy bouffant và ba
mươi bộ giấy « lệnh
chỉ » thường hạng

TÙ - LÂM
NGUYỄN-XUÂN-NGHĨ

LU'OC - KHẢO VỀ
MÌ Ý - THUẬT
VIỆT - NAM



3175

TỦ SÁCH « HỌC-THUẬT »

ở

QUỐC-HỌC THU'-XÃ

XUẤT BẢN

160 Tu Do Ch.

839

CONVENT

1782

1782

1782

AUGUSTUS

1782

MÂY LÒ'I NÓI ĐẦU CỦA NHÀ XUẤT BẢN



DÂY là một tập gồm năm bài diễn-văn của ông Từ-Lâm Nguyễn-xuân-Nghị. Nguyễn-quân, một kiến-trúc-sư du-học ở Pháp về, hiện tòng-sự tại bộ Công-tác Huế, khỏi phải giới-thiệu nhiều lời, đồng-bào ta cũng không còn lạ. Năm bài diễn-văn này từ năm 1936 tời nay, Nguyễn - quân đã lần lượt cho ta nghe hết kốn, hoặc tại hội quán hội Trí-trí Hanoi hoặc tại hội-quán hội Quảng-trí Thăng-kinh. Ở đâu Nguyễn-quân cũng tỏ ra là một nghệ-sĩ, hơn thế một học-giả khoác áo hùng biện gia, ở đâu Nguyễn-quân cũng được hoan-nghênh nhiệt liệt, dù đầu-dề nói chuyện đều rất khô-khan. Người ta nhận rằng mây thiêng diễn văn này đều là những công-trình khảo-cứu nghệ-thuật, văn-học và lịch-sử, tinh-cách, giá-trị

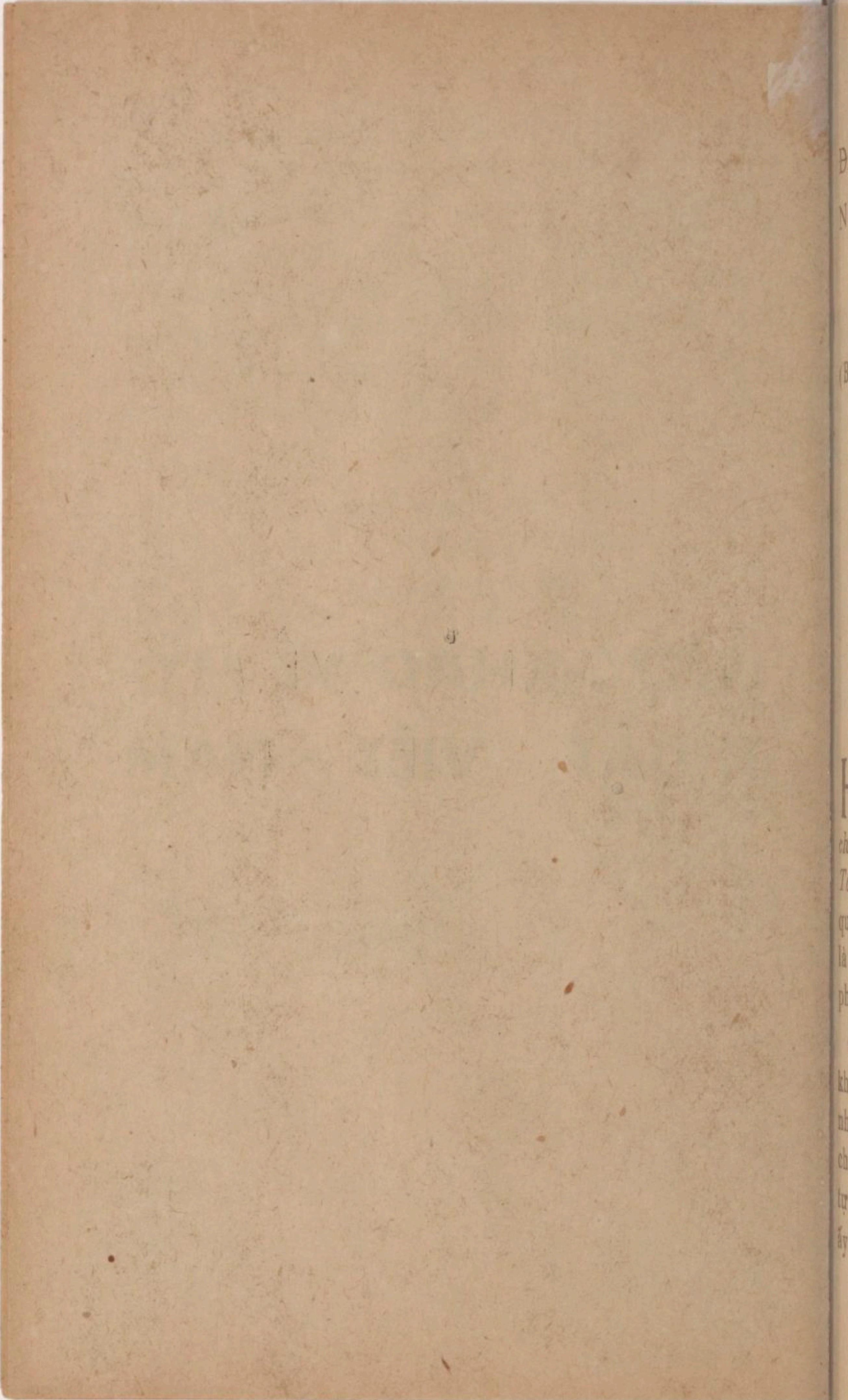
vượt qua phạm-vi giảng-đường và giới-hạn thời-sự. Bởi vậy, theo lời yêu-cầu của một số đông thỉnh-giả đã được hân-hạnh nghe ông Từ-Lâm nói chuyện, Quốc-học thư-xã xin phép Nguyễn-quân đem ấn-hành, mong gộp thêm chút tài-liệu vào nền Quốc-học và giúp cho sự học-văn của quốc-dân, tương cũng không phải là một việc vô- ích vậy.

Hà noi ngày 1er Mai 1942

LÊ-VĂN-HӨE

Giám-đốc Quốc-học thư-xã
kính tựa

**LƯỢC-KHẢO VỀ MỸ-
THUẬT VIỆT - NAM**



ĐẠI-CƯƠNG VỀ MỸ-THUẬT NUỐC
NHÀ TRONG HAI THỜI-KỲ CHỊU
ẢNH - HƯỞNG MỸ - THUẬT
TRUNG-HOA VÀ ÂU-TÂY

(Bài diễn-văn ở hội Trí - Tri Hà - Nội ngày
13 Août 1937 —)

I

Thưa các ngài,

HÔM nay tôi đem câu chuyện « đại cương về Mỹ-Thuật nước nhà trong hai thời-kỳ chịu ảnh hưởng mỹ-thuật Trung-Hoa và Âu-Tây », ra hâu chuyện các ngài, kè cũng quá « bao » ! Nhưng tinh bạo há chẳng phải là một tinh mà thanh-niên ta ngày nay cần phải có ?

Câu chuyện hôm nay tuy có tính-cách khảo-cứu, nhưng thực tôi chỉ ra công chép nhặt : rút một đoạn ở sách này, trích một chương ở sách kia, xếp-đặt lại cho có thứ-tự, rồi chua thèm mấy ý-kiến sơ-thiền ; ấy là « then chốt » câu chuyện hôm nay !

Còn nội-dung câu chuyện hôm nay thời phần nhiều về hội-hoa và điêu-khắc.

Thưa các ngài, trước khi nói về mỹ-thuật nước nhà, tôi xin dựa theo ý mấy nhà viết sử-ký Âu-Tây, nói qua về cõi rẽ mỹ-thuật của loài người.

Từ khi trái đất có loài người, thời người ta đã phải theo ngay một luật-lệ chung : ăn, uống, kiêm thức che thân, tìm nơi ẩn-núp khi mưa nắng. Tìm thức ăn như hoa quả, thời chỉ trèo lên cây hay vin cành cây xuống mà hái ; Nhưng muốn ăn thịt các thú chay trong rừng, các loài cá bơi dưới nước thì khó ! Người thương-cô liền kiêm gậy, lấy đá làm dùi ; lấy xương con vật đã chết, làm dao đê săn các thú vật. Còn cá thời họ chưa biết câu, nhưng biết lấy đá ném, lấy cành cây nhọn mà lao. Rồi dần dần họ biết mài đá cho nhẵn (*époque de la pierre polie*), và khắc lên ở cửa hang, những vách ngang, vách dọc, vách cong, rồi lần lần biết đục trạm cho ra những hình con vật sống ở thời-đại ấy..

Nhà khảo-cứu *Salomon Reinach* nói rằng : « Ta có thể so-sánh sự tiến-hóa về mỹ-thuật của người thương-cô với trẻ-thơ ở thời-đại văn-minh hiện-tại : Trẻ thơ thích vẽ những hình ngay ngắn, đối nhau (*symétrie*)

rồi thích tô thuốc, và vẽ những vạch nọ tròng lên vạch kia (*juxtaposition et l'enchevêtement des lignes*) ; khi mới tập vẽ, thời nguêch - ngoạc những hình thú vật, rồi mãi sau mới tới thời-kỳ chúng nó vẽ người ta và cây cối. »

Nay tôi xin bỏ cách quãng từ đời người thương-cô biết vẽ, biết nặn ; nói thẳng ngay đến thời kỳ nước nhà chịu ảnh-hưởng của văn-minh Trung-Hoa.

Câu chuyện mỹ-thuật cũng viễn-vông, cũng bát - ngát bao - la như câu chuyện văn-chương !

Nhưng xin tóm tắt mấy điều sau đây để, nhập đề : Từ thế-kỷ thứ II trước Thiên-chúa, hán-học truyền sang nước ta, rồi dần dần về sau các ông lương-lại Tầu : Nhâm-Diên Tích-Quang, Sĩ-Nhiếp sang cai-trị và mở mang, thời không những ta chỉ học Hán-tự mà thôi, còn hết sức hấp-thụ văn-minh của họ nữa. Bởi vậy mọi việc nhất-nhất ta đều theo Tầu. Cho nên những bức tranh của ta vẽ ngày xưa để lại chẳng khác gì những bức tranh của Tầu. Mà lạ nữa, hồi bấy giờ một nhà họa-sĩ nào, được tiếng khen là « chấm sơn-thủy như người Tầu » thời danh-giá vô chừng !

Trái lại, ngày nay các nhà họa-sĩ cùng học một trường, mà lúc phô-bầy những bức tranh trong một phòng triển-lãm, ta đều thấy mỗi họa-sĩ có một lối vẽ riêng, cõi tò nét vẽ mình khác người, khác... đời ! Bởi vậy những « tay xanh » có thể không cần nhìn chữ ký, cũng đoán được bức tranh này là của nhà họa-sĩ nào.

Khi xưa không những ta bắt chước Tàu từ lối vẽ, lối pha thuốc mà đến cách thức xếp đặt cùng ý-nghĩa một bức tranh đều nhất-nhất theo một khuôn phép sẵn sàng, và nhiều khi có điền-tích nữa. Thí-dụ :

Một bức tranh vẽ một con cò đang mắc mỏ ở miệng con trai, đằng sau một ông lão câu cá đang dơ tay định bắt lẩy. Bên góc bức tranh chua một câu thơ « *Bang duật tương trì, ngư ông đắc lợi tiếu hi, hi!* »

Thời trong sách *Chiến-Quốc* hay « *Trường đoản-thư* » của Lưu - Hướng đời Hán, có điền-tích sau này :

Nước Triệu toan đánh nước Yên, Tô-Tần vì nước Yên, sang nói với vua nước Triệu là Huệ-Vương rằng :

Vừa rồi tôi đi qua trên bờ sông Dịch-Thủy, tôi trông thấy con trai đang há miệng phơi mình ở trên bãi, có con cò đậu gần, mồ ngay vào thịt trai. Trai liền ngậm miệng,

cắp chặt lấy mỏ cò. Cò nói : « Hôm nay không mưa, ngày mai không mưa, thế nào trai cũng phải chết. » Trai nói : « Hôm nay không rút được mỏ, ngày mai không rút được mỏ, thế nào cò cũng phải chết. » Hai bên găng nhau, chả ai chịu ai, bông đâu có người đánh ca đi qua, trông thấy bắt được cả trai lẫn cò ...

Nay nếu nước Triệu đem quân sang đánh nước Yên, nước Yên tất phải chống lại. Hai bên đánh nhau lâu, hại người tốn của, chắc là suy-yếu cả — tôi e nước Tần thừa cơ ấy, đem quân chụp chiếm cả hai nước như người đánh cá bắt được cả trai lẫn cò, thì lúc bấy giờ hối cũng không kịp. Dám xin nhà vua thử nghĩ kỹ, lại xem. »

Huệ-vương cho là nói phải bèn định việc đánh Yên. »

Bức tranh trên này là kê vào hạng « Bách-cồ », nghĩa là về hạng căn-cứ về những diền-tích cồ. như « bát tiên quá hải, Tam anh chiến Lã Bố... Tô đồng Pha du Xích bích v.v... Hạng tranh « Bách-cồ » dến hạng tranh « Cồ-diền », họa-sĩ mình cũng cứ theo một khuôn phép cũ :

Như Mai hạc (hạc đứng bên cây mai); Nếu bên cây mai, vẽ một loài chim khác thời lại gọi là « mai điểu ». Theo ý rộng

hơn, nghĩa là vẽ « chim với cành hoa », thời gọi là « Hoa điệp ».

Bướm vẽ với cây lan, cây cúc, với quả dưa, thàuh những bức : lan-điệp, cúc-điệp, qua-điệp.

Có một điều lạ, là họ không bao giờ vẽ voi với cây trúc, hô với cây ngô-đồng, phượng - hoàng với cây chuối chẳng hạn.

Nếu ai vẽ như vậy, thời sẽ bị coi như người không biết « Cỗ điện » và sẽ bị chê-bai là « bô nhọ mỹ-thuật », vì voi thời phải vẽ với chuối (*tiêu tượng*); hô phải vẽ bên cây trúc (*trúc hô*) ; và phượng thời phải đậu trên cây ngô-đồng (*ngô đồng phượng*).

Ngoài những bức tranh kể trên, ta còn thấy :

Chim én bay trên ngọn trúc (Trúc yến)

Vịt bơi cạnh khóm hoa sen (Liên áp)

Hạc kiêng một chân đứng nghỉ bên cây thông (Tùng hạc)

Chim trĩ núp dưới cành mấu đơn (Đơn-trĩ)

Đàn gà kiếm ăn trên khóm ngô khoai (kê-cốc)

Hươu đứng bên cây tùng (tùng lộc)

Ngựa cất đầu nhìn cây liễu (mã liễu)

Đàn chuột đang dây vò mẩy quả lưu (lưu thủ)

*Mấy con dê be be bên cành lê (lê dương)
Sóc đang nhấm chùm nho (nho sóc)*

* * *

BÂY giờ tôi xin nói đến mấy bộ « tú binh » trọn bộ bốn bức, mà phải treo bốn bức thời mới đủ nghĩa :

Bốn bức « tú hựu » hay « tú qui » thời một bức vẽ một khóm Lan với những cành lá dẻo mướt, chen bên mấy dò hoa yêu-diệu, một bức vẽ một gốc « Mai » già-dặn với những bông hoa xinh xắn ;

Một bức vẽ mấy khóm « Cúc » với những chùm lá giáng đẹp, những bông hoa mới nở, chen thêm mấy chiếc nụ hàm-tiểu ;

Một bức chấm một khóm « Trúc », thân cây vừa cao vừa ẻo-lả, cây nọ dựa cây kia, ngả nghiêng theo chiều gió...

Bộ « Tú thời » nghĩa là tả « Bốn mùa » thời cành « Mai » tiêu-biều mùa xuân ; « Hoa sen », mùa hạ ; « Cúc », mùa thu ; « Tùng », mùa đông.

Chỗ này, ta nghiệm thấy tâm-hồn các nhà thi-sĩ, họa-sĩ nước nhà giống nhau. Tiên-điền tiên-sinh viết chuyện Kim-Vân-Kiều có câu :

Sen tàn cúc lại nở hoa, cũng tả sen tàn là qua mùa hạ, « cúc lại nở hoa » là bắt đầu sang mùa thu.

Câu : « Đào đã phai thắm, sen vừa nảy xanh » cũng tả cảnh « xuân qua hè tới ».

Lại câu :

Sân ngô cành bích đã chen lá vàng
Giàu thu vừa nảy giờ sương...

Tiên-diền tiên-sinh không nói đến « cúc », mà ta đọc hai tiếng « giàu thu » cũng phải hiểu là cái giàu chẵn ngang, có giọng mấy cây cúc. Như vậy ta đủ biết « cúc » thay cho « mùa thu » đều được ai ai cũng công nhận.

Thi-sĩ Thúc-Gia trong một bài thơ nhanh là « Chờ bạn » có câu :

Thay đổi cúc vàng, mai lại trắng
Hẹn hò sen thắm, liễu còn xanh

Trong hai câu thơ này Thúc-Gia tiên-sinh nói đến cả bốn mùa, cũng dùng cúc tả mùa thu, mai mùa xuân, sen mùa hạ ; chỉ riêng có mùa đông là tiên-sinh lấy cây liễu thay cho cây tùng. Phải chăng là tiên-sinh thấy cây liễu lơ-thơ buông mành mà nghiêm thay như một cô tiểu-thư đang rét mướt, lạnh-lěo, nên lấy cây liễu tiêu-bèu mùa đông ? thật cũng như hệt vậy.

Một bộ từ-bình khác, thời một bức chấm :

Một ông lão, ngồi đầu mũi thuyền đang bình tĩnh câu cá.

Một bức vẽ một người đang gánh trên vai hai bó củi khô ;

Một bức vẽ một người quần áo săn gọn gàng đang cầy ruộng với một con trâu mạnh mẽ ;

Một bức nữa vẽ một cậu cưỡi trên mình trâu đang vui vẻ thổi sáo.

Bốn bức này gọi là : « Ngư, tiều, canh, mục » ; cũng có nhà họa-sĩ thấy cạnh bức tranh vẽ người và trâu đang cầy ruộng, lại treo một bức vẽ một cậu bé cũng cưỡi trâu, liền đồi bức tranh vẽ mục-đồng mà vẽ một người học-trò đang học, hay đang viết thay vào.

Bốn bức như vậy lại thành : *ngư tiều canh đọc*.

Một bộ tứ-bình nữa, cũng thông-dụng lắm là một bộ vẽ bốn năm nàng tiên đang gầy đàn, đánh cờ, làm thơ hay ngồi vẽ. Tức là bộ : *Cầm, kỳ, thi, họa*.

Treo bốn bức tranh này trong nhà, có ngụ ý là muốn tỏ nhà mình là nhà thế-phật, vì « cầm, kỳ, thi, họa » là cái đặc-tính nhàn - hạ của người thượng - lưu khi xưa ;

Thế cho nên Tiên-điền tiên-sinh muốn tả nàng Kiều là người đủ mọi điều tài-hoa, và giòng dõi trâm-anh, đã viết :

Đời phen, nét vẽ, câu thơ

Cung cầm trong nguyệt, nước cờ dưới hoa

Trong truyện Nhị-đô-mai cũng có câu :

Đàn trước gió, rượu trên hoa

Câu thơ trong tuyết, cuộc cờ dưới giảng

Ông Nguyên-công-Trúc cũng ngâm rằng :

Đàn năm cung giéo-giắt tình tình dây

Cờ đôi nước rập-rình xe ngựa đó ;

Thơ một túi phảm - đề câu nguyệt lợ

Rượu ba chum tiêu sai cuộc yên-hà.

Thật là thi-sĩ, họa-sĩ nước nhà cùng chung một tâm-hồn.

Còn một hạng tranh nữa, mà họa-sĩ có thể tự-do phá nét, thu gọn trời đất, nước non vào trong một bức tùy theo khổ giấy to nhỏ. Ấy là những bức tranh « sơn-thủy » nghĩa là có núi và nước. Nhưng nếu vẽ thêm nhà cửa, tháp, lâu-dài hay « lác-đá-bên-sông-chợ-mấy-nhà » thời người ta lại gọi là « Sơn-dinh ».

* * *

Nay tôi xin nói qua về hình thức những bức tranh của người Tầu. Người Tầu khi xưa thường hay vẽ lên lụa, lên giấy, và hay dùng thoi mực đen mài ra, gọi là lối « thủy mặc » còn vẽ thuốc thời dùng các thứ phảm, mà lúc vẽ thường hay « phá nét », đặt bút xuống thời không do-dự nữa, cứ theo cái

« mâu » vẽ sẵn trong trí mà tung-hoành lăn lộn ngọn bút đậm mực hay đậm nước thuốc lên tờ giấy hay tấm lụa. Nên có người nói rằng : Người Tầu tập viết chữ chính là tập vẽ, vì vậy phần nhiều ai viết chữ tốt thời vẽ giỏi.

Biết phân-biệt chữ tốt của người Tầu không phải là dễ, nên nhai thấy cái đẹp của bức tranh Tầu thật là khó ! Còn về hình giáng những bức tranh, thời người Tầu hay vẽ những bức tranh có hai trục hai đầu treo thẳng từ trên dỗ xuống (giống như lối *Kakemono* (1) của người Nhật) ; Hay là vẽ những bức tranh nho nhỏ để lồng khung kính (lối này người Nhật gọi là *Gaku* (2)) còn lối ngang và cũng có hai trục hai đầu, lối này không treo được, chỉ cuộn lại, khi nào xem đến mới rõ ra. Lối này người Tầu ít dùng. (Trái lại người Nhật hay dùng và gọi là *Makemono* (3))

Nay tôi xin nói qua đến những bức tranh có tính-cách huyền-bí !

Bức tranh vẽ mà cũng có tính - cách huyền-bí, thật là người ta thích sống trong

1) *Kakemono* = 横懸物 (quải huyền vật)

2) *Gaku* = 額 (ngạch)

3) *Makemono* = 卷物 (quyển vật)

mộng - tưởng, dễ tin điều dị - đoan, hay
ưa đặt ra những truyện dị - kỳ ! Các ngài
hãy nghe câu chuyện một nhà thờ tranh
« đức Thánh-Quan », gấp lúc trong nhà có
người đau nặng, thuốc thang mãi không
khỏi, sau xem quẻ bói người ta bảo rằng
« có tà làm ». Chủ nhà liền làm lễ khấn
đức Thánh-Quan cứu cho khỏi. Quả-nhiên
hôm sau bệnh-nhân khỏi dần. Rồi họ nói
rằng trên bức tranh thờ, người ta thấy
thanh long - đao ông Châu - Xương cầm
đứng hầu bên Ngài, có vết điem đỏ, người
ta tin rằng đây là Ngài đã giết tà nên
thanh long-đao còn dây máu.

Tiếp câu chuyện trên, xin hiến các ngài
một câu chuyện cõ-tích của người Nhật,
cũng có tính-cách huyền-bí :

Trong một ngôi đền có treo một bức
tranh vẽ một con ngựa đen của nhà họa-
sĩ Kanaoka (thế-kỷ thứ IX). Từ ngày treo
bức tranh ấy thời những vườn cây ở vùng
ấy thường hay bị một con vật nào đến
phá - hại. Một bữa người ta rình, thời
người ta thấy hút bóng một con vật
đen, liền đuổi theo, thấy con vật ấy
chạy vào một ngôi đền. Lúc vào đền thời
không thấy gì cả, nhưng có người đề ý
đến bức tranh con ngựa đen của Kanaoka

vẽ, thời thấy hình con ngựa đen ấy toát mồ - hôi ra giáng mệt - nhọc như vừa bị đuổi ! Một người túc giận mới lấy bút mực vẽ ngay lên bức tranh ấy một cái thùng buộc con ngựa đen ấy vào một cái cọc ! Từ đấy người ta không thấy con ngựa đen ra phá mùa màng nữa !

Còn câu chuyện sau này : Nhà danh-họa Sesshus (sinh năm 1420 mất năm 1506), khi còn nhỏ làm « tiểu » ở một ngôi chùa, tinh ham vẽ, nên nhãng cả việc kinh-kệ. Một lần bị phạt, phải trói vào cột chùa, Sesshus nức nở khóc ; khóc chán rồi, anh chàng « mê vẽ » mới lấy nước mắt vẽ lên thèm nhà mấy con chuột con ; vẽ xong tự nhiên những con chuột vừa vẽ hóa thành chuột thật chạy lại cắn giây trói cho Sesshus !

Sư-trưởng tại chùa ấy thấy vậy mới tha Sesshus và từ bấy giờ cho Sesshus tự-do học vẽ, quả nhiên về sau Sesshus trở nên một nhà họa-sĩ có tiếng ở nước Nhật về thập ngũ thế-kỷ.

Cho nên ngày xưa người ta tin rằng : vẽ một bức tranh mà giống hệt sự thực thời bức tranh ấy có thể cử-động được như có thần-hồn vậy.

Thưa các ngài, tôi đã kê đại-cương các

Bức tranh ta đã vẽ theo Tầu, bây giờ xin nói đến qui-lệ ta lĩnh hội của Tầu về trang hoàng mỹ-thuật.

Trước hết xin nói đến những hình giản-dị người ta thường dùng để « *che kín* » những chỗ trống trại (*remplissage*) hay làm lót « *lót* » (*Jeu de fond*).

Như hình :

Mặt vỗng (hình quả trám) ; *kim qui* (hình lục giác) ; *kim-qui thất-thê* (tức là hình như mảnh sàn h ran); *Bông thi* (cánh nhỏ và dài) ; *Bông đào* (bốn cánh) ; *Bông mai* (năm cánh) ; *Bông chanh* bốn cánh nhón bốn cánh nhỏ) *hồi-văn chữ vạn* (𠂔) ; *chữ công* (工) ; *chữ nhân* (人) ; *chữ á* (亞).

Trên những hình lót kè trên, người ta thường khắc những hình như :

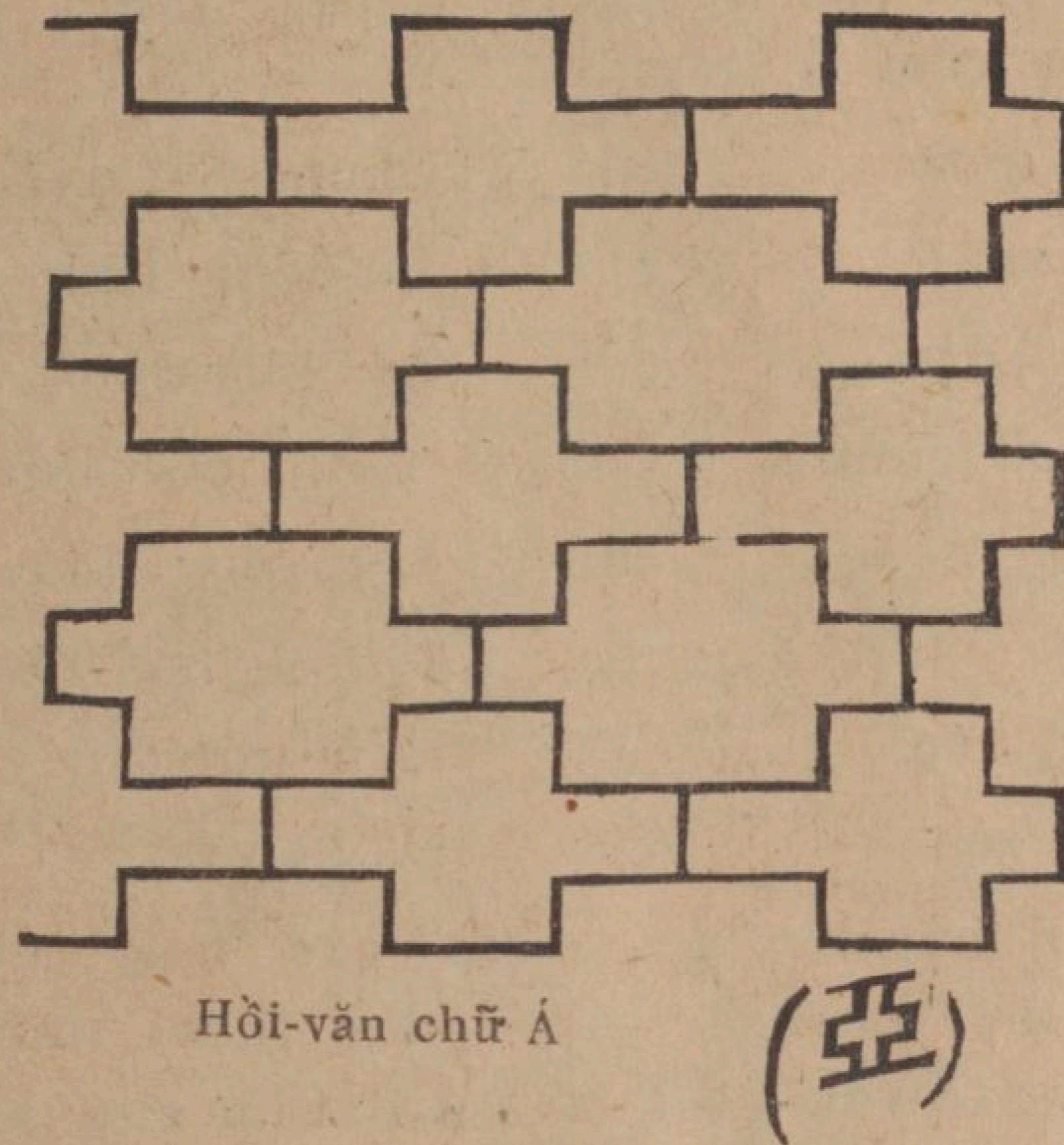
Tam-sự nghĩa là một cái đinh với hai cái lọ cắm hương ; *Ngũ-sự* nghĩa là một cái đinh, hai cái lọ cắm hương và hai cây đèn.

Bát bửu thời có :

Pho sách, cuốn thư, lăng hoa, bầu rượu, đàn tỳ, cái quạt, phất trần cây như-ý (1).

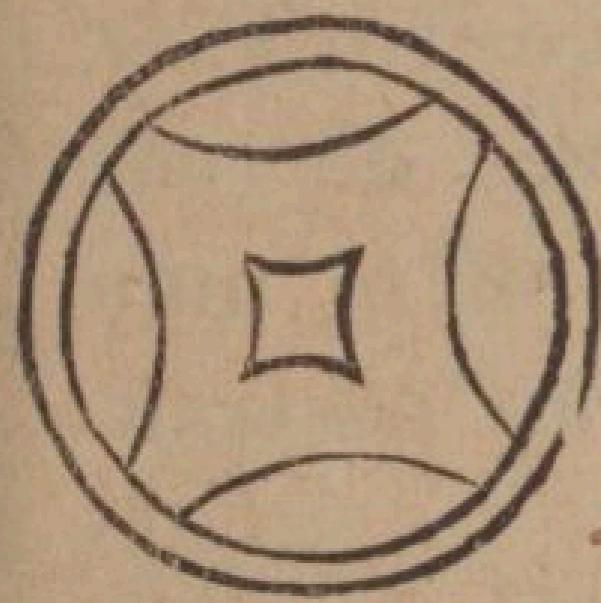
Ông Bushell trong cuốn « *L'art chinois* »

1) — Cây « như ý » là thức người Tầu đặt ra để tặng nhau ; thức ấy dài độ bằng cái quạt làm bằng gỗ trầm hay bằng ngọc, bằng vàng thân uốn cong ; đầu có bình một cái nấm Chi ba tai

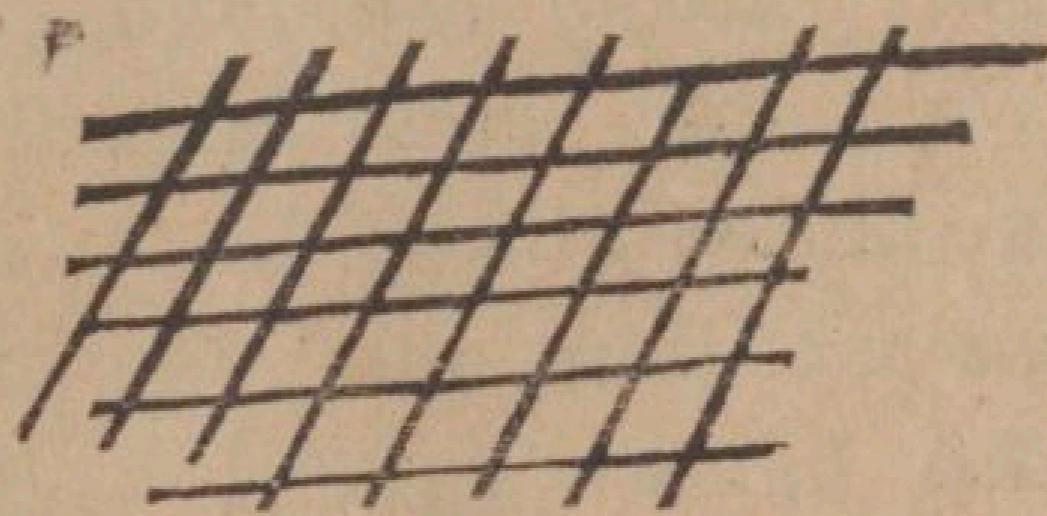


Hồi-văn chữ Á

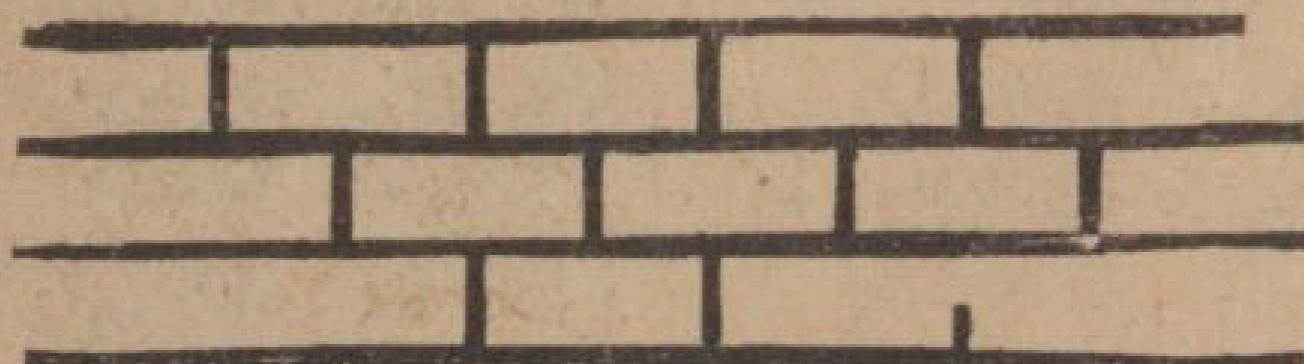
(亞)



Kim-tiền



Hình mặt vồng



Hồi-văn chữ Công

có chép « *bát bửu* » là những thức tám vị tiên cầm ở tay :

Cái quạt	của	Chung-ly-Quyền (2)
Đôi xênh	của	Lã-đồng-Tân
Bầu rượu	của	Lý-thiết-Quài
Thanh gươm	của	Tào-quốc-Cửu
Lăng hoa	của	Lam-thái-Hoà
Gậy	của	Trương-quả-Lão
Ống tiêu	của	Hàn-tương-lử
Hoa sen	của	Hà-tiên-Cô

Đoạn này tôi xin phép các ngài chua thêm một câu sau này cho thêm vui :

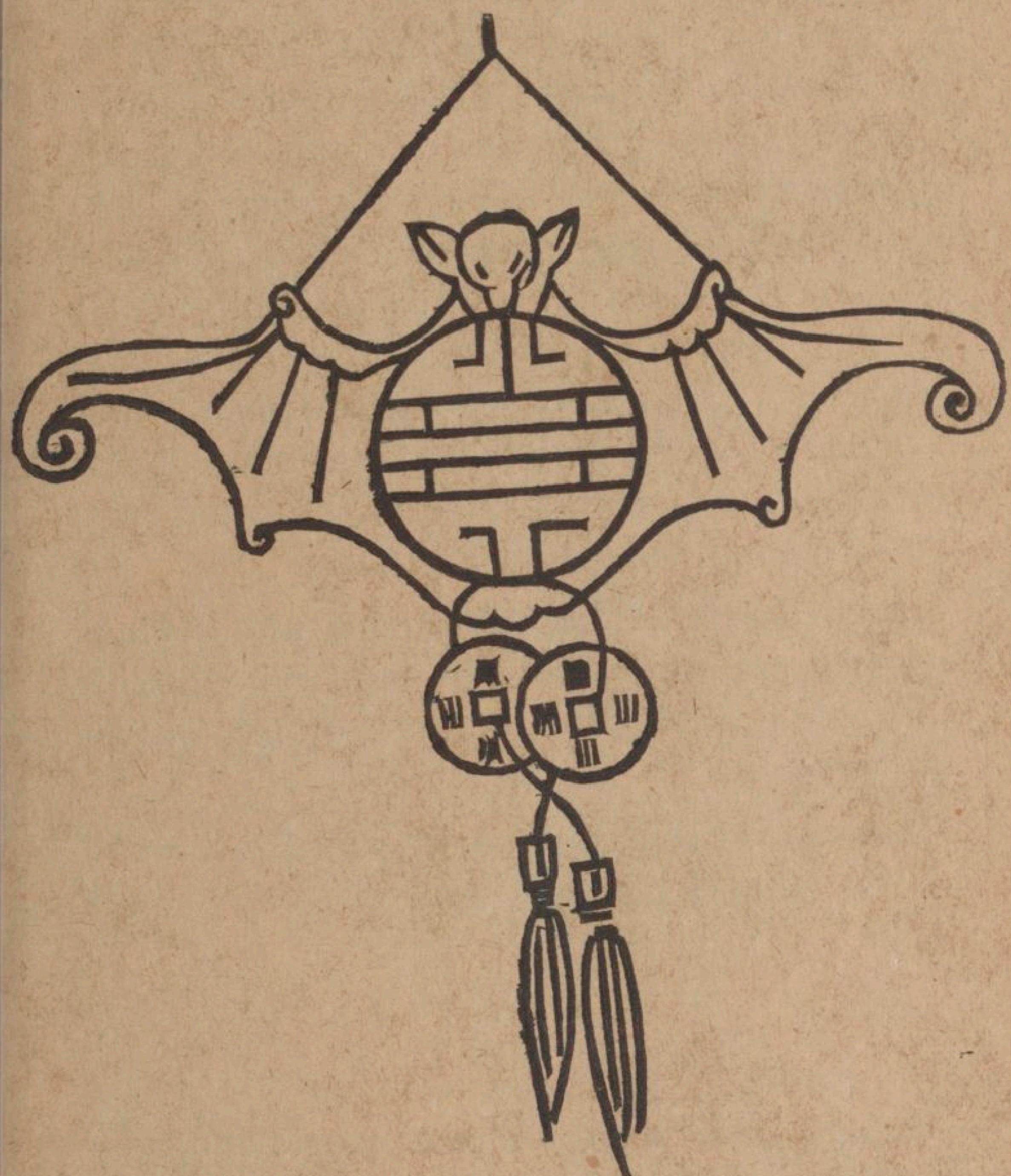
Trong truyện « Kiều », Từ-Hải lúc cưới Kiều cũng sắm-sửa cho nàng lịch-sự lắm :

Đặt giường thất bảo, quây màn bát tiên.

Tôi đọc câu Kiều trên cốt để các ngài không những dễ ý đến cái diềm màn thêu bát-tiên, mà đến cả cái sập gỗ trạm « *thất bảo* »

Trên ta đã biết bát-bửu là những thức gì, nay nói đến « *thất bửu* », nếu ai nông-nỗi thời đã vội tin là « *bát bửu* » trừ đi một thức, thì thành ra « *thất bửu* » ; Nhưng không phải. Thất bửu đây là bảy thức quý :

2) Cũng có sách chép Chung-ly-Muội.



Phúc thọ song toàn

San-hô, hổ-phách, xà-cù, mǎ-nǎo, sinh-kim, trân-châu và vân-mẫu.

Nay tôi xin nói qua về những hình xếp lại mà có ngụ ý một câu chữ nho ; nghĩa là trên một bức hoành chǎng hạn trên có một *con giời* ngậm một *chữ thợ*, dưới *chữ thợ* có đeo hai *đồng tiền*, thời người xếp những hình ấy có ý thay cho bốn chữ « Phúc, thợ, song toàn » vì rằng *chữ thợ* thời không cần nói đến nữa, còn con « *giời* » thay cho chữ « *phúc* », hai « *đồng tiền* » là « *song tiền* », thay cho hai chữ *song tuyền*. (Đặt dựa theo lối chữ nôm hay là Hài-Thanh trong Lục Thư).

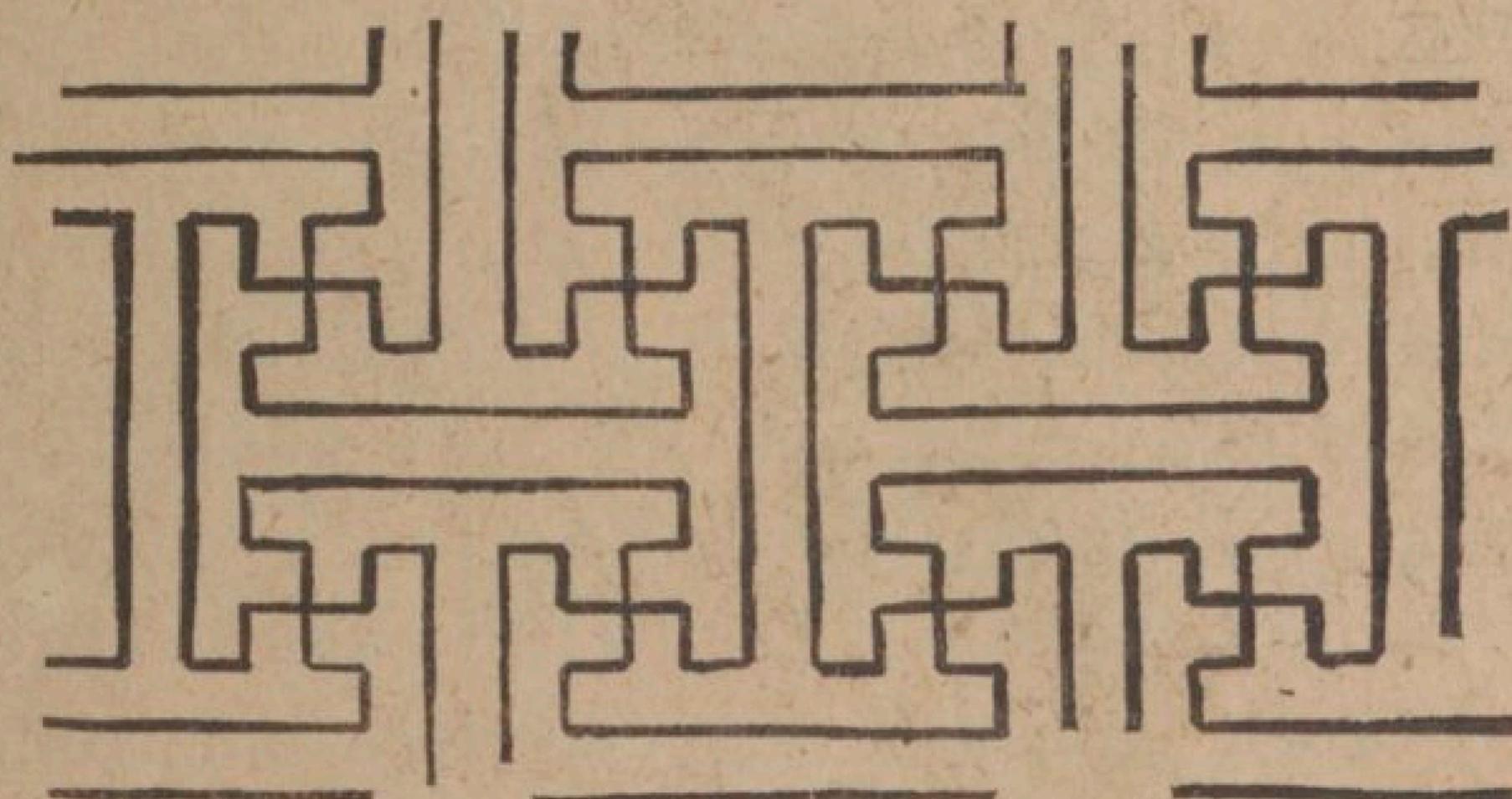
Hoặc họ xếp những cái lọ (chữ nho là *bình*) và một cây như-ý đê trên một cái giá (chữ nho là *án*), thời có nghĩa là : « *bình an như ý* ». (1)

Đại-cương như vậy mà họ xếp được nhiều câu ý-nghĩa thâm-thúy thay.



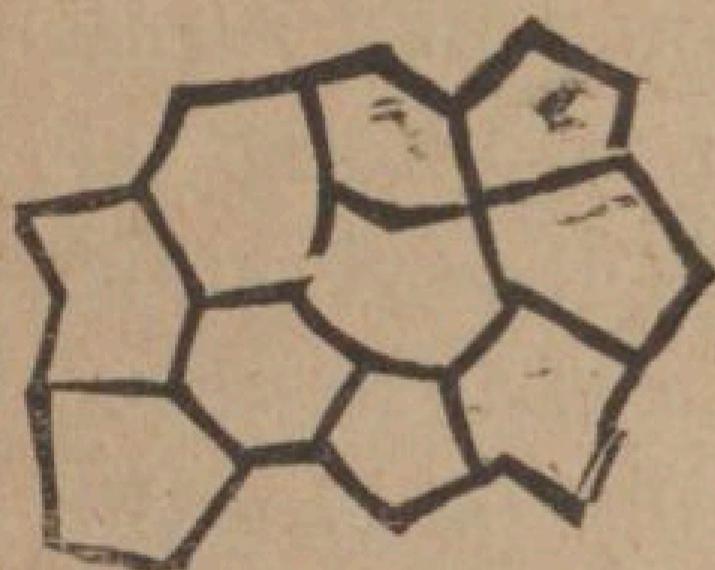
« Vua Tề xưa có hỏi một người thợ vẽ : « Vẽ cái gì khó ? ». Người thợ vẽ tâu rằng : « Vẽ trâu, vẽ ngựa khó. »

Nhà vua lại hỏi : « Vẽ cái gì dễ ? ». Người

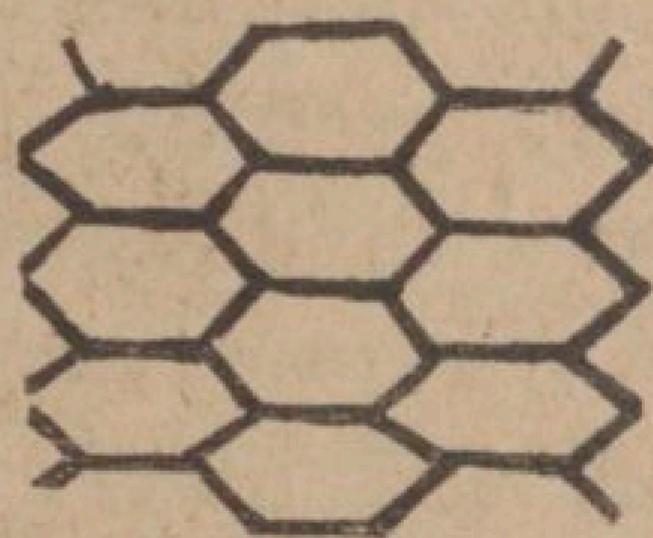


Hồi-văn chữ Vạn

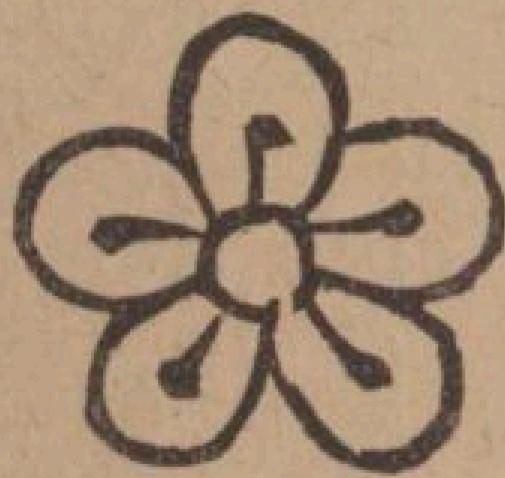
(သ)



Kim-qui thất-thề



Kim-qui



Hoa mai



Hoa đào

thợ vẽ tâu ; « Vẽ quỉ, vẽ rồng dê ». Nhà vua hỏi tại sao ; thời người thợ vẽ tâu rằng : « Trâu ngựa ai cũng trông thấy, vẽ mà không giống, thời người ta cười, cho nên khó vẽ. Quỉ, rồng có thể nói là ít ai trông thấy được, cho nên tuỳ ý muốn vẽ thế nào cũng được, không sợ ai bê cho nên dê vẽ ! »

Ở nước ta khi xưa, cũng nhiều người nhiễm cái ý-tưởng chất-phác ấy, cho nên bảo vẽ hổ, vẽ voi, thời lưỡng lự ; bảo vẽ rồng thời vẽ ngay, vì họ sợ vẽ hổ không nên, thì bị mỉa mai là :

« Họa hổ bắt thành phản loại cầu ! »

Hiện thời theo tây-học thời khác hẳn : Tuy rồng là một linh-vật, ngày nay không ai trông thấy, nhưng nếu một anh thợ vẽ vụng về vẽ một con rồng « méo miệng », bốn chân vẽ như « có tật » hay « què khịu » thì vẫn bị chê bai là « Họa bắt thành Long ! »

Nói chuyện đến rồng, nhân tiện nói qua về bộ tứ-linh : Long, lân, qui, phượng.

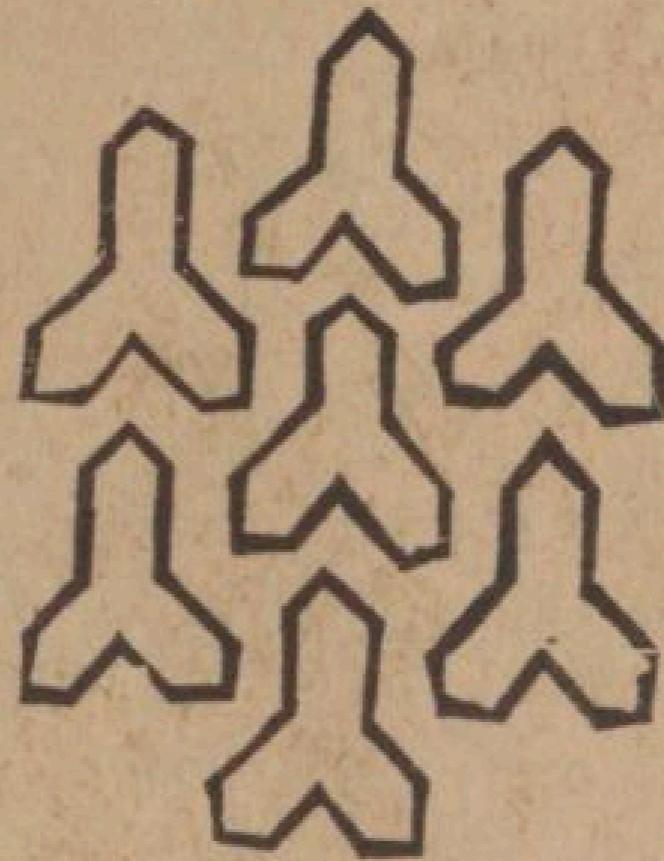
. . .

Trong tự-diễn Tâu có tả hình con rồng như sau này :

Rồng có sừng, như sừng hươu ; đầu thời giống đầu lạc-dà (?) ; mắt thật là mắt quái

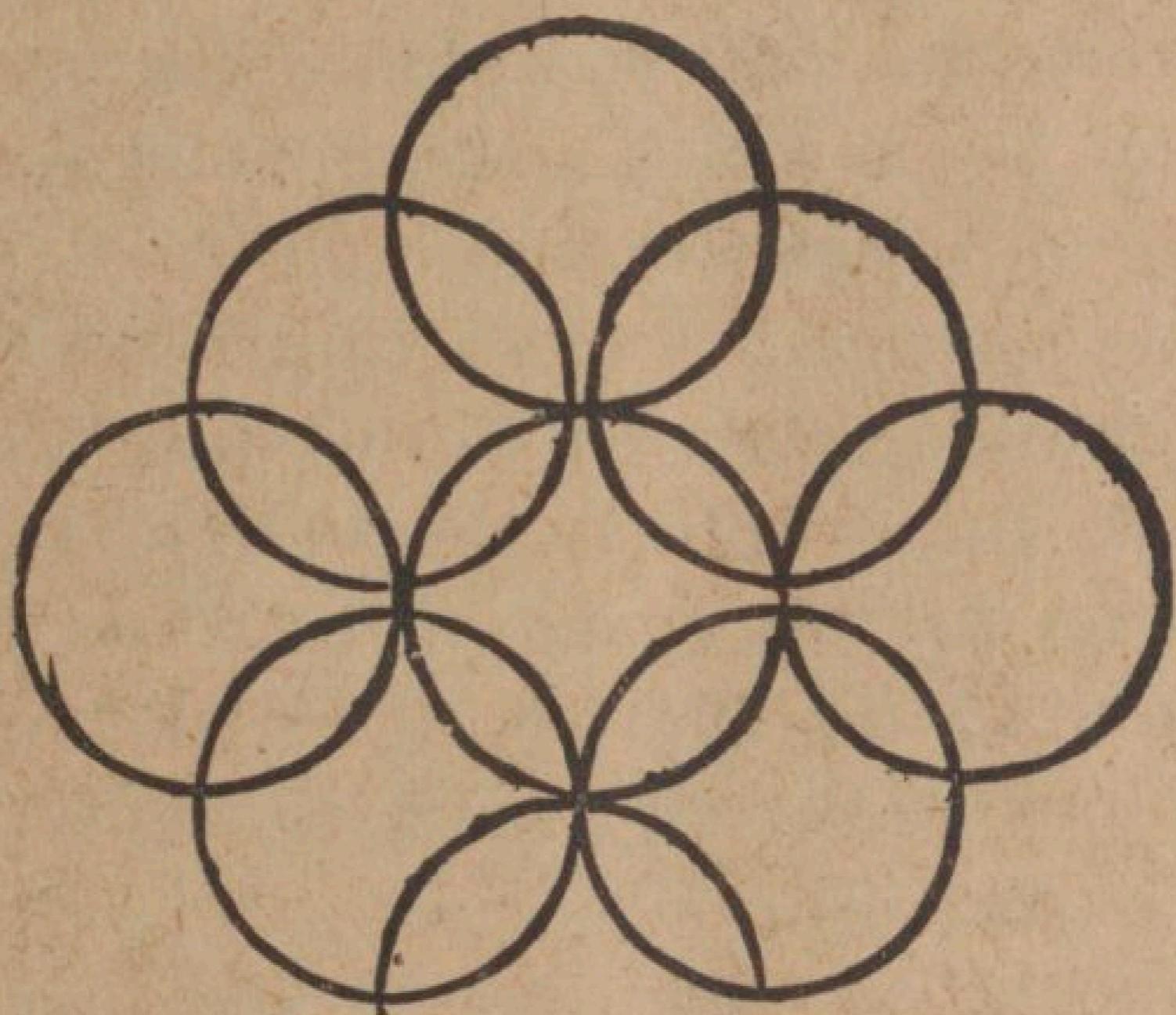


Hoa chanh



Hồi-văn chữ
Nhân

(N)



Hoa thị

vật ; cổ rắn ; bụng cá xấu ; có vây như vây cá ; có móng như móng diều-hâu ; tai như tai bò (?), nhưng rồng lại nghe băng sừng (?)... Trong mấy câu tôi vừa kê đây có thể đánh được ba bốn cái dấu hỏi.

Nói chuyện « con rồng » nó viễn-vông có lẽ hơn chuyện phong-thần, kiêm-hiệp... Nên tôi chỉ xin nói mấy điều thường-thức, như rồng thời tiêu - biều nhà Vua Thiết-triều, Nhà Vua ngồi ngai trạm rồng, và mặc áo đại-triều thêu rồng v. v... Cung điện nhà Vua, thời trang-hoàng băng : *Lưỡng-long chầu nguyệt*, *Lưỡng-long tranh châu* ; hay rồng có mây phủ chung-quanh, gọi là « *Long ẩn vân* », hay rồng cuồn nước với cá gọi là « *Ngư long hí thủy* ».

Rồng phần nhiều vẽ cả con và nhìn ngang (*profil*) nhưng cũng có khi vẽ lối nhìn trước mặt (*de face*). Lối này thời thường trên trán có chấm ba nét ngang và một nét dọc (tả ba cái ngắn ở trán), có người đọc mấy nét ấy là chữ *vương* (王) cũng có người đọc là chữ *nhâm* (壬).

Trên tôi đã nói rồng là tiêu - biều nhà Vua, nên mọi thức ngự-dụng đều có rồng (*xin nhớ là rồng năm móng*). Ngày xưa các quan đại-thần nếu muốn trang-hoàng nhà cửa băng những hình rồng, thời phải

vẽ giản-dị, sơ-sài, vẽ một con vật gần giống con rồng mà thôi, có lẽ bởi vậy người ta lấy hình con « *giao* » mà thay cho con rồng.

Ông Paulus Của có viết : « Giao thuộc về loài rồng, nhưng không có sừng, người ta tin rằng con giao ở dưới đất, mà mỗi khi lên khỏi mặt đất, thời chõ ấy thành hồ, thành sông. »



Kỳ-Lân. Theo tự-diễn Tầu, thời *Kỳ* là con đực, *Lân* là con cái. Vậy *Kỳ-Lân* là một đôi chứ không phải một con. Người ta còn gọi là *Long-Mã*; *Long-Mã* thời trở được cả con *Kỳ*, lân con *Lân*.

Theo cỗ-tục Tầu thời người Thượng-Cồ rất trọng-đãi, qui mến giống *Kỳ Lân*, vì giống ấy không những chỉ ăn cỏ khô, mà còn không nỡ xéo lên những cây cỏ còn non. Giống-*Kỳ-Lân* coi như linh-vật, ai có phúc lâm, giống ấy mới tới hà, vì vậy có câu « *Lân chỉ trình tướng* » và câu « *Kỳ-Lân tai thử* ».



Phụng-Hoàng-Theo tự-diễn Tầu thời *Phụng* là con đực và *Hoàng* là con cái.

Giống phụng-hoàng tiêu-biều nhà-Vua về
nữ-giới, như Hoàng-Hậu thời mặc áo « *cửu-
phụng* », đi giầy « *thêu song phụng* »... Trong
lễ Ninh-lăng đức Phụ-Thiên thuần Hoàng-
Hậu, những đòn kiệu tuyền lá « *đòn phụng*
(chứ không phải đòn rồng.)

Ta nên đề ý đến các đèn, lâu dài... hẽ
trên nóc có đắp mẩy con phụng thời đèn
ấy thờ một *vị nữ thần*, hay lâu-dài ấy là
của một *bà chúa*.

Phụng tiêu-biều cả tình phu-phụ, như
truyện Phan-Trần có câu: « *Phụng-loan rầy
gặp, phong vân phải tầm.* » Theo Tự
diễn Tàu, Loan là một giống chim tương
tự chim Phụng, chỉ khác là mình có
nhiều lông sắc xanh. Con cái gọi là Hòa.

Trong truyện Kiều cũng có câu :

*Phỉ nguyền sánh phượng, đẹp duyên cưỡi
rồng.*

• • •

Quy (tức là con rùa). Người Tầu cho
rằng loài Quy sống một ngàn năm, nên
đáng quý, nhưng cũng có người không trọng
vì họ tin là rùa chỉ có con cái chứ không
có con đực, mà lại hay « *nằm chung ổ* » với
loài rắn; cho nên khi xưa ở bên Tầu, hẽ
của ngõ nhà ai, mà người ta vẽ một con

rùa, tức là trỏ trong nhà ấy có người con gái hư, hay là « *gái chưa có chồng mà đã có con* ».

Nhưng người ta vẫn cho « Quy » là linh-vật vì trên mai có hình bát-quá, nên rùa thường vẽ trên lưng có đeo « cỗ-đồ » (1).

Ngày nay có người lại cho là rùa tiêu-biểu cho sự chậm-chạp (vì có câu chậm như rùa bò) mà còn tiêu-biểu cho sự nặng-nề khó nhọc nữa, vì có câu :

*Thương thay cho phận con rùa
Trên đinh đội hạc, dưới chùa đội bia.*

* * *

Ngoài bộ tứ-linh ra còn mấy con vật nữa cũng nên nói đến : con giỏi tiếng chữ là « *búc* » (蝠) nửa chữ bên hữu giống với nửa chữ bên hữu chữ phúc (福) trong thành-ngũ « *hạnh phúc* ». Nên nhiều khi người ta chậm năm con giỏi, tức là ngũ phúc (Phú, quý, thọ, khang, ninh) (1)

Người ta vẽ một con giỏi ngậm một cái khánh thời thành « *phúc khánh* » cũng là câu chúc tụng cả.

1). — Theo Kinh-Dịch, thời cỗ-đồ là những chữ đầu tiên của loài người

1) Cũng có sách chép ngũ phúc là: Phú, thọ, khương-ninh, Du-hảo đức, khảo-chung-thân

Bây giờ xin nói đến con Sư hay là con Sư-tử: người ta thường đắp bằng vôi, hay làm bằng xanh, bằng sứ và thường gắn lên trên hai trụ ở cổng ra vào. Ngoài ra người ta thường chấm một con sư-tử vờn một quả cầu, hay năm con sư-tử đang tranh nhau một quả cầu tức là *sư hi cầu* hay « Ngũ sư hi cầu ».

Gần giống « sư-tử » và giống « kỳ lân », thời có con « nghê » hay là « toan nghê » ; tượng con vật bằng đồng bày ở sân điện Thái-hòa trong Nội hay là trước nhà « bia đình » ở lăng Thiệu-Trị là đúc theo hình con nghê.

Kề ra còn có con cá, con voi cũng nên nói qua đến.

Cá tiếng chữ là *ngư* (魚) đọc theo giọng Tầu lơ-lơ với chữ « dư » (餘) là thừa vì vậy ta thường thấy người Tầu bán những bức tranh, vẽ một câu con-nít nhoẻn-miệng cười, và ôm vào lòng một con cá. Bức tranh ấy ngụ ý là « Câu bé con nhà giàu có của dư ! Phải chăng tháng tám, phố Hàng Gai (Hanoi) bán la liệt [những cá bằng nan phất giấy, cũng theo ý nghĩa ấy ? Vì tết Trung-thu là tết tập-tục của Tầu.

Con cá chép (ở Trung-ky kêu là con cá

gày) còn có dien-tich là « cá có đi thi » nên có câu « Vũ môn tam cấp » và câu « Long-môn điểm ngạch »...

Còn voi thời khi xưa, ngay ở nước ta cũng được nhà vua trọng - đãi lẫm, vì voi rất khôn. Dưới đây xin kể câu chuyện : « Ông voi Ré rất có công mẩy lần ra trận, bị thương mà vẫn đầy nhiệt-huyết, biết tiễn chử không biết thoái, nhưng một lần bị giặc bắn nhiều mũi tên tẩm thuốc độc trúng mình, và bị mác phỏng, đâm sâu vào thịt, không thể chịu nổi. Biết mình không thể sống được nữa, đành vùng quay trở về, nhưng chưa tới chân thành thời kiệt lực không chạy nổi nữa, ngã xuống đất, rέ lên mẩy tiếng thét to, như có ý mnốn báo đến tai nhà Vua biết cái chết vinh-hạnh của mình. Bình-linh nghe tiếng voi ré, đồ xô lại cứu nhưng không kịp. Voi Ré đã thở hơi cuối cùng. Thương tâm, nhà vua sắc xây đèn thờ. Hiện nay đèn thờ ấy vẫn còn, tức là đèn Long-châu ở Huế. Trong đèn này còn thờ mẩy ông voi khác như Bích, Nhĩ, Bôn...

Tượng voi chạm bằng đá, hay đắp bằng xi-măng thường thấy tại sân lăng-tẩm ở Huế đứng đối diện với một con ngựa và xếp hàng với tượng quan văn, quan võ.

Ngoài ra ở các đền, các đình, cũng có tượng cả voi lân ngựa. Nhưng tượng này nhiều khi người mình làm rất thât cách, ví-dụ tượng một con ngựa bằng gỗ, cao bằng ngựa thật, hết thấy thân mình con ngựa đều bằng gỗ, mà lại nỗi cái đuôi bằng lông đuôi ngựa thật !

Trông thật là kỳ dị. Phải chăng là ta đã hiểu lầm nghĩa câu của ông Boileau :

« *Rien n'est beau que le vrai, le vrai seul est aimable* » không gì đẹp bằng sự thật, chỉ có sự thật là dễ coi)

Nay tôi xin tiếp sang phần thứ hai của câu chuyện hôm nay : đại-cương về mỹ-thuật nước nhà trong thời-kỳ chịu ảnh hưởng mỹ-thuật Tây-phương.

* * *

II

TỪ khi người Pháp sang nước ta cho đến ngày nay, trình - độ mĩ - thuật nước nhà đã bước lên được một bậc cao. Ta đã theo học mĩ-thuật Tây-phương, và cải - cách, nên tiến bộ được nhiều. Nhưng không bao giờ ta quên được cái vết văn-minh Tầu đã in sâu vào óc ta từ trước, cho nên có người ngoại-quốc đã nói : « Mĩ-thuật An-nam tức là mĩ-thuật Tầu đồi bại. (*L'art annamite est l'art chinois atrophié, étriqué, en un mot, décadent*). »

Có lẽ người ngoại-quốc tới xứ ta thường nhầm một người thợ giỏi (artisan) với một nhà mĩ - thuật (artiste) nên mới có người thốt ra câu nói trên. Kẽ ra thời người nước ta cũng lắm người có hoa tay, nếu chịu da công luyện tập vẽ hội - họa, hay điêu-khắc

thời lâu ngày cũng thành tài. Nhưng tiếc rằng tuy có thiên-tài, mà phần nhiều lại chóng nản chí vì thấy học vẽ, học nặn lâu công và nhất là lúc ra đời thường phải phẫn-dẫu khó nhọc nên đã bỏ theo một con đường khác.

Trong nước ta hiện thời những người biết chuộng mỹ-thuật không phải là hiếm.

Có người kè rắng :

Nhà nghệ-sĩ trú-danh - Léonard de Vinci, người Ý-đại-lợi về thập-ngũ thế-kỷ (1452 — 1519) thông minh và tài hoa rất mực vì trong tay ông có nhiều nghề : điêu khắc, kiến-trúc, hội họa mà ông lại còn là một nhà hóa-học, nhà toán-học, nhà kỹ-sư là khác. Nếu ông Léonard de Vinci không phải là một nhà chuộng mỹ-thuật thời ông đã chọn một nghề khác và ông không bỏ ra bốn năm trời để vẽ một bức tranh «*La Joconde*» mà ngày nay nhiều nhà phê-bình cho là bức mỹ-nhân ấy có cặp mắt mơ-mộng, huyền-bí vô song. Tôi không dám tự riêng phê-bình, nhưng tôi đã được ngắm tranh ấy tại viện bảo-tàng (musée du Louvre) ở Paris thời chỉ là một bức tranh một người đàn bà bán-thân, bề cao bức tranh ấy độ hơn một thước tây, mà vẽ mất bốn năm, đủ biết công-phu nhường nào !

Tôi xin ngắt đoạn lý-luận xuống này, mà nói đến những điều thực-tế hơn.

Người mình học theo Tây-học bây giờ, trái ngược cả với những cách-thức vẽ theo Tầu khi xưa.

Có người nói rằng: « Một bức tranh Tầu vẽ một khóm lan với mấy câu thơ hay và viết bằng nét bút già dặn thời bức tranh ấy cũng đủ có giá-trị, nhưng cái giá-trị đây có lẽ vì câu thơ kiệt-tác, với những nét chữ già dặn hơn là vì khóm lan ! »

Theo Tây-học, trên bức tranh không có câu thơ nữa, nên giá-trị bức tranh là ở cả cách vẽ và mầu thuốc !

Khi xưa ta học vẽ theo Tầu, không học tận cõi rẽ, và không dùng khoa-học để bồi-trợ. Còn ngày nay, theo người Pháp học vẽ thật là kỹ càng : Đầu tiên mới học vẽ, thời thầy giáo giậy vẽ cho đúng. Nói rằng vẽ cho đúng thời không được rõ, vậy xin lấy một thí-dụ để giải-nghĩa :

Thầy bảo trò vẽ cái bảng đen treo trên trường (cái bảng ấy một bờ một thước rưỡi, một bờ ba thước.) Trò nào vẽ đúng là đã nhìn rõ được thấy « bờ dài gấp hai bờ cao », chứ không phải vẽ đúng là cố đánh bóng làm sao cho mặt bảng loang-lỗ vì những chữ viết bằng phấn, xóa chưa kỹ !

Khi đã vẽ đúng những « tinh vật » (*nature morte*) rồi mới vẽ đến « người » hay loài vật. Nói thời chóng vánh, nhưng thực sự thời rất công-phu ai muốn trở nên một nhà họa-sĩ thời lúc đầu phải cặm cui học vẽ đi vẽ lại những tượng bằng thạch-cao (hay bằng plâtre), trước còn vẽ người *bản-thân* (*buste*) rồi mãi mới vẽ cả người (*ensemble, académie*) cũng bằng thạch-cao. Ngoài ra còn phải vẽ lý-mỹ bộ xương người (*squelette*) rồi đến tượng người lột da (1) (*écorché*). Khi học vẽ những thức này đã thuộc, mới vẽ đến người khỏa-thân. Sau cùng mới vẽ đến người vận y-phục chỉnh-tề; và nhờ được sự phát-minh ra máy quay phim, người ta còn học được cả sự cử-động của cầm thú. Khi xưa có người vẽ một con ngựa đang phi, hai chân sau chĩa ra đằng sau, và hai chân trước chĩa ra đằng trước. Nhờ có máy chiếu bóng (*cinématographie*) người ta nghiệm thấy rằng: không bao giờ ngựa có thể cất vó lên được như vậy !

Học vẽ phải tốn công như thế, nhưng phàm một việc gì, ta đã biết đến cõi rẽ thời bấy giờ rõ ràng, dù vẽ một cái lâu-dài nguy

(1) Học vẽ người lột da cốt để biết những bắp thịt, những gân... ở trên người (*Myologie*).

ngã lộng-lẫy, nếu đứng bên ngoài ta đã biết cái xương nhà, cột, kèo, đòn tay.. mộng mạng đại-khai ra làm sao thời vẽ cũng không sợ sai lầm.

Vì vậy nhà sành mỹ-thuật là thi hào Victor-Hugo có nói : « *Du roc dessous, des fleurs dessus* » Vẽ những bông hoa bám trên một hòn đá thời nêu vẽ hòn đá trước, rồi hãy vẽ đến hoa.

* * *

NAY tôi xin nói đến người Pháp giây ta phép Viễn - cảnh (perspective) nghĩa là một khoa tập cho con mắt biết nhìn, cho đúng cách. Sao lại tập cho con mắt biết nhìn cho đúng cách?

Muốn trả lời câu hỏi ấy, tôi xin lấy một thí-dụ sau này : hai con đường hỏa-xa song song theo nhau đi từ Hanoi tới Saigon không bao giờ gặp nhau. Sự thật thời như vậy, nhưng nếu ta đứng giữa hai đường hỏa xa mà ngắm, thì ta thấy chính chỗ ta đứng hai đường hỏa-xa cách nhau nhiều rồi càng thấy cách xa đầy bao nhiêu thời càng rút bớt đi lần lần, và tới quá tầm con mắt thời hai hàng thiết-lộ chụm đầu vào nhau: Phép Viễn-cảnh (perspective) còn giây ta khi nào nhìn một cái vòng tròn (cercle) dựng đứng thẳng

trước mặt ta, thời ta nhìn rõ là cái vòng tròn, nếu để cái vòng ấy nghiêng đi, thời ta thấy hình bầu-đục (ellipse); nay cái vòng tròn ấy để ngả hẳn xuống đất, và ta đứng sát tận vành ngoài, thời ta thấy cái vòng tròn ấy thành hình phao-vật-tuyến (parabole); Nếu ta đứng hẳn vào trong cái vòng tròn ấy, thời ta thấy hình song-khúc-tuyến (hyperbole)...

Muốn kẽ thí-dụ giản-dị hơn, thời nếu ta vẽ một cái bàn chẳng hạn, mà « đường tầm con mắt » (l'horizon) ở trên cái bàn thời ta thấy được mặt bàn, trái lại đường « tầm con mắt » ở dưới bàn thời ta không thấy được mặt trên của cái bàn mà chỉ thấy mặt dưới thôi. Hay muốn nói rõ ràng hơn thời khi nào cái bàn để cao hơn người ngồi vẽ, thời người ngồi vẽ không thấy mặt trên cái bàn; trái lại khi nào cái bàn kê thấp hơn người đứng vẽ, thời người đứng vẽ mới trông thấy cái mặt bàn.

Cốt yếu phép viễn-cảnh (perspective) là ở chỗ ấy; nhờ khoa này, người ta có thể vẽ được những bức tranh đúng như là lấy máy ảnh mà chụp. Hơn nữa người ta có thể đặt ra mà vẽ được một cái nhà vườn kiều mới, xung quanh có vườn hoa tử tế. Đến khi cái nhà ấy làm xong, người ta đem

chụp ảnh, thời bức tranh vẽ trước cũng không sai gì mấy với tấm ảnh chụp sau.

Đoạn này, nên nhắc lại hồi xưa, ta chưa theo học khoa kiến-đúc của người Pháp, thời thường ta chỉ bảo thợ ngay ở chỗ đất định làm nhà, chứ không vẽ kiểu trước gì cả. Đến khi làm xong không vừa ý, thời phải chữa đi chữa lại vừa mất công, mà đồng tiền cũng tốn nữa.

Hồi đức Dực-Tôn (hay là Vua Tự-Đức) lên ngôi, ngài xuống chiếu cấm dân-gian làm nhà rộng rãi và làm theo lối chữ công (工) hay chữ môn (匱) và cấm cả làm nhà có gác. Ai cũng cho rằng điều cấm ấy làm mỹ-thuật nước nhà không tiến-bộ, và công nghệ cũng không được mở mang.

...

VỀ khoa mỹ-thuật thực-hành, người Pháp có chỉ-giáo một câu sau này : « Chế một thứ gì để dùng cũng phải chế sao cho đủ ba điều-kiện sau này : Ích-lợi (utilité), chắc-chắn (solidité) và đẹp-đẽ (beauté).

Nghĩa là trước hết không nên nghĩ đến cái đẹp ngay, phải nghĩ đến sự ích-lợi, sự cần-dùng đã.

Thí-dụ về một kiều ghế trước hết phải vẽ làm sao dùng cho tiện, rồi mới nghĩ đến cách đóng làm sao cho chắc-chắn ; chõ « đầu mộng » cho khít, chõ nào nên bắt đanh-đc, chõ nào nên gắn-sơn, chõ nào phải bắt thêm nách-sắt (équerre)... Rồi sau mới cải-cách cái kiều ấy làm sao cho mỹ-quan, cho nhã-nhặn, bằng cách bào gỗ cho trơn, uốn gỗ cho khéo, đường chậm cho nhẵn, hoặc đánh verni-tampon cho bóng đều, hoặc ruộm màu cho khéo, đánh xi cho khỏi loang-lỗ....

Thưa các ngài, tuy mấy điều tôi vừa nói là thông - thường, nhưng chính là những bí-quyết của khoa mỹ-thuật thực - hành. Một thức cần dùng nếu làm theo đúng ba điều kiện : Ích-lợi, chắc-chắn, đẹp-đẽ, (utilité, solidité, beauté) nói ở trên, thời đều có thể gọi là hoàn-toàn. Một thức cần dùng nào mà chẽ không đủ ba điều-kiện ấy, sẽ không dùng được, hoặc mau hư-hỏng, hoặc cục-mịch, thô bỉ.

Xin kè một câu chuyện để chứng-thực cho điều đó.

Một phú - gia ở Huế (*tôi cần chỉ rõ là ở Huế, vì trong câu chuyện có nói đến sông Hương*) nhờ một nhà họa-sĩ vẽ cho một kiều thuyền để thả trên sông Hương.

Một tháng sau, họa-sĩ vẽ xong; phú-gia tẩm-tắc khen đẹp, và tự-phụ rằng cái thuyền ấy thả xuống Sông-Hương sẽ đẹp hơn hết thảy các thuyền khác. Khi họ đóng chiếc thuyền ấy xong và sau một tiệc sâm-banh thết nhà họa-sĩ, người ta đem thả xuống nước. Khi thuyền đã thả, xong suôi đâu vào đấy rồi, thời không ai giám xuống chiếc thuyền ấy cả, mà cũng không ai giám chèo, vì tuy kiều thuyền vẽ đẹp, nhưng không hợp cách vì cái mui đóng cao và nặng quá, nên thề nào chở ra giữa sông gặp một cơn gió to chiếc thuyền ấy cũng lật lại mà chìm phăng đi!

Nói tóm lại từ khi mỹ-thuật nước nhà chịu ảnh-hưởng Âu-tây đến ngày nay đã tiến-bộ nhiều. Nhưng thực ra đối với mỹ-thuật ngoại-quốc vẫn còn non nớt lắm.

Tuy gọi là «non nớt», nhưng người minh cũng không dến nỗi ở trong thời-kỳ «*làm ngựa gỗ mà gắn cái đuôi ngựa thật vào*». Nghĩa là đã biết theo qui-tắc của mỹ-thuật Tây-phương. Thí dụ muốn vẽ một cảnh thiên-nhiên, tịch mịch thời đã biết thu gọn vào tấm vải cái tính-cách của thiên-nhiên, tịch, mịch, nét vẽ biều-bạch làm sao cho người

xem đều cảm thấy như vậy chứ không phải thấy sao mơ-hồ chép vậy. (L'art ne copie pas, il s'exprime).

Nói thêm rằng nếu vẽ đôi con mắt cô Kiều và nếu được cô Kiều thực ngồi yên làm kiều-mẫu cho ta vẽ thời ta cũng vẽ được xứng đáng với câu văn :

Làn thu thủy nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm, liêu hờn kẽm xanh

Trình - độ mỹ - thuật nước nhà nung cao được lên là nhờ ở trường Cao - Đẳng Mỹ-thuật Hanoi, mà người có công lớn lao nhất là ông V. Tardieu. Ông sáng lập ra trường từ năm 1925. Nhưng chẳng may ông Tardieu lại mới tạ-thế. Tên tuổi tiên-sinh thật đáng liệt vào lịch-sử mỹ-thuật nước nhà.

(Đoạn này nhẽ ra tôi phải nói đến các nhà họa-sĩ, điêu-khắc, kiến-trúc, tốt-nghiệp trường Cao - đẳng Mỹ - thuật Hanoi nhưng tôi e rằng kể như vậy, câu chuyện sẽ có ngay tinh-cách quảng-cáo).

Những bức tranh, những pho tượng của những nhà họa-sĩ điêu-khắc nước nhà, bầy trong những phòng triển-lãm và những ngôi nhà đồ-xộ đẹp đẽ rải rác trên cõi Đông-Dương, do những nhà kiến-trúc ta vẽ kiều đã chứng thực rằng mỹ-thuật nước nhà đã tiến-bộ nhiều.

Về sự tiến-bộ này, một phần cũng vì nước nhà sản-xuất ra những nhà phê-bình về mỹ-thuật.

Về mỹ-thuật cũng như văn-chương cần phải có nhà phê-bình thời mới mau tiến-bộ được.

THƯA các ngài, câu chuyện đến đây kè cũng đã khá dài, vậy tôi xin nói thêm một đoạn, để kết-luận:

Mỹ-thuật của ta chịu ảnh-hưởng Tầu nhiều hơn là chịu ảnh-hưởng âu-tây; và lại ta và người Tầu cùng chung sống bên phương Đông, và có lẽ vì cùng một màu da, nên cái vết văn-minh Tầu đã in sâu vào óc ta, không thể bỏ hẳn đi được. Nhưng dù sao ta cũng phải tìm phương-kế để xóa nhòa câu mà người ngoại quốc thường nói như đoạn trên : « *Mỹ-Thuật An-nam tức là mỹ-thuật Tầu đồi bại (L'art annamite est l'art chinois atrophié, triqué, en un mot, décadent.)* » Muốn làm cho mỹ-thuật nước nhà một ngày một tiến-bộ, không gì bằng khuyến khích những người có thiên-bẩm về khoa vẽ, khoa nặn.. cố công học tập cho thành

tài, dừng tưởng đến ra đời « *bị bạc đãi* » vì rồi ra, người mình cũng sẽ tới trình - độ biết quý cái « *Đẹp* », và biết trọng những người gây dựng ra « nó ».

Một nhà họa - sĩ Pháp gấp thời - kỳ chiến - tranh năm 1914, đầu quân ra trận bị đạn bắn trúng cánh tay phải. Tuy rằng khỏi thiệt mạng nơi chiến - trường, nhưng bị cưa cụt hẳn cánh tay phải. Đến hồi trong nước thái - bình, nhà họa - sĩ ấy, tiếc nghè mình, không nỡ bỏ, nên lấy hết nghị - lực để học vẽ lại, nghĩa là học vẽ bằng tay trái, mà sau cũng vẽ được nhiều bức tranh tuyệt - mỹ.

Ta nên lấy đó làm gương mà phụng - sự cho nghệ - thuật.

..

HIỆN nay nhiều nhà mỹ - thuật nước ta đã biết cả - quyết đi tìm một con đường mới và sáng sửa đổi noi theo.

Con đường mới và sáng sửa ấy sẽ đưa ta đến một nơi thăng - cảnh riêng : từ đám mây xanh, từ lũy tre già, từ mặt nước ao động nhất nhì đều phảng - phất một sự thiêng

riêng tôn - trọng « linh hồn Việt - Nam ».

Tới trình-độ ấy nước ta sẽ có một mỹ-thuật riêng.

Tới trình-độ ấy, một bức tranh của họa-sĩ Việt-Nam sẽ không lẫn với những bức tranh của người Pháp hay người Tầu. Tới trình - độ ấy đàn em trong làng mỹ-thuật sẽ có một con đường vẽ sẵn, chỉ cõi công nhǎm đích mà bước tới, mỹ- thuật nước nhà sẽ tiến-bộ một cách rất mau chóng. Mong rằng ngày rực-rỡ sáng-sủa ấy sắp tới.

Thưa các ngài, câu chuyện đến đây là tận, tôi xin thành thực cảm tạ các ngài, một lần nữa và xin mời các ngài ngồi lại giây lát, xem chiểu những tấm ảnh về mỹ-thuật Tầu và ta.

PHÊ BÌNH BÀI DIỄN THUYẾT TRÊN

HANOI. — Tối hôm qua ông Nguyễn-xuân-Nghị đã diễn - thuyết tại hội Trí - Tri Hanoi, về « Mỹ - thuật nước nhà trong hai thời-kỳ ; chịu ảnh-hưởng Mỹ-thuật Trung-hoa và Âu-tây ».

Thính-giả tới nghe rất đông và hoan-nghênh diễn - giả không quản từ Huế ra Hanoi để đăng đàn.

Ông Nguyễn-xuân-Nghị nói trong hơn một tiếng đồng hồ, tuy rằng ông đã lựa cái đầu đề khô khan mà ông đã khéo chèn thêm vào câu chuyện nhiều đoạn rất vui.

Cuối cùng có chiếu những bức tranh thượng - cồ của người Tầu. Những kinh ảnh này là do ông hội-trưởng Nguyễn - văn-Tổ mượn ở trường Bác-cồ.

Việt-Báo

**A LA SOCIÉTÉ D'ENSEIGNEMENT
MUTUEL DE HANOI**

M. Nguyễn-xuân-Nghi, architecte attaché au Ministère des Travaux du Gouvernement annamite, a fait, vendredi dernier devant un très nombreux public une conférence des plus documentées sur l'art annamite. L'influence chinoise que cet art a subi est presque (nous pourrons dire tout à fait) une révélation pour la plupart des auditeurs. Sur les motifs d'ornementation : dragon, phénix, licorne, arbre, oiseau, caractères chinois, etc... la conférence de M. Nghi donne les renseignements les plus précieux, et les nombreux documents qu'il a fait projeter sur l'écran d'après les clichés de l'École française d'Extrême Orient les précisent encore et les justifient. Plusieurs sculptures annamites de Chùa Keo montrent à quel point nos anciens artistes étaient préparés à répondre aux conceptions grandioses (inexécutables parfois à force d'être grandioses) de certains seigneurs (chúa) de la famille des Trịnh, ou à introduire chez eux la grâce de l'art chinois de l'époque des Minh. Il faut souhaiter que M. Nghi continue et étende ces études.

Annam Nouveau



13 Août : Nguyễn-xuân-Nghị, Mỹ-thuật nước nhà trong hai thời-kỳ chịu ảnh-hưởng mỹ-thuật Trung-hoa và Âu-tây. (L'art annamite pendant les deux périodes d'influence chinoise et européenne). — Résumer en une quinzaine de pages l'histoire de l'art annamite, depuis l'époque chinoise jusqu'à l'heure actuelle, n'est pas chose aisée. M. Nguyễn-xuân-Nghị y est arrivé en choisissant les monuments les plus typiques et en faisant apparaître l'influence fondamentale et l'originalité de l'art chinois ainsi que les caractères nouveaux apportés par l'intervention française. Son texte ne manque pas de goût, ni de justesse dans le jugement, autant pour l'architecture, où les informations courantes ne sauraient remplacer le côté technique et d'érudition archéologique (on sait que l'auteur est architecte au Ministère des Travaux à Hué), — que pour l'histoire de la peinture en Chine et en Annam. Comme nous avons eu l'occasion de le faire remarquer dans un journal local, celle-ci est dominée par deux principes : d'une part, l'influence persistante d'un idéal philosophique ; de l'autre extrême importante attachée à la calligraphie, considérée non seulement comme une marque d'habileté personnelle, mais comme une révélation raccour-

cie de l'essence des êtres. C'est un art subtil et raffiné, que nous nous apprenons lentement à comprendre, par l'étude des monuments et des textes. Comme le disait Raphaël PETRUCCI (Les peintres chinois, Paris Laurens 1912), « le mystère impersonnel de l'univers, son principe géant, ses manifestations multiformes et le secret qui se dévoile dans l'âme même des choses, autant de conceptions sur lesquelles s'est fondée la peinture chinoise dans son inspiration ; c'est à ces préoccupations qu'elle doit ce sens de la spiritualité qu'il s'y affirme avec tant de noblesse ». Même dans l'art réaliste des deux dernières dynasties, on reconnaît encore ce besoin vivace de pénétrer, à travers la forme individuelle jusqu'à l'essence qu'elle manifeste et rend accessible. A la fois sinologue et artiste, Nguyễn-xuân-Nghi nous donne avec autorité, et avec l'accent d'une admiration émue les résultats de son enquête sur l'évolution d'un acte quinze fois séculaire, dont l'histoire impose silence aux préjugés extérieurs, à nos goûts personnels, en un mot à toutes les causes d'erreurs qui nous entourent ou qui tiennent à notre tempérament». A. FONTAINE, Essai sur le principe et

les lois de la critique d'art. C'est à préciser ces lois, à comparer les caractères des œuvres d'art à montrer les moyens d'éviter l'erreur, que M. Nguyễn-xuân-Nghi s'est appliqué, et l'on peut vraiment dire qu'il y a réussi.

NGUYỄN-VĂN-TỐ

TÊ NAM - GIAO

CÁCH-THỨC TẾ NAM-GIAO

(Bài diễn-thuyết ở Hội Tri-Tri Hanoi, ngày
21 Janvier 1936)

THƯA các bà,

Thưa các ngài,

Buổi nói chuyện hôm nay, chính thực ra thời chia ra làm hai phần ; Phần thứ nhất : Một vài sự cải-cách đã thi-hành trong nghi-lễ Nam-Triều ; Phần thứ hai : Một lễ lớn và trọng thể nhất nước ta ; « Lễ Nam-Giao »

Nói về sự cải-cách trong nghi-lễ Nam-Triều, tôi xin kê ngay trước tiên điều Đức Bảo-Đại đã cho giảm cái « lạy ». Tôi chắc các ngài còn nhớ : năm 1932 trước khi Hoàng-thượng hồi loan và khi còn ở Marseille, quan Thượng-Thư thuộc-địa Albert Sarraut có tâu với Hoàng-Thượng : « Hoàng-Thượng sẽ gánh một gánh nặng nề là phải tuân theo cồng-tục, ngài phải làm cho một nước cổ, hóa ra một nước kim... » Chắc các ngài đã nghiệm thấy cái « khó khăn »

trong cái « thuyết » ấy. Phải, làm một ông vua tân-thời, mà phải tuân theo cồ-tục, phải làm một nước cồ hóa ra một nước kim... Theo được mấy điêu « đi đôi » ấy không phải là dễ đâu ; Nhưng Đức Bảo-Đại đủ nghị-lực, trả lời mấy câu ấy, bằng cách cho giảm cái « lạy » ; và thường cho lấy lê « tam-khấu » nghĩa là ba xá (hay ba vái) thay vào.

Về dịp cải cách giảm cái « lạy, ông Henri Le Grauclaude, trong cuốn « *Những thời-ky trọng-dai của nước Việt-Nam trong lúc hồi xuân* » có viết : « Thiết như lê Đại-Triều-nghi là theo cồ-lê đã trải mấy mươi thế-kỷ, mà nay giảm cái lạy là sự cốt-yếu trong lê ấy, cũng là một việc cải-cách rất quan-trọng trong phong-tục và nghi-tiết lăm. Chắc là trước khi giảm việc lạy ấy, Hoàng-thượng cũng suy đi nghī lại nhiều lần, cho nên trong hôm ấy mồng 9 rạng 10, đã khuya lăm các quan trong-Triều mới tiếp được giấy bộ Lê biến-báo. Song nghe thiên-hạ đồn, thời Hoàng-thượng giảm cái lạy, vì nghe Cụ Võ-Hiền tâu (Cụ Võ-Hiền đây là Cần-Chánh đại-học-sĩ Nguyễn-Hữu-Bài). Cụ năm ấy đã 70 tuổi mà làm Thượng-thư đã ngót 35 năm. Có lẽ Cụ là một tay chính-trị lão-thành, hiểu rõ thời-thế nên khuyên : Ngài bỏ lạy, vì sợ e Ngài đã theo Tây-học mà chịu ngồi trên ngai cho hết thầy các quan qui và

lay năm lạy, thì trong báo-giờ có người lấy chuyện ấy làm xưa, mà dị-nghi chăng ? » Vậy mà chính Đại-triều-nghi về dịp Hoàng-thượng hồi-loan, đã có biện-báo bỏ lạy, mà còn xảy ra một chuyện sau này : Các quan đương chức ai nấy đều xá ba xá cả. Xong đến lượt các quan hưu vận thanh-phục hành lê, có một vị cứ điềm-nhiên quì lạy rất thong-thả, thản-nhiên như không !

... Có lẽ đối với một đôi người, sự bỏ lạy như vậy là một cái biếu - chứng rằng phong-tục đã đổi-bại chăng ? Cũng vì dịp thay cũ đổi mới hồi 1932, có người phỏng-văn Cụ Lê-bộ Thượng-thư hồi bấy giờ là cụ Võ-Liêm. Cụ Võ nói « Hoàng-thượng phải tuân theo cõi lẽ. là sự cõi-nhiên, mà là một sự hay cho cả nước. Ai nói lẽ-nhạc không hay, thời cứ coi Bắc-sử sẽ biết. Lúc bên Tầu còn theo lẽ-nhạc cũ thì nước còn, vua còn ; khi bỏ lẽ-nhạc thời nước tan, vua mất. Vậy thời lẽ-nhạc có thè làm cho thiên-hạ thái-bình được... »

Bây giờ tôi xin nói đến năm 1933, cụ Thượng Thái-văn-Toản, hồi ấy đương làm bộ-trưởng bộ Lê-nghi kính tâu Hoàng-thượng xin giảm : Khoản thứ nhất : Những sinh-phẩm, hào-soạn, trong các lê-quốc-tế tại Miếu, Điện, Đàn, Từ-tại-Nội, tại Kinh-

và ở các Phủ, Tỉnh, Đạo ; mà chỉ dùng hương, nến, trầm, trà và hoa quả. Khoản thứ hai : Xin giảm các lễ không quan hệ, hoặc tập-tục theo Tầu như lễ cúng Tam - dương (mồng 5 tháng 5) ; lễ cúng Tam - nguyên (rằm tháng 7, tháng 10) ; lễ Thất-tịch (mồng 7 tháng 7) ; lễ Trung-thu (rằm tháng 8) ; lễ cúng Trung-dương (mồng 9 tháng 9) ; lễ cúng Đông - chí (theo âm-lịch) ; lễ Lạp - hưởng (22 tháng chạp) , lễ cúng Thượng-tiêu và Trừ-tịch (30 tháng chạp) Khoản thứ ba : Xin mỗi năm chỉ dùng Đại-triều-phục về lễ Nguyên-Đán ở Điện Thái-Hòa. Xin bỏ Thường-Triều-phục.

Gặp các lễ khánh-hỉ và ngày « Đảng » thời xin dùng toàn thanh-phục (áo thụng gấm hay hàng màu xanh) ; còn các lễ « kỵ » thì dùng áo thụng đen (1). Ngoài ra quan Thượng-Thái còn tâu xin Hoàng-thượng giảm mấy khoản nữa, nhưng không hệ-trọng bằng mấy khoản trên. Quan Thượng-Thái thảo tờ « Phiến » tâu về việc xin giảm ấy có lúc theo hán-học, kè Kinh-dịch : *Đông lân chi sát ngưu. bất như tây lân chi thược tế.* » 東鄰之殺牛不如西鄰之籥祭.

1) Ở Huế áo thụng gọi là áo rộng.

Nhà kia tuy giết trâu đê tế, không bằng nhà này tể lê bạc mà theo thời). Kinh Thi nói : *Thần vô thường hưởng, hưởng vu khắc thành* 神無常享于克誠 (Thần thánh không nhất định hưởng chô nào, hê chô nào có lòng thành thời hưởng.)

Theo như các lời nói trên, thời tế - tự lấy sự thành - kinh làm đích, không phải qui vì sinh-phảm. Dùng sinh-phảm cúng-tể là theo nghĩa « *Sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn* » 事死如事生 事亡如事存. Thờ người quá vãng cũng như người sống, ấy là ý trung-hậu chất-phác của người đời xưa... Có đoạn quan Thượng Thái theo Tây-học mà viết : « Hiện bây giờ khoa-học mờ-mang, nhân-trí văn-minh, ai cũng biết phần linh-hồn không phải như phần xác-thịt. Bậc thần-thánh và vong-linh kẻ quá - vãng chỉ biết cảm lòng chí-kinh, chí-tôn, chí-thành của người khẩn-cầu cái oai-linh và nhớ tới công-nghiệp vĩ - đại của các ngài mà thôi. Vậy nên bên Âu-châu Lê cúng-tể các nhà thờ chỉ cốt hoa thơm nến sáng và tự-khi trần thiết trang-hoàng rực-rỡ, chứ không dùng sinh-phảm minh-y (1). Còn khi ngày ky-lạp đến

1) Minh-y = áo giấy để đốt (đồ mā)

chỗ phàn-mộ thời chỉ lấy lòng thành-kính với một cành hoa, một vòng hoa cũng đủ nghĩa « Hữu thành tắc hữu thần » 有誠則有神 Quan Thượng Thái nói rõ-ràng và hợp lẽ. nên những khoản kè trên đã được Hoàng-thượng châu-phê « Chuẩn-y cho-thi hành ngay. » Nhưng hồi ấy nhiều dân ở Trung-ky đồn lầm là Chính-phủ Nam triều cầm cả mọi sự tể lẽ trong làng ; các tể lẽ các đình chùa của dân xã theo tục-lệ của dân, thời « nhà vua » đâu có cầm ; thật các ông lý ông xã lại được một dịp nói khuếch : « Việc vua thua việc làng »

Bây giờ tôi xin nói đến một lẽ lớn và trọng thề nhất nước Nam là « Lê Nam Giao ».

Tể Giao có hai nghĩa :

« Vua là con của Trời (Thiên-Tử), thần-dân phải thờ Vua thì Vua phải thờ Trời. Tể Giao là ông Vua lấy địa-vị là « Thiên-Tử » làm lẽ kính Trời để cầu phước cho dân. Cho nên Tể Giao là cái điền-lẽ to-nhất, lớn nhất, cao nhất, trọng nhất trong nước.

(Bùi-huỳ-Tín)

Tể Giao còn một ý-nghĩa nữa là đáp lại ơn Trời. Trời sinh ra muôn vật, vậy làm người phải biết ơn.

(Vũ-ngọc-Phan)

Tế Giao nguyên gốc từ thượng-cồ, còn về nhà Chu thì đến tiết đông-chí tế Trời tại gò hình tròn, và đến tiết hạ tế Đất tại gò hình vuông (Đời bấy giờ người ta cho là Trời thì tròn mà đất thì vuông) Đến đời nhà Minh, Vua Thái-tô thấy tế Trời, tế Đất ở mỗi nơi khác nhau mới nói :

« Vua coi Trời như cha, coi Đất như mẹ ; tế cha, tế mẹ mà chia làm hai nơi, lòng con sao dành ! » Từ đấy mới có lệ tế Trời. Đất ở chung một nơi.

Nước ta dưới triều nhà Lý, Vua Anh-Tôn theo các bậc đế-vương bên Tầu cũng sắc đắp viên-khổu (gò tròn) để tế Trời. Từ đấy (tức là thế kỷ thứ XII) nước ta mới bắt đầu có tế Giao (1)

Còn Bản-Triều, tế Trời, Đất tại đàn Nam-Giao xây ở phía nam Kinh-đô Huế, từ năm 1806 dưới Triều Gia-Long — Trước thời ấy, tế Giao ở về phía tây núi Ngự-Bình, chỗ thường gọi là : Hòn-Thiên.

* * *

DÀN Nam-Giao diện-tích hơn mươi mẫu tây. Xung-quanh có thành xây bằng đá, bề trường gần 400 thước tây, bề hoành độ

(1) Theo báo Khuyến-Học số 13.

255 thước tây. Bốn phía đều có cồng. Cồng chỉ có bốn cái trụ vôi cao độ 5 thước tây, xây cách nhau hai, ba thước, không có cửa đóng. (Nên hàng ngày người đi qua lại thường dùng nơi này làm con đường tắt.) Trước bốn cửa tiền, hậu, tả, hữu, đều có bình-phong lớn bằng gạch, bề trường mười lăm thước tây, bề cao hơn năm thước. Vừa qua bốn trụ vôi thời đến một nơi thông (1) mọc chi - chít, nhưng có hàng lối ; rồi thấy

1) Có sách chép lại rằng :

Những cây thông tại đài Nam-Giao là do đức Gia Long sắc tròng từ năm 1805 (trước khi xây đài Nam Giao một năm).

Còn ngày 20 tháng ba tây năm 1824, trước lễ Nam-Giao một ngày, đức Minh-Mạng tự tay tròng lấy, tại trại-cung, mười cây thông, rồi ngài sắc cho các ông Hoàng-thân, các quan đại-thần, mỗi vị đều phải tròng lấy một cây. Trên những cây thông ấy, đều có treo một cái thẻ bằng đá trên khắc tên và phẩm-tước vị nào đã tròng. Về sau đức Thiệu-Trị cũng tròng thêm tại đây mươi một cây. Hiện nay những thẻ ấy vẫn còn, nhưng đã bị thời-gian xóa nhòa những chữ khắc.

Trên thẻ đá có cái lại khắc cả một bài thơ, ví dụ bài tú-ngôn : « Linh khí trì hộ, vũ lộ trường kiêm ; Tuế nguyệt trường tại, khởi chỉ hậu diêu. »

Thẻ đá khắc bài thơ này, mặt bên kia có khắc mấy chữ : Minh-Mạng thập ngũ niên giáp ngọ cung thuyền ».

một cái đàn (esplanade) ba tùng :

Tùng thứ ba (kề theo thứ-tự từ trên xuống) hình vuông (phương - đàn) mỗi bờ hơn 160 thước tây có lan can sơn vôi màu đỏ.

Bốn góc có trồng bốn cây đuốc to (liệu-trụ) (1) cao tới sáu thước tây, đốt sáng rực rõ. Cách thấp đuốc này khiến ta nhớ lại cách sinh-hoạt của người thương-cồ.

Trên tùng thứ ba có một chò gọi là « liệu-sở », trông xa tựa như cái giếng, xung quanh có bờ xây cao độ tám mươi phân tây, nhưng tới gần mới biết là không đào xâu, dùng để thiêu một con nghé (trâu con) dương khi hành-lê. Đối với liệu-sở, có một chò gọi là É-sở chò để chôn một ít huyết và lông con trâu (như lối yêm-phép). Trên tùng này có dựng một cái nhà (bờ lê gọi là Đại-thứ) chò để Hoàng-thượng nghỉ chân, sau khi ở Trai-cung sang.

Tùng thứ nhì cũng vuông (Phương - đàn) mỗi bờ độ 45 thước tây, lan-can sơn vôi

1) Liệu-trụ : Đuốc làm bằng mảnh tre khô bó lại, trong có bỏ thêm than và mảnh thủy-tinh tán nhỏ, rồi tẩm dầu, vì vậy đốt được lâu suốt sáng. Đuốc buộc ngang trên cột, gió thổi đưa đi đưa lại chập chờn... Ngọn lửa bốc thấp nhưng khói có lẽ bay lên thấu tùng mây xanh...

mầu vàng. Ở trên có dựng một cái nhà trần-thiết cũng mầu vàng. (Bộ lê gọi là Hoàng ốc) có tám hương-án phụ (tùng đàn bát án) :

Bên tả bốn án thờ Thiên-Thần :

Đại-Minh-Chi-Thần (mặt trời)

Châu-Thiên-Tinh-Tú-Chi-Thần (các vị sao)

Vân-Vũ-Phong-Lôi Chi-Thần (mây-mưa-gió
sấm)

Thái-Tuế-Nguyệt-Tướng-Chi-Thần (năm và
tháng)

Bên hữu một án thờ Thiên-Thần :

Dạ-Minh-Chi thần (mặt trăng)

Và ba án thờ Địa-Thần :

Kỳ-Lăng-Phần-Diễn-Chi-Thần (Lăng, đồi, đồng
bằng)

Thiên-Hạ-Thần-Kỳ-Chi-Thần (Vị Thần coi
trong thiên-hạ)

Một án thờ chung nhiều vị Địa-
Thần như :

Sơn-Hải - Giang-Trạch - Chi-Thần (núi, bể,
sông, đầm)

Triệu-Tường-Sơn-Chi-Thần (vị thần coi lăng
Đức Nguyễn-Kim ở Thanh-Hoa)

Khải-Vân-Sơn-Chi-Thần (vị thần coi lăng
Đức Nguyễn-Hoàng)

Hưng-Nghiệp - Sơn-Chi-Thần (vị Thần coi
lăng Vua sinh ra Đức Gia-Long)

Thiên-Thọ-Sơn-Chi-Thần (vị Thần coi lăng
Đức Gia-Long)

Hiếu-Sơn-Chi-Thần (vị Thần coi lăng Đức
Minh-Mạng)

Thuận-Đạo-Sơn-Chi-Thần (vị Thần coi lăng
Đức Thiệu-Trị)

Khiêm-Sơn-Chi-Thần (vị Thần coi lăng Đức
Tự-Đức và lăng Đức Kiến-phước)

Hồ-Thuận-Sơn-Chi-Thần (vị Thần coi lăng
Đức Đồng-Khánh)

Üng-Thuận-Sơn-Chi-Thần (vị Thần coi lăng
Đức Khải-Định)

Mỗi hương-án « tùng đàn » có bảy sáu
tàn và hai lọng mầu vàng hoặc xanh. (Vàng
thuộc về Thô-Thần, xanh thuộc về Thiên-
Thần.)

NHỮNG án thờ Thiên-Thần đều sơn mầu
xanh, án thờ Địa-Thần đều sơn mầu
vàng.

Từng thứ nhất, hình tròn (đường kính
diamètre) 41 thước tây), lan-can sơn
vôi mầu xanh. Từng này thường gọi là
Viên - đàn. Trên có rạp trần - thiết mầu
xanh (Thanh-Ốc). Viên-dàn có bảy mươi

án. Bên-hữu một án-thờ Trời (Hiệu Thiên-Thượng-Đế) và bốn án-thờ Đức Nguyên-Hoàng, Gia-Long, Minh-Mạng, Thiệu-Tri,

Bên tả, một án-thờ đất (Hoàng-địa kỵ) và bốn án-thờ Đức : Tự-Đức, Đồng-Khánh, Kiến-Phước, Khải-Định.

Sát lan - can viền-dàn có treo hai mươi tám ngọn đèn biêu-hiệu nhị-thập bát-tú :

1. — Giác.
2. — Cang.
3. — Đê.
4. — Phòng.
5. — Tâm.
6. — Vĩ.
7. — Kỵ.
8. — Đầu.
9. — Ngưu.
10. — Nữ.
11. — Hư.
12. — Nguy.
13. — Thất.
14. — Bích.
15. — Khuê.
16. — Lâu.
17. — Vị.
18. — Mão.
19. — Tất.
20. — Chủy.
21. — Tham.
22. — Tỉnh.
23. — Quỉ.
24. Liễu.
25. — Tỉnh.
26. — Trương.
27. — Dực
28. — Chân.

Những thần-bài bầy các án trên viền-dàn viết chữ đỏ, còn thần-bài ở tùng-dàn viết chữ đen. Trên mỗi hương-án ở viền-dàn có treo một cái khung cảng vải (baldaquin) ở những khung ấy có đính những phiến tròn bằng đồng. Những phiến đồng ấy không có dự gì về nghi-lễ, chỉ cốt để cho khói đèn, nến bốc lên, không làm đen những tấm vải cảng ở trên.

Khi tế giao (lễ chính và lễ tập) viền-dàn

có vải xanh quây kín chung quanh (1). Tại tùng này trừ một vài vị qui-quan bên Bảo-Hộ có giấy mời tới dự, ngoài ra không có ai ; còn phụ-nữ thời nhât-thiết không ai được phép tới xem hôm chính-lễ.

• • •

LỄ Nam-giao là một lễ lớn và trọng - thể nhât ở nước ta. Ba năm mới có một lần, theo âm - lịch thời nhâm vào năm Tý, Mão, Ngọ, Dậu.

Bộ Lễ-nghi và công - tác trù tính về việc này từ bảy tám tháng trước. Tuy vậy chỉ cốt yếu có một ngày chính - lễ. Còn sự xếp đặt trước ngày lễ Nam-giao độ hai tháng, thì thường theo thứ tự như sau này :

Lễ Nam-giao kỳ nào cũng vào tiết xuân (tháng hai) nên độ đầu tháng giêng, Khâm-Thiên-Giám lựa một ngày Hiệp-Cát trong ba ngày Tân, rồi tâu lên Hoàng-Thượng. Nếu Hoàng-Thượng chuẩn - y, ngày ấy sẽ là ngày chính lễ Nam-giao. Ngày xưa có lệ xin quẻ (xin âm-dương). Trên đàn Nam-giao, một vị quan mặc áo tế, mũ, hia chỉnh - tề

(1) Dựng huỳnh-khung-vũ lợp và quây vải xanh đã bắt đầu từ Triều Minh-Mạng.

đứng trước hương án khấn xong, deo hai đồng tiền đồng ; Nếu một đồng sắp một đồng ngửa thời được. Nếu hai đồng cùng sấp hay hai đồng cùng ngửa, thời phải khấn lại. Để xin về ba ngày Tân tháng sau. Nhưng lệ này đã bỏ đến bốn mươi năm nay.

Còn bắt đầu tết thời thường vào giờ Tý. Vì theo Vũ-trụ-luận của Tầu, thời Trời thành lập về giờ Tý (Thiên khai ư tí). Sau khi chọn ngày chính lễ, bộ Lê-Nghi dâng lên Hoàng-thượng một bản kê danh - sách các quan văn võ từ nhì phẩm trở lên để Hoàng-thượng lựa lấy một viên Khâm mạng tết kỵ-cáo tại đàn Nam-giao. Vì đại-thần này hôm mồng tam tháng giêng sẽ vào đại-nội tời trước sân Cần-chánh, bái mạng rồi lên Trai-cung trai giới (ăn chay)

Trai-cung là một tòa nhà rộng rãi có chỗ thiết triều, có nhà trà, nhà bếp v.v. ở cạnh đàn Nam-giao về hướng Tây.

Vì Khâm-Mạng nghỉ một đêm tại đấy, rồi hôm sau, vào giờ Tý, tời đàn Nam-giao, đứng trước từng thứ hai, trở mặt về phía Nam, kính đem Nhật-kỵ tết Giao kỵ - cáo. Buổi ấy có những quan-chức sau này giúp sức : một vị cung kiêm (1), một vị cung hầu

1) Cung kiêm : coi sóc, tinh, soát các lễ-vật bày trên hương-án.

(1) hai vị hành nghi (2) một vị đọc chúc (3) hai vị chấp sự (4).

Lễ kỵ cáo xong, quan Khâm-Mạng trở về Đại-Nội phục-mạng.

Lễ cáo thỉnh phổi-thần tại chánh-án miếu Thái và các miếu-Thế (ở trong đại-nội) thời do một ông Hoàng-thân và mấy ông Tôn-tước đã được Hoàng-thượng cử.

Miếu Thái thờ đức Thái-Tồ Gia-Dụ Hoàng Đế (Nguyễn-Hoàng).

Các miếu Thế thờ :

Đức Thế-Tồ Cao-Hoàng-Đế (Gia-Long)

Đức Thánh-Tồ Nhân-Hoàng Đế (Minh-Mạng)

Đức Hiển-Tồ Chương Hoàng-Đế (Thiệu-Trị)

Đức Dực-Tôn-Anh-Hoàng-Đế (Tự-Đức)

Đức Cảnh-Tôn Thuận-Lý Hoàng-Đế
(Đồng-Khánh)

Đức Giảng-Tôn-Nghị-Hoàng-Đế (Kiến-Phước)

Đức Hoằng-Tôn-Tuyên-Hoàng-Đế (Khải-Định)

Trước khi dựng các nhà ở viên-dàn (từng thứ nhất), ở đệ-nhị thành (từng thứ nhì) v.v. đều có làm lễ cáo vị Thần Tư-Công ngày giờ cũng do Khâm-Thiên-Giám xem.

- 1) Cung hầu : đứng hầu khi tế
- 2) Hành nghi : xướng lễ trong khẩ tế
- 3) Đọc chúc : đọc văn tế
- 4) Chấp sự : mang các lể vật

Trước ba ngày chính lễ, mấy ông quan bộ Lê lên đàn Nam-giao hành-lễ. Hôm ấy có làm một con dê, một con lợn, một con bò, và một con thú rừng, hoặc hươu, hoặc nai.. (Cúng xong, thịt bốn con vật ấy sẽ dùng để làm nem, chả, tré ; Làm trước ba ngày để hôm chính-lễ vừa dùng được).

Hôm chính lễ thời làm mười chín con trâu (mười một con nghé và tám con trâu đực lớn), sáu con lợn, sáu con dê, và bầy chia ra các án như sau này : mười con nghé bầy tại viên - đàn, sáu con trâu đực, và sáu con lợn, sáu con dê bầy tại sáu tùng-dàn ; hai tùng-dàn kia, bên tả thờ mặt Trời (Đại-minh chi-thần), thời chỉ cúng mỗi án một con trâu đực to không có lợn dê. Còn một con nghé nữa thời dùng để đốt ở phẵn-sài.

Những việc mổ trâu, lợn, dê, thổi xôi, xếp đặt cỗ bàn, điều làm tại hai nhà Thần-trù và Thần-khổ. Hai nhà này ở khít đàn Nam-giao về phía Đông. Những việc mua trâu, lợn, dê, chăn nuôi trước ngày tế, cùng việc lựa chọn gạo nếp để thổi xôi, là do bộ Lê với ban Khoa-đạo sành sỏi trông coi kỹ - lưỡng. Còn những chức cung-trữ (1), Tỉnh-thị (2). Phân-

1) Cung-trữ : Tế thay Hoàng-thượng khi ngài mỗi mệt.

2) Tỉnh-thị : Xem xét việc làm lễ-phẩm.

hiến (1). Dự sự (2). thời do Hoàng-thân, Tôn tước, văn (ngũ phẩm trở lên) vồ (tứ phẩm trở lên) sung nhận cả. Ngoài những chức kè trên, còn có hai chức nữa : Phò-liễn (3) và Lưu-kinh (4)

* * *

TRƯỚC ba ngày chinh-lễ, Bộ Lễ đưa thị-vệ dâng lên Hoàng-thượng một ông tượng nhỏ bằng đồng, hai tay chắp vào ngực và cầm một cái thẻ khắc hai chữ : « Trai-giới » bằng chữ nho. Bộ Lễ dâng ông đồng-nhân ấy. theo đại-lễ để tâu ngài tri-trai.

Về tục này có kể chuyện rằng : khi xưa ở bên Tàu người ta có thấy một pho tượng bằng đồng, trong rỗng, nổi lèn bờn trên mặt nước ở biển. Nước biển chảy vào trong pho tượng ấy, rồi phun ra đằng miệng và mũi những tia nước xanh biếc và trong trẻo.

1) Phân hiến : Hành lễ tại tùng đàn bát-án.

2) Dự-sự : Phản-hành không nhất định trong việc tế.

3) Phò-liễn : đi phò bên ngự-xa.

4) Lưu-kinh : Trông nom kinh-thành khi Hoàng-thượng mặc việc tế Nam-giao.

Người ta lấy đấy làm tiêu-biều cho sự thanh-tịnh.

Trước ba ngày chính lễ, về buổi chiều, bộ Lê còn dâng lên Hoàng-thượng mấy đạo chúc-văn cáo miếu, đê Hoàng-thượng tự tay điền ngự-danh. Bộ Lê lại dâng hầu Chỉ một đạo sắc-du Tri-trai có đóng bửu-ấn, rồi đê đạo sắc-du ấy lên long đình, có linh mang nghi-trượng, tàn-lọng, nhã - nhạc đi theo rước ra Phú-văn-lâu đê yết.

Qua ngày hôm sau, bộ Lê thâu đạo sắc-du ấy về đê nạp tại cơ-mật, rồi các bộ sao, yết tại quan-thự của các quan chấp-sự và bồi tự phải trai-giới trước ba ngày chính lễ. Trước chính lễ một ngày vào khoảng 8 giờ sáng, Hoàng-thượng ngự đại-giá lên trai-cung. (1)

1) Trong cuốn « Minh-Mạng ngự chế thi » có một bài thơ « Trai cư ngẫu vịnh » như sau này :

Trai cư truyền dì kính tri thân
Tự tảo linh - đài vật dục trần
Phần điền thi thư liêu tác bạn
Vấn tâm diệc khả đổi đồng-nhân.

Bài thơ này ông Trần-hàm Tẩn có dịch nôm :

Thơ ở trai cung

Một niềm trai kính giữ mình ta,
Tự quét lòng trần sạch sẽ ra.
Phần điền thi thư thường kết bạn
Người đồng nhìn mặt thiện chí a !

Thứa - xưa, lê rước Hoàng-thượng từ
đại - nội tới Trai-cung rất trọng thể. Khi
Hoàng-thượng qua cửa giữa Đại-cung-Môn,
có hiệu phất cờ, nhà Hỏa-lệnh đốt chín
tiếng « lệnh-ngự » xen lẫn tiếng chuông, trống
tại Ngọ-môn. Xe Hoàng-thượng qua bên
tả điện Thái-hoà rồi theo đường dũng-
đạo, qua cầu kim-thủy rồi ra cửa Ngọ-môn.
Khi ấy chiêng trống trên Ngọ-môn, không
đánh nữa, từ đấy lên Nam-giao, âm-nhạc
không cử một hồi nào.

Đám rước Hoàng-thượng từ Đại-nội lên
trai-cung chia ra làm ba đạo : tiền-đạo
trung-đạo và hậu-đạo.

Tiền-đạo có :

Các quan võ và các lính mặc áo dấu mang
trống, tàn lọng, cờ ngũ tinh (Kim-Mộc-
Thủy-Hỏa-Thổ), cờ nhị-thập-bát-tú, người
thồi loa (truyền đồng thanh) đội ngũ lôi cồng-
đồng-bạc-, voi, ngựa đóng bành đeo mạng và
nhạc, một chiếc kiệu long liền một chiếc án
« Phúc-tửu » có hai lọng che (án này sẽ bày tại
viên - đàn ở trên đê một chõe rượu
và một miếng thịt, phần của Hoàng-Thượng
sau khi tế trước hai bàn thờ Trời (Hiệu-Thiên
-Thượng-Đế) và Đất (Hoàng-Địa-Kỳ). v.v.

Trung-đạo có :

Chiêng, trống, tàn lọng, cờ xí... ngoài ra có

ba long-đinh trên đê quý-vật. ngọc lúa, v.v. đê tể. Một long-đinh đê bộ áo (cỗn), mũ (miễn) bình-thiên, hia, đê Hoàng-Thượng dùng khi tể: mỗi long-đinh có hai lọng che, một ngự-liễn (xe này chỉ đi hành ngơi), có quan Phò-Liễn, Thái-Giám theo sau: một long-đinh trong đê đồ ngự-dụng. Rồi đến Ngự-xa, trên có Hoàng-Thượng ngồi, hai bên che bốn lọng vàng, theo hầu có các vị Hoàng-thân các quan Đại-thần...

Hậu-đạo, cũng chiêng trống, cờ-xí, một long-đinh, trên đê ông Đồng-Nhân, có hai lọng che, theo sau quan văn từ ngũ phẩm, quan võ từ tứ phẩm. Sau khi Hoàng-Thượng đã tới Trai-Cung và độ vào khoảng mười hai giờ trưa, bộ Lễ hội đồng với quan Thái-Thường cung-đệ đạo chúc-văn tể-giao: đê Hoàng-Thượng tự tay điền Ngự-danh, rồi các quan đệ lên đàn Nam-giao đê tôn trí.

Sau khi Hoàng-Thượng tới Trai-Cung, các vị phân-hiến, thị-lập, chấp-sự... đều không được trở về nhà, phải ở lại trong những dãy nhà do bộ Công - Tác đã làm từ trước, đê trì-trai (mấy bữa cơm đều dùng chay thường do một nhà chùa trông nom nấu-nướng)

Đến hôm chính lê vào khoảng giờ Tý, Hoàng-Thượng vận áo (cỗn), đội mũ (miễn). Áo (cỗn) màu tím thẫm, tay rộng và dài, có thêu mặt

trăng, mặt trời, hình bát-quái, hình ngũ-nhạc chim trĩ v.v... Những hình này họp lại, tiêu-biểu cả vũ-trụ. Dưới lưng, Hoàng-Thượng vận một cái Thường túc là cái Xiêm, màu vàng và có xếp nhiều nếp, kèm theo phía trước một miếng Tě-tắt phía sau lưng một miếng Đai thọ, còn hai bên xườn đeo lồng xuống mỗi bên một chuỗi giây vàng (tập bội) hình khánh, hình vuông... toàn bằng châu-ngọc; ngoài ra còn có giây đại-dái choàng qua ngực và cách-dái thắt ngang lưng cũng có đinh châu-ngọc và dát vàng. Nhờ có tiếng dung-dinh của những miếng ngọc, giây vàng ở chuỗi tập-bội va-chạm vào nhau, Hoàng-Thượng có thể tự biết là Ngài đã hành-lê mau hạy chậm, khéo hay vụng.

Hớt ngọc Hoàng-Thượng cầm gọi là ngọc-trần-quế mũ (miễn ngài đội, làm theo lối bình-thiên nghĩa là trên đỉnh có một miếng vuông và phẳng, mặt trước và mặt sau có mười hai chuỗi ngọc rưa xuống).

Hia, đẽ dày và ống cao cũng màu tím thâm.

Hoàng-Thượng ngự ngọc-liễn từ Trai-cung qua cửa Tây, lúc bấy giờ chuông ở Trai-Cung đánh mãi đến khi Hoàng-Thượng vào tới đền Nam-giao thời thôi. Đầu có thị-vệ cầm đèn lồng, quạt lông, hai quan võ cầm kim-kiếm và mấy vị đại-thần... Đạo-ngự

quanh sang hướng Nam, rồi lên tùng thứ ba đàn Nam-giao. Thang dùng lên tùng thứ ba đàn Nam-giao chia ra làm ba phần: Chính giữa và bên tả bên hữu cũng như mọi thang khác nhưng chính giữa không phải để Hoàng-Thượng lên, và hai bên không phải để các quan văn võ dùng. Chính giữa, là « Thần-Ngự lộ » Hoàng thượng đi bên, nhường các vị Thần và các đấng Tiên-Đế thờ tại Viên-đàn, đi thang chính giữa.

Xong, Hoàng-thượng vào nhà Đại-thờ. Tại đây có làm lễ quán-lẫy, Hoàng-thượng rửa tay do một vị đại-thần bưng thau và một vị nữa dâng khăn đỏ để ngài lau tay.

Xong Hoàng-Thượng sang Hoàng-đc làm lễ nghênh-thần trước ngoại-hương-án: Ba hồi trống vừa dứt đến ba hồi chuông nghe rất cảm động; kế tiếp đến những tiếng xướng tế to-tát của các vị nội-tán, thông-tán... Khi các vị này xuống: « Phản sai! », thời có đốt một con nghé tại liệu-sở (về mấy triều trước dùng toàn gỗ quế để đốt) và chôn yêm một ít lông và huyết con nghé ấy ở một chỗ gọi là « Ē sở ».

Xong Hoàng-thượng nghiêm chỉnh bước lên Thanh-đc, các vị chấp-sự, thị-lập sau, còn tám vị phân-hiến thời dẽ sang hai bên chia ra tám nơi « tùng-đàn bát án » rồi

đợi thông tân xướng mà hành lê.

Hoàng-thượng làm lê tại viễn-dàn thường đứng trước nội hương-án. (Hương-án này bầy trước hai hương-án thờ Trời (Hiệu-Thiên Thượng-Đế) và thờ Đất (Hoàng-Địa-kỳ).

Trong khi tế, mỗi lúc Hoàng-Thượng vái lê, đi, đứng, đều theo nội-tân xướng cả. Trên viễn-dàn có dựng một cái nhà nhỏ, bộ Lễ gọi là Tiều-thúr để Hoàng-thượng ngồi nếu ngài mỏi mệt — Chỗ Hoàng-thượng đứng đợi xướng tế gọi là Ngự-lập-vị. Những vị xướng tế có nhiều chức khác nhau : Nội-tân (xướng hầu Hoàng-Thượng) ngoài ra còn có Chính-tân, Trợ-tân và không-tân.

Phúc-tửu sau khi cúng tại viễn-dàn, về phần của Hoàng-Thượng thời để riêng, còn dư để trong một cái chõe có niêm cần-thận. Tối ngày hôm sau, lê Giao đã xong, tại bộ Lễ, các quan đình-thần thường họp lại dọn tiệc ăn mừng Lê Giao đã xong, có con hát vui vẻ và dùng rượu « Phúc-Tửu ».

Trước khi tế, các quan thị-lập theo thứ-tự cung-kính cất khăn lụa phủ trên các thần bài (khi xưa những thần-bài gần tế mới viết).

Hoàng-Thượng lên viễn-dàn làm lê « điện

ngọc bạch » (dâng ngọc và lụa) — Sau khi hội-tán xướng « Tấu điện bạch » — thời hát khúc Triệu-thành. Hoàng-Thượng quì trước nội-hương-án, đoạn hai vị tôn-tước đê hai viên-ngọc : Thương-Bích (hình tròn mầu xanh đê tể trời) và Hoàng-Bích (hình vuông đê tể Đất).

Hoàng-Thượng cung-kính cầm hộp báu đựng hai viên ngọc, nâng lên ngang trán, xá, đoạn trao lại cho hai vị tôn-tước rồi ngài lạy bốn lạy (lễ hiến bạch cũng tương tự)

Lễ tiễn trở (dâng trâu thư đê trên bàn có giá gọi là « trở »). thời hát khúc « Tiễn-thành ».

Lê sơ - hiến (dâng rượu lần thứ nhất) thời hát khúc « Mỹ-thành ».

Dưới từng thứ ba giao-đàn, trước Hoàng-ốc hơn năm mươi « võ sinh » vừa mùa vừa hát tay cầm « can » (cái nịt) tay cầm « thich » (cái búa).

Trên viên-đàn, Hoàng-Thượng quì, một vị đọc-chúc đọc bài chúc-văn (1)

Lê á-hiến (dâng rượu lần thứ hai), phải hát

1) Chúc-văn để trên một cái giá sơn son thiếp vàng (chúc kỵ) có lụa phủ, khi đọc xong, lại phủ khăn lại, đợi tể xong mang hóa ở trong một cái lư đồng to kê ở gần liệu-sở.

khúc Thụy-Thành. Tại sân tùng thứ ba Giao đàn, hơn 50 văn-sinh múa hát, tay cầm « thước » (quyền) tay cầm vũ (gây ngắn trên có cầm mấy chiếc lông gà) kế tiếp lẽ « chung-hiển » (dâng rượu lần sau cùng). Thời hát khúc Vĩnh-Thành.

Xong đến lẽ « ầm-phúc » và « thụ-tộ » (uống rượu « phúc » nhận miếng thịt « phúc ») Rồi các quan làm lẽ « triết-soạn » (đem các đồ cúng xuống gần liệu-sở để đốt trong một cái lư đồng lớn). Thời hát khúc nguyên-thành.

Hoàng-thượng xuống đệ nhị thành làm lẽ bốn lạy trước ngoại-hương-án để tống thần. Thời hát khúc kiện-thành.

Hoàng-thượng ra chỗ vọng-liệu để xem đốt tờ chúc-văn và các đồ cúng khác. Thời hát khúc Hữu-thành.

Tể Nam-giao đến đây là xong.

Hoàng-thượng lại ngự về Trai-cung, theo lệ có ca-tấu nhạc-chương. Các vị Hoàng-Thân các quan Thượng-Thur và ấn-quan làm lê khánh-hạ tại đây. Xong Hoàng-thượng hồi-loan về Đại-nội, có các quan đại-thần hộ-giá và có đại-nhạc, tiều-nhạc nghiêm-chỉnh.

Tể Nam-giao rất nhiều phép-tắc khó-khăn, nên trước ngày chính-lễ có tể tập. Bữa tể tập, ai xin phép, có giấy, đều

được vào xem, còn bữa chính-lễ thời vào cửa rất nghiêm-ngặt.

Số tiền chi tiêu về việc tế Nam - giao năm Bính-Ít (1936) tới trên một vạn đồng, vậy mà so với số bạc ngày xưa, vị-tất đã được một phần tư.

Ngoài sự sắm ngũ cung : đồ hương, hoa-man, thiên-hương, phan-thực, đăng minh, bộ Công-Tác còn làm mười chín cái nhà lợp tranh, cột tre, vách cót, rộng rãi và trần-thiết chỉnh-tề. Về hướng tây gần Trai-Cung một nhà Hoàng-Thân Đức ông Hoàng chín (Tuy-Hòa quận-vương) Đức ông Hoàng mười (Hoài-ân quận-vương), nhà cụ Nghi-lễ, nhà cụ Tôn-Nhơn và các quan tá-tôn-khanh; hữu-tôn-khanh ; nhà Tôn-Tước (các quan Trợ-quốc-Khanh), Về Hướng Bắc có nhà Tiếp-Sứ (chỗ tiếp các quí quan), nhà quan thương-thư đại-diện sứ Bắc kỳ, sau nhà các quan thương bộ Lại, bộ Học, bộ Hộ, bộ Công và bộ Kinh-tế, nhà võ ban (các quan Trung-quân, Đô-thống, Thống-chẽ, Chưởng-vệ...); nhà ấn-quan các bộ (các quan Tham-tri, Thi-lạng, Tá-lý) ; Nhà tá trực-kỳ (các ấn quan miền Bắc) nhà hữu trực-kỳ (các ấn-quan miền Nam), nhà các quan Sứ-quán, Đô-sát, Thừa-phủ, Văn phòng bộ Lê và nhà các lính tây, lính ta.

Ngày chính-lễ, hai bên tả hữu Ngự-lộ có

bầy hàng giầy hương-án, đèn, hương, trăm đốt nghi ngút. Những hương-án ấy là do các xã, thôn thuộc phủ Thừa-thiên mang bài-liệt. (Về đời măy Triều trước, các kỳ-lão, về dịp này phải khăn áo chính-tề, quì lạy hai bên đường. Từ khi Đức Bảo-Đại du học bên Pháp về, thời Ngài phê cho miễn sự quì lạy ấy.)

Ngoài ra Hoàng-Thượng còn cho giảm sự gắt trâu, đốt tơ lụa v. v...)

Đọc qua đoạn này ai cũng có thè tưởng-tượng đến một cảnh nào nhiệt tại đà Nam giao, nào các quan đại-thần, ấn quan, mũ, áo hia chính tề, nào các viên bộ-thuộc áo xanh, bài ngà, lại thêm đến hơn hai trăm người vừa linh hạ ban, vừa linh lý-thiện, võ-cang, nhạc chánh, tề sanh, tề-tựu trước ngày chính-lễ bốn ngày để làm mọi việc...

Ở nước ta, không kẽ người có tuổi, ngay như các cậu học trò, thời cậu nào đã cắp sách đi học dù không phải quê quán ở Huế đều biết qua về sự hành-lễ Nam-giao. Vì từ lớp sơ-đảng học-trò đã học trong quyển Luân lý giáo khoa-thư, một bài nói về tề Nam-giao.

Có lẽ vì tề Nam-giao ai ai cũng am hiểu và nhiều người chú ý đến, nên ngoài những bài ca-dao, còn có nhiều bài thơ, câu đối lấy đề về lễ Nam-giao.

Có một vế câu đối ra để rằng :

« Tế Nam-giao tây bắc về đông. »

Câu này nghĩa tầm thường :

« Về dịp lễ Nam-giao người Pháp ở Bắc-kỳ
về (Huế) đông lǎn ! ». Nhưng đổi cho trại
cũng không phải dễ, vì trong ấy có bốn chữ :

Nam, Bắc, Tây, Đông !

Thưa các ngài, tôi hầu chuyện các ngài đã
hơn một tiếng đồng hồ, nên tôi không dám
lưu các ngài lại lâu ; và lại lần này là lần đầu
tiên, tôi được hân-hạnh hầu chuyện các
ngài, tưởng cũng mong không đến nỗi bị phê
là « dài giòng văn-tự » !

Vậy trước khi đứng giây cảm tạ cái lòng
rộng lượng của các ngài đã đổi với một
người vụng nói truyện, tôi chỉ xin nhắc lại :
Tế Nam - giao năm Bính - tý, vào mùa xuân
(17 tháng hai) theo dương-lịch thời nhầm vào
ngày 10 Mars.



Sáng ngày 16 tháng 2 năm Bính-tý
(9 Mars 1936)

**Đức Bảo-Đại ngự Đại-giá lên Trai-cung
Hôm sau hai giờ sáng Hoàng-thượng
hành lễ Nam-giao**

Theo như bản « Nam - giao Đại-giá đỗ-thức » do quan Thượng-thư bộ Lê-Nghi, Tôn-thất-Quảng xếp đặt, thời đám rước Hoàng-Thượng ngự đại-giá lên Trai-cung, cũng chia ra làm tiền-đạo, trung-đạo và hậu-đạo như xưa.

TIỀN-ĐẠO

SÁU viên-binh (3 chánh-phó quản, 3 xuất-đội) ; Hai linh cầm Ngự-tượng-tiết ; Hai linh cầm ngự-tượng ; Hai voi, mỗi voi bốn linh kèm ; Năm linh cầm cờ ngũ hành ; một cái chiêng do bốn linh khiêng, và một người đánh ; một trống do bốn linh khiêng, và một người cầm dùi ; mười viên tuần-sát ; ba linh mang trống ngũ-lôi ; Hai linh mang chũm-chọe,

sáu lính khiêng một cái bàn trên có cắm cờ « Bắc-dầu » ; Bốn lính mang cờ Túc-tịnh ; Hai mươi tám lính mang cờ « Nhị-thập bát-tú ». Hai lính mang cờ Bảo-vỹ ; Hai lính mang phan Chàng Vũ-bảo, hai lính mang Phan Chấn-thiên-thanh, hai lính mang Phan Tân-võ-công, hai lính mang Phan Phú-văn-đức, hai lính mang Phan Trương-trí-hòa, hai lính mang Phan Tri-thắng-bình ; hai lính mang Phan Diệu-tam-quang ; hai lính mang Phan Thạch-lục-hiệp ; mười lính mang Tú-kỳ ; mười lính mang Long kỳ.

Tổng cộng 131 viên-binh.

* * *

TRUNG-ĐẠO

MƯỜI viên-binh (3 chánh-phó-quản, 7 xuất đội) một xe tú-mã, có hai lính hầu ; mươi hai lính ky-mã ; năm lính mang cờ Ngũ-hành ; sáu lính về ban nhã nhạc ; tám lính mang cờ bát quái ; một long - đinh « Phúc-tửu », bốn lính khiêng và hai lính che lọng ; Bốn lính mang cờ Châu-tước, Huyền-võ, Thanh-long, Bạch-hồ ; mười hai lính về ban Đại-nhạc ; Hai lính mang Loan-kỳ ; Hai lính mang Thanh-đạo-kỳ ; một

Châu-án Phúc-tửu, trên che tàn Cửu-long, bốn linh khiêng ; Tám linh mang tàn ; sáu linh mang quạt ; Hai ngự-mã, bốn linh hầu ; một Long-liên, mười hai linh hầu ; Hai linh mang Kính kỵ ; mười linh mang Tú-kỵ ; Hai linh mang tàn « Cửu-long » ; Bốn linh mang cờ Nhật, Nguyệt, Phong, Vân : mười linh mang lộ-bộ, mười linh mang Long-kỵ : một Thị vệ mang cờ Tả-đạo, Mười linh mang chân-tượng ; Mười linh cầm chàng : Sáu linh khiêng một long đình Kim-bửu ; Sáu linh về ban nhã nhạc ; Bốn linh mang tàn ; Bốn linh mang quạt ; Sáu vị tôn tước mang Ngọc-tiết ; Bốn mươi tuần binh : Một Long-đinh trên đè tượng Đồng-nhân bốn linh khiêng, hai linh mang lọng đi bên : Một Long-đinh trên đè bộ cồng-miễn, bốn linh khiêng hai linh mang lọng đi bên : Một long đình trên đè ngự - phục, bốn linh khiêng hai linh mang lọng đi bên : hai linh mang đèn-lồng : hai linh mang hương-hạp : Hai linh mang đè-lô : hai linh mang phát trần ; Hai linh mang Vũ-phiến, Hai xuất đội mang Kim-kiếm: Hai viên thị vệ mang Ngự-kiếm ; Ba mươi tám linh hầu Ngự-liên (Trên Hoàng thượng ngự) bốn linh mang lọng vàng ; Mười hai linh về ban nhã - nhạc ; Tám linh mang Môn-kỵ : một linh kéo ngự - thủ

xa, mốt lính đi bên ; Hai lính mang lọng ;
 Hai mươi lính mang Hoàng-kỳ
 Tổng-cộng 375 viên binh.

HẬU-ĐẠO

NĂM viên binh (2 Chánh phó quản, 2 Suất đội 1 Suất - đội tuần - binh) ; Năm lính mang cờ ngũ - hành ; Hai lệnh-chinh cồ, tám lính khiêng và hai Quyền-suất đi bên : năm lính mang cờ Ngũ-trấn (ở giữa là trung-trấn, hai bên có Nam-trấn, Đông-trấn, Bắc-trấn và Tây-trấn) ; Mười sáu lính mang Long-kỳ ; Tám lính mang phượng kỳ ; Bốn mươi lính mang Giác-kỳ... Rồi đến các vi Hoàng-Thân, Tôn-Nhân, Văn-Võ đình-thần, Sau cùng hai voi và tám lính kèm.

Tổng cộng : 114 viên-binhs

Hợp-cộng cả ba đạo : 620 viên-binhs.

PHÊ - BÌNH VỀ BÀI DIỄN-THUYẾT TRÊN

HANOI – 27 Tết, Thiên-hạ tuy' đang xôn-xao về Tết mà buổi diễn-thuyết tối qua tại Hội Trí-Tri đã kéo được một số đông thính-giả đến nghe, thật không ai ngờ. Ông Nguyễn-xuân-Nghị là một phóng-viên của Ngọ-Báo tại Kinh-đô, hiện sung kiến-trúc-sư tại bộ Công-Tác và mỹ-thuật, là một trang tân-học ở Pháp mới về được ba năm nay, đã hiến bà con Hà-thành hôm qua một câu chuyện có giá-trị.

Tuy nó là cái vắn-dè khô khan về lê-nghi, nhưng ông Nghị đã khéo mô-tả rõ-ràng trong hơn một tiếng đồng-hồ, khiến ai nghe cũng rất vui tai. Ông Nghị nói rõ ràng dễ nghe.

Thoạt tiên ông nói về mấy điều cải-cách

đã thi-hành trong nghi-lễ của Nam-Triều. Ông nói rõ về sự bỏ « lạy » của đức Bảo-Đại. Đoạn ông nói đến Lê Nam-Giao.

Diễn-giả có dâng cho thính giả coi các khu-vực trong đàm Nam-Giao trên một cái bản-đồ lớn, do diễn-giả vẽ ra, treo trên tường. Thực cũng là một bài diễn-văn có khảo-cứu. Đúng mười giờ hai mươi nhăm, một hồi vô tay hoan-nghênh ông phó-hội trưởng hội Quảng-Tri Huế, đã khéo hiến bà con Hà-thành một câu chuyện về lê-nghi rất hợp-thời, trong lúc mọi người đang nô-nức sang xuân đi xem lễ Nam-Giao ở Huế.

Chúng tôi nghe nói tập văn « Cách thức lê Nam-Giao » của ông Nghị viết cũng sắp xuất-bản do một nhà in ở Kinh-Đô ấn-hành.

Lễ Nam-Giao đang vào ngày 17 tháng hai ta (10-3-36).

Ngọ-Báo

* * *

CUỘC diễn-thuyết tối qua tại Hội Tri-Tri : Như lời bản báo đăng thì hồi 9 giờ tối qua, ông Nguyễn-xuân-Nghị kiến-trúc-sư, tòng-sự tại bộ Công-Tác Mỹ-thuật ở Huế có nói chuyện về « Cách-thức Lê Nam-Giao ».

Tuy là đêm đông gió lạnh lại gần Tết mà số người đến dự thính cũng khá đông. Sau lời giới-thiệu của ông Hội-trưởng Nguyễn-văn-Γõ, ông Nghị bắt đầu nói chuyện. Ông nói linh một tiếng đồng-hồ rất rõ ràng, hoạt bát, ở sau diên-dàn, trên tường có treo một cái bản-đồ Đàm Nam-Giao. Diên-giả có cầm cái gậy sắt trắng dẫn thính-giả đi coi khắp các bộ-phận trong khu-vực Nam-Giao.

Sau khi nghe, thính-giả như muốn cho chóng đến ngày 17 tháng hai (10 Mars 1936) để vô Huế dự Lễ. Tuy là một vắn-dề khô-khan, mà trong một tiếng đồng-hồ, nhà thiếu-niên tân-học Nguyễn-xuân-Nghị đã hiến bà con một câu chuyện tất niêm về sử-học rất lý-thú.

Trung-Bắc Tân-Văn

* * *

BUỒI diên-thuyết tại hội Trí-Tri Hanoi:

Đúng như tin bản-báo đã đăng, ông Nguyễn-xuân-Nghị phó-hội trưởng hội Quảng-Tri Huế đã diên-thuyết tối hôm 21 Janvier, tại hội quán hội Tri-Tri phố hàng Quạt Hanoi, về vấn đề « cách thức (ẽ Nam-Giao) ».

Tuy buổi diên-thuyết ấy vào ngày 27 tháng

chap, mà thính giả cũng đến dự đông. Sau mấy lời giới thiệu của ông chánh-hội Nguyễn-văn-Tử, diễn-giả nói linh một tiếng đồng hồ, vừa chỉ dẫn trên tấm bản-đồ đàn Nam-Giao do diễn-giả vẽ. Khi tan cuộc bà con Hà-thành hoan-nghênh bằng một tràng pháo tay không ngớt.

Tràng-An

* * *

21 Janvier. Nguyễn-xuân-Nghi. cách thuc
tè Nam-Giao (Le sacrifice du Nam-giao) —
La belle conférence de M. Nguyễn-xuân-Nghi,
architecte au Ministère des Travaux Publics
du Gouvernement Annamite, vice - président
de la Société d'enseignement Mutuel de Huè
(Hội Quang tri), n'est pas seulement le premier
exposé métholique fait en Annamite sur un
sujet intéressant entre tous. C'est de beau-
coup le meilleur qui ait encore été donné.
Les articles sur le Nam-giao, publiés en
Quốc ngu, sont tous insuffisants par quelque
côté, les uns, d'ailleurs estimables, réduisent
trop souvent la description du sacrifice au
cortège et à la disposition des lieux, les
autres ont laissé de côté tout ce qui n'était
pas en rapport direct avec le rituel et le

détail des offrandes. M. Nguyêñ-xuân-Nghi, lui s'est proposé de traiter la question sur toutes ses faces et d'un point de vue strictement objectif. Il a ainsi mené à bien une entreprise dont Trân-tan-Binh avait déjà eu lieu, mais qu'il n'avait pas eu le temps d'exécuter.

Qu'il décompose en ethnographe, les éléments du rituel, qu'il décrive, en technicien, autels et objets de culte, qu'il retrace en sociologue les différentes phrases du sacrifice, qu'il explique, en sinologue, le sens de l'invocation impériale, M. Nguyêñ-xuan-Nghi est toujours parfaitement à son aise ; partout on le suit avec un égal intérêt ce n'est pas assez dire qu'il excelle à rendre claires et intelligibles les notions les plus compliquées et les plus spéciales. Il sait parler à l'imagination autant qu'à l'esprit. parce qu'il sait voir et faire voir, en artiste, les choses concrètes. Veut-il nous donner la sensation d'une Ville en fête, en quelques phrases pittoresques il nous fera entrer dans le Nam-giao. Il nous initie en quelque sorte au rituel du sacrifice ; son exposé atteste une double tendance à l'honneur de la science annamite et du public hanoien, science dispersée et presque émiettée dans la presse annamite, condensée

à l'usage des spécialistes dans le Bulletin des amis du Vieux Hué, veut maintenant établir le bilan de ses efforts et de ses résultats, elle trouve, en dehors de Hué, un public curieux et patient qui ne demande pas à la science de se vulgariser pour se rendre accessible. M. NGUYỄN - XUÂN - NGHĨ, s'est d'ailleurs gardé d'accumuler les noms et les termes techniques ; il a choisi les traits essentiels et les faits caractéristiques ; il a voulu faire comprendre plutôt que faire œuvre de compilateur. La conception est, on en conviendra, d'une valeur incontestable...

Il est impossible de décrire le sacrifice du Nam Giao sans donner un aperçu général sur les croyances annamites. Sans doute, la question a-t elle été souvent traitée ; l'étude des religions, en effet, ne pouvait être négligée par les LURO, les DUMOUTIER et les DIGUEF (pour ne citer que les morts) mais M. NGUYỄN-XUÂN NGHĨ se place à un point de vue spécial, et ce qui fait la nouveauté de son exposé : c'est ce qui en fait aussi l'intérêt pour nos collègues de la Société...

Nguyễn-văn-Tồ

CÁC LĂNG - TÂM
NHÀ VUA Ở HUẾ

C
T
H
đ
v
đ
n
pb
m
lă
tō
ch
T
ba
T

CÁC LĂNG TÂM NHÀ VUA Ở HUẾ

(Bài diễn-thuyết ở hội Trí-Tri Hanoi
ngày 10 Octobre 1936)

THƯA các ngài,

Đem câu chuyện « lăng tâm Nhà Vua ở Huế ra hầu chuyện các ngài, chắc các ngài đã đoán trước là một câu chuyện buồn ; buồn vì tôi sẽ phải nói đến « những chõ nhà Vua đã nghỉ giấc ngàn thu ; Câu chuyện không những buồn tẻ lại còn có vẻ khô khan nữa.

Nhưng thật ra trong câu chuyện hôm nay, phần nhiều tôi chỉ nhắc lại những chõ « đẹp mắt » mà các ngài hầu hết đã mục kích ở các lăng tại đất Thần-Kinh ; hay nói rõ hơn, là tôi chỉ xin « hầu » một bài tả cảnh mấy lăng chính như lăng đức Gia-Long, Minh-Mạng, Thiệu-Trị, Tự-Đức, Khải-Định và cách thức hạ-huyệt trong kỳ lê Ninh-Lăng đức Phu-Thiên Thuần-Hoàng-Hậu (tức là đức Thánh-Cung mới thăng-hà năm ngoái)



Thưa các ngài, hiện nay đường giao-thông hai xứ Trung-kỳ, Bắc-kỳ rất tiện ; nên ai ai cũng đã cung chiêm qua nhiều lần các lăng ở Huế. Thật là một điều không may cho tôi ; vì ngạn-ngữ tây có câu « À beau mentir qui vient de loin » — Hì xa về tha hồ mà nói khoác !

Mà từ Hanoi vào Huế thì kẽ không xa gì là mấy !

* * *

Trước khi nói đến lăng nhà Vua, tôi xin nhắc lại câu, mà người ta đã nói : (Tức vị trí quan) ; Nghĩa là nhà vua lên ngôi thời lo liệu ngay việc quan quách. Câu ấy đúng với sự thực, vì ở Thần-Kinh Chư-tôn-lăng đều bắt đầu xây từ khi nhà vua còn đang trị-vì.

Nay lại-xin cứu một khoản luật-lệ về « Lăng các ông Hoàng, bà chúa, quan lai và mồ mả thường dân » ; để các ngài biết rõ, là khi xưa, cái chõ nghỉ cuối cùng cũng liên - lạc đến phẩm tước, chức-vị trong khi còn sống. Nghĩa là một người bạch-định dù giàu có đến đâu, cũng không được xây lăng to tát như lăng các quan-lại.

Đại khái trong khoản luật lệ ấy kê : Ông Hoàng bà Chúa và các quan nhât phẩm thời

được xây lăng trong một khu đất chu vi rộng nhất là 360 bộ hay nói nôm là 360 bước chân ; Nhị phẩm 320 bước : Tam phẩm 280 bước, Tứ phẩm 240 bước ; Ngũ phẩm 200 bước ; Lục phẩm dĩ hạ 80 bước, còn mà thường dân chỉ được có 36 bước.

Như vậy mà một người bạch - định đối với mà một người có đôi chút phẩm-hàm cũng đã khác

Dưới đây xin lược chich tờ hội đồng (ngày 23 tháng 7 năm Bảo-Đại thứ 8 (12 Septembre 1933) về việc phân giới-hạn ngoại-cẩm Chư-tôn-lăng.

Hội - đồng cẩm không được lấy đá, bắn đá (dùng cốt mìn (1) để khôi thương long-mạch.

Như lăng Thiên-Thọ hay lăng đức Gia-Long thời giới-hạn ngoại-cẩm như sau này :

Phía trước từ khe Gáy đến khe Rệ bên tả tự khe Rệ đến sông Tả-Trạch vòng quanh khỏi hai hòn núi Tiên-an là núi Gáy và núi Rệ. Phía sau có sông Tả-Trạch vòng từ khe Rệ, giáp núi sông Hữu-Trạch. Phía hữu có sông Hữu-Trạch (giáp núi từ sông Tả-Trạch cho đến khe Gáy). Diện-tích cẩm hạn tinh được 2875 mâu tây.

Hiếu-Lăng (lăng đức Minh-Mạng) Xương Lăng (lăng đức Thiệu-Trị) diện-tích cẩm hạn

(1) — coup de mine — dynamique

mỗi nơi là 475 mâu tây và Khiêm-lăng (lăng đức Tự-Đức chỉ có 225 mâu).

Theo tờ hội-đồng nói trên thời ngoại-cẩm giới-hạn chư tôn-lăng chiếm một khoảng đất, núi, sông, khe rất nhiều ; Địa-thể mấy nơi ấy lại thường lâm thông, là một thứ cây có nhiều dầu, nên muốn ngăn-ngừa hỏa-hoạn, ngân sách bộ Công-tác mỗi năm có chich một khoản chi-tiêu về việc chỉnh-lý chư tôn-lăng nghĩa là chặt cây, dọn cỏ, và tìm cách chữa, nếu có thắn hỏa tới quấy rỗi.

Khi xưa việc canh-phòng rất cẩn thận, vì mỗi lần cháy núi là có lần quan phó hay quan chánh-sứ thuộc về tôn-sở ấy phải xích tay về Kinh chịu tội !

Ngày nay, luật ấy đã bỏ, vì mỗi lăng chỉ còn có một vài nhân-binh thời coi sao cho xiết.

Về mùa hạ thường có người gõ thanh-la đi lắn vào những con đường lâm thông ; họ gõ những tiếng thanh-la đồng nghe buồn buồn, họ đi tuần : Cẩm đốt lửa.



KHIÊM-LĂNG TỰ LÀ LĂNG ĐỨC TỰ-ĐỨC

LĂNG đức Tự-Đức xa thành-phố Huế độ bầy cây sõ. Xung quanh có tường đá vừa dày vừa cao, xây cong-queo, theo chõ đất thấp, đất cao; nên đến khi ánh nắng dịu xế chiều, chiều lên những mảng chai óng-ánh gắn trên tường, thời có người vi với vầy một con rồng lớn!

Qua cửa Vu-Khiêm (1) vào sân, đi một quãng, trèo lên thang sẽ thấy nhà Công-Khiêm và Cung-Khiêm, (2) chính giữa là Khiêm-cung-môn hai tùng, tùng trên có kê một vài sập sơn son thếp vàng đã lâu năm. Qua Khiêm-cung-môn đến một cái sân rộng; hai bên tả, hữu có hai nhà: Pháp-khiêm-vu và Lê-khiêm-vu. Sân có bầy những thỗng bằng sứ đã lâu năm, men đẹp; tràm đậm và trầm lưỡng long trầu nguyệt hay long ám. Rồng tuyển năm móng, tiêu-biều « Nhà Vua ». Chính giữa là điện Hòa-Khiêm nơi thờ đức Đức-tôn-anh Hoàng-Đế. Những tự-khi bầy tại đây ít vật quý: nghiên, bút, lọ cắm hoa, tủ sách, gương đứng... Duy có

(1) Còn ba cửa nữa gọi là Thượng-Khiêm, Tự-Khiêm, Tả Khiêm.

(2) Hai nơi này hiện nay bộ Công đã cho dỡ vì hư-nát.

điều ta nên để ý, là mỗi ngày một buổi chầu-hầu do các cô phụng-chức dâng lham nước, hầu giầy, pha trà, têm dầu .. như khi còn sống.

Hiện nay tại Khiêm-lăng còn có hai bà cung-nga : một bà 85, một bà 82 tuổi các bà xắp được thăng chức tài-nhân.

Phía sau điện Hòa-khiêm bên tả có nhà hát Minh-khiêm rộng một bờ độ 26 thước, một bờ 17 thước tây. Có người nói xưa ban hát tuồng tại đây tuyển là nữ-ban. Bởi vậy có người lại nói : cái chòi dựng ở một đầu sàn hát, có thang lên, và bốn phía có mành-mành che là nơi Đức Tự-Đức ngự-lâm và ban hỏi vai đào nào đã khéo trổ tài hoặc bằng điệu múa mềm mại, hoặc bằng tiếng ca trong-trẻo, hoặc bằng cái liếc của con mắt xay xưa ! (3)

Bối nhà hát Minh-Khiêm có điện Ôn-Khiêm, còn phía sau là điện Lương-khiêm nơi thờ đức Từ - Dụ. (Đức Từ - Dụ cũng đã ở qua Khiêm-Lăng. Vì năm Ất-dậu (1885) Tam-cung là ngài Từ-Dụ Thái-hoàng-thái-hậu sinh ra

(3) Nhưng theo ý tôi thời Nhà Vua lại ngự ra coi ở phía trước mặt. Còn cái chòi là chỗ thờ Tồ của ban hát, như nhà Duyệt-Thị ở Đại-Nội trước khi cải-tạo.

đức Tự-Đức ; ngài Hoàng-thái-hậu là vợ Đức Tự-Đức và mẹ nuôi ngài Đức-Đức ; ngài Hoàng-Thái-phi là vợ thứ đức Tự-Đức (mẹ nuôi vua Kiến-Phúc).

Các ngài Thái-hậu nghe ông Tôn-thất-Thuyết dành chịu ly-biéte Vua Hàm-Nghi rời trờ về Kinh, vào ở Khiêm-Lăng. Đến khi làm lê tôn-vương Vua Đồng-Khanh, thống-tướng De Courcy cũng ủy ông Champeaux lên yết-kiến đức Từ-Dụ ở Khiêm-Lăng.

Phía sau điện Lương-Khiêm có sân rộng rãi và hai bên khi xưa có hai tòa nhà Dụng-Khiêm và Tùng-Khiêm, hiện nay đã triệt-hạ. Cuối sân có cái bể gạch dài hơn 6 thước, rộng 5 thước, thả sen trên có hòn giả-sơn giáng đẹp, có cây cối mọc tốt xanh, xen lẩn những tháp, cầu, nho-nhỏ bằng sứ.

Lúc trờ ra, qua điện Ôn-Khiêm, về phía hữu có nhà cầu dài 30 thước tây, đi hết nhà cầu đến viện Y-Khiêm là một viện trong lục viện (còn 5 viện khác đã triệt hạ từ mấy năm trước.) Gần đấy có điện Chí-Khiêm là nơi thờ các bà nội-cung dưới triều Đức Tự-Đức (từ Học-phi trở xuống nghĩa là cung-nhân, cung-nga, tài-nhân, quý-nhân, mỹ-nhân) Chánh-diện ở giữa, còn tả trường-lan, hữu-trường-lan hai bên.

Ở điện Chi-Khiêm bước xuống, theo lan-can vòng hồ, đối Khiêm-cung có nhà rạp Dũ-khiêm-tạ xây một nửa chia ra ngoài hồ ; cách đấy một quãng đến một cái kiều gạch dùng đê sang nhà Xung-khiêm-tạ là chỗ Đức Tự-Đức ưa ngâm thơ, thường trăng hay dùng cần trúc buông mồi câu cá.

Giữa hồ thả sen có một cái đảo cây cối mọc rậm-rạp, trong có ba cái chòi Dạ-khiêm Tiêu-khiêm và Nhạc-khiêm : nhưng hiện thời chỉ còn chòi Dạ-khiêm, hai chòi kia hư nát đã triệt-hạ.

Nhà bia ở một bên các điện. Bia đình Khiêm-lăng đồ-sộ hơn các lăng khác, làm theo một kiểu kiến-trúc kiên-cố, cột to tát vững chãi và xây cuồn cả, không dùng đẽn gỗ. Tượng các triều thần văn-võ và voi ngựa bằng đá, tuy về phương-diện hình-thể thì thô nhưng xếp đặt khéo và hợp với lối kiến-trúc đã nói trên. Tới đây về buổi chiều mùa hạ nếu gặp gió to sẽ được mục-kích hàng mây mươi cây đại, dung hoa trăng toát cả sân và mùi hương hoa đại sẽ dục ta trầm-ngâm mơ mộng... Tiếng gió át mắng cả tiếng chuông đồng nhỏ đeo lủng-lẳng trên mái nhà bia-đình, ngừng nhìn đám mây đen đang kéo đến ở trên trời : đối cảnh này, ai là người

không nghĩ tới những bài thi kiệt-tác của ngài Đức-Tôn...

Qua bia đình tời một cái hồ bán-nghuyệt rồi mới tới lăng : nghĩa là nơi mà Nhà-Vua nghỉ giấc ngàn thu từ năm 1883.

Qua bờ hồ bên kia có Khiêm-thọ-Lăng, tức là lăng Đức Lệ-Thiên-Anh hoàng-hậu.

Gần đây có điện Chấp-khiêm nơi thờ Đức Kiến-phúc. Sau điện Chấp-khiêm, là nơi Đức Tự-Đức xem kinh nhà phật khi ngài trai-giới. Điện Chấp-khiêm trước gọi là Trai-khiêm chõ Đức Tự-Đức trai-giới. Sở dĩ sau đổi là Chấp-khiêm và thờ ngài Kiến-phúc là vì đức Tự-đức không có con, nuôi ba cháu làm con nuôi : các ông Đức-đức, Chánh-Mông, Dưỡng-Thiện. Sau khi Đức Tự-Đức thăng hà, ngài Đức-Đức lên ngôi được ba hôm thời bị các ông phu-chánh Nguyễn-văn-Tường, Tôn-thất-Thuyết truất ngôi rồi lập em vua Tự-Đức là Hồng-Dật lấy hiệu là (Hiệp-hòa). Đức Hiệp-Hoà lên ngôi được 4 tháng lại bị các ông Nguyễn-văn-Tường, Tôn-thất-Thuyết bắt phải uống thuốc độc tự-tử, rồi lập ngài Dưỡng-thiện con nuôi thứ ba Đức Tự-Đức mới có 15 tuổi lấy hiệu là Kiến-Phúc. Vua Kiến-Phúc trị-vì được 6 tháng thời ngài bị bệnh (hay bị đầu độc ?) rồi thăng-hà. Vì ngài thăng-hà

sớn nên chưa kịp xây lăng, điện ; mà Khiêm-lăng lại rộng rãi nên mới cải Trai-Khiêm làm Chấp-khiêm để thờ ngài ; còn lăng Đức Kiến-Phúc cũng ở bên đấy gọi là Bồi-lăng.

Tại sao lăng Đức Tự-Đức lại có lầm lầu, điện các, nào chô đọc sách, chô coi hát, chô câu cá ?

— Chính vì Đức Tự-đức muốn truyền ngôi cho con nuôi trước khi thăng-hà, rồi ngự ra Khiêm-lăng để ở. Theo lệ bên Tầu, thời khi « Vua Cha » còn sống mà đã truyền ngôi cho con, Thời Vua cha được phong Thái-thượng-Hoàng. Nhưng đức Tự-Đức thăng hà trước khi được phong chức ấy.

* * *

XƯƠNG-LĂNG tức Lăng đức Thiệu-Trị

XƯƠNG-lăng xa thành phô Huế hơn 7 cây số, ở tại làng Cư-Chánh, thuộc huyện Hương-Trà xung quanh không có tường xây. Hai hồ hai bên, ở giữa là đường đi ; còn một cái hồ nữa phân hai bên : điện và lăng.

Trước khi vào điện phải qua lầu Hồng-rạch-môn, rồi tới một cái sân, hai bên có tả hữu phối - đường, và ở giữa là điện Bửu-đức ; sau điện Bửu-Đức có hai nhà tả hữu hậu-viện.

Qua bên lăng, sẽ thấy một cái sân rộng, tương các quan văn, võ, voi, ngựa bằng đá dựng hai hàng. Sân trên có 2 con nghê bằng đồng, rồi đến nhà-bia. Sân trên nữa có lầu Minh-Đức, hai bên có hai trụ-biều và bốn góc có bốn hòn giả-sơn chắp thành hình rồng, lân, rùa, phượng. Trên sân Minh-đức-lầu bước xuống, sẽ thấy ba cái kiều dài tới 30 thước. Qua kiều đến

lăng. Lăng đây là một quả núi đất có cây cối mọc xanh um, xung quanh xây tường cao chỉ có một cái cửa ra vào có cánh đồng và khóa, niêm kỹ-lưỡng. Gần đây độ sáu mươi thước có đường vào Hiển-quang-các. Đường đi hẹp và cây cối nhiều, nên ít ai lui tới.

Lăng đức Thiệu-Trị đối với lăng Minh-Mạng thời nhiều chỗ tương-tự, nhưng lăng Minh-Mạng to tát mười thời lăng Thiệu-Trị chỉ được năm, sáu. Nhưng vì lăng xây chưa xong thì Nhà-vua đã thăng-hà : Đức Thiệu-Trị thọ được 37 tuổi và trị vì được 7 năm (1841-1847), vì vậy chinh lan-can trên các hồ sen cũng chưa xây xong.

* * *

HIẾU-LĂNG tức lăng đức Minh-Mạng

TRƯỚC khi đến Hiếu - lăng băng đường bộ, phải đi một quãng đờ (độ 10 phút) vì lăng ở hữu ngạn sông Đại-giang tại làng Hải-cát huyện Hương-Trà. Đường đi vào lăng rộng rãi, hai bên lâm cây cối, phần nhiều cổ-thụ. Nếu đi cung-chiêm về buổi sáng sớm, nhiều khi thấy cả những con sóc lanh-lẹn chuyên cành cây này sang

cành cây khác, và được nghe những tiếng chim lạ kêu, khiến ta nghĩ như đi vào một khoảng rừng mà chính ra chỉ xa thành-phố Huế có 11 cây số !

Hiếu - lăng chung quanh có thành xây. Mặt trước có ba cổng vào : Đại-Hồng-môn, ở chính giữa (có tượng hai con kỳ-lân to bằng đà), hai bên là tả-hồng-môn và hữu-hồng-môn. Cửa thường ra vào là cửa tả.

Sân thứ nhất có tượng các quan, văn võ voi, ngựa và hai nghê bằng đồng. Bước lên sân trên nữa có nhà, rồi tới lầu Hiền - đức - môn. Qua Hiền-dec - môn tới một cái sân có bầy các thống bằng sứ đã lâu năm. Hai bên có tả hữu phổi đường. Ở giữa là điện Sùng-ân rộng mỗi bờ hơn 20 thước. Qua sân trong là tả, hữu hậu-viên. Qua cửa hậu có ba cái kiều dài 24 thước đặt cách nhau độ mười thước. Qua kiều sang bờ bên kia, một bên có Điểu-ngư-dinh (chỗ câu cá) và một bên là nghinh-lương-quán (chỗ nghỉ mát). Nếu theo ba cái kiều tiễn thẳng lên, sẽ thấy tòa Minh-lâu, hai bên có hai trụ biêu, bốn góc có đắp bốn hòn giả-sơn hình tứ-linh như ở lăng đức Thiệu-Trị. Tại Minh-lâu có kê một cái giường bằng gỗ sao một miếng mà đo được một bờ một thước 45, một bờ hai thước 80 và dày một tấc. Trên tòa

Minh-lâu bước xuống sẽ thấy một cái cồng 4 trụ bằng đồng có rồng quấn trên đè bốn chữ « Chính-đại Quang-minh » rồi đến một cái hồ bán nguyệt, ở giữa có một cái kiều ; đầu kiều có một cái cồng nứu, bốn trụ bằng đồng và có rồng quấn, trên có đè bốn chữ « Thông minh chinh trực » ; rồi đến chính lăng đức Minh-mạng (một quả núi đất cây mọc chi chít), xung quanh có tường xây (bửu-thành).

Có người nói lăng nhà vua, phần nhiều có hõ đào sâu, vì khi trước lấy đất ở đây để đắp lên làm nǎm tức là cái núi đất nói trên. Địa hồ bán-nguyệt còn có một cái kiều gọi là yêm-nguyệt-kiều. Về phía tả nghinh-lương quán, trên một cái núi đất « khải-trach » có tòa Linh-phương-các, từng dưới có kê một cái đường băng gỗ sao một miếng dài ba thước 48, rộng một thước 32. Khi xưa gần nhà quan Thủ-hộ phó sứ, tại u đất nhô ra hồ sen, có trồng nhiều cây hải đường, tại đây có nhà Lương-tạ nay đã dỡ, chỗ ấy xưa gọi là « hòn núi hải-đường ».

Hiếu-lăng nhiều cảnh đẹp, nên phần nhiều các nhà họa-sĩ hay tới chăm sơn hoặc vẽ bằng nước thuốc. Nhưng Hiếu-lăng xây theo đồ-bản chõ nào cũng đối nhau, vì vậy mất cả vẻ tự-nhiên.

Có người kể lại rằng Đức Thánh-Tồ là một ông vua có tư-chất minh-mẫn, sùng đạo Khổng-Mạnh nên lại càng ưng sự ngay thẳng nữa. Không những Ngài giữ thái-độ ấy về chánh-trị mà cả với sự thường hàng ngày, như khi ngài ngự-thiện, thời bát, đũa, chén phải bày giọn ngay ngắn, cả đến những thức ăn: khúc cá rán hay khoanh dò lụa cũng phải cắt cho vuông vắn.

* * *

DOAN trên tôi có nói đến Bửu-Thành vậy xin hầu-chuyện các ngài về *lễ khai-bửu-thành* một cái lê nhỏ, nhưng ta nên biết.

Thế nào là lễ Khai Bửu-Thành.

Thường lệ trước ngày lê thanh-minh hai ngày, các quan tham-tri, thị-lang bộ Lê và Công lên Hiếu-lăng (Minh-Mệnh), Xương-lăng (Thiệu-tri) hội-đồng với các quan thủ-hộ phó-sứ, phụng-hộ chánh-sứ lãnh-binh để khai bửu-thành

«Bửu-thành» là cái tường qui. Các nhà du-lịch cung-chiêm các lăng thường đẽ mắt tới một bức tường gạch xây chung quanh một quả núi đất chỉ có một cửa ra vào, nhưng có cánh cửa đồng, then đồng, khóa

đồng, lại có bản giấy hội-đồng niêm kẽ-lưỡng. Vậy sự bí-mật ở bên trong là những gì ? Một người lính một tay cầm cái thanh-la, một tay nắm cái dùi gỗ một hồi lâu, làm rung động cả một vùng đấy. Tiếng thanh-la đồng kêu vang nơi vắng vẻ, dùi đã buông thõng, mà tiếng còn văng-văng...

Trên một cái chiếu quan thủ hộ phó sứ, trong chiếc áo thụng bằng the mầu đen, hai tay cung kính chắp lên ngực, khấn vị « Hiếu sơn thần » xin phép mở cửa bửu-thành để cho lính vào dọn dẹp cỏ dại, cây lau... Khấn xong quan phó-sứ lay mẩy lay, lẽ tuy giản-dị nhưng cảnh ấy, điệu ấy lẽ bạc mà nghiêm. Các quan thàm-tri, thị-lang, phó - sứ... bước lên đến 40 bức đá mới đến trước cánh cửa đồng, trên có miếng đá trạm trong khắc ba chữ « Bửu-thành môn ». Lính bóc niêm cũ, trình các quan xem chữ ký y nguyên, rồi mở khóa mở then, ẩn hai cánh cửa đồng vào hai bên. Quan lãnh chỉ-huy bọn lính cầm dao, cào, cuốc, vào trong dọn cỏ, và chặt những cây dại mọc trên con đường hẹp độ một thước tây ở khít vệ đường. Nói nôm, đây là một cái nấm của Nhà-Vua nhưng không phải là một nấm đất, chính là một hòn núi đất có cồ-thụ, cành lám lá nhiều ; cỏ cây chen nhau vì mỗi năm mới có một lần chân người bước tới. Nếu

lần tường theo phía bên trong mà đi sẽ không biết mình đi được đến đâu vì là một con đường đi vòng quanh nhưng đối với cửa ra vào, về phía bên kia, có xây một chiếc bình-phong áp vào tường. Nghĩa là nếu đi vòng quanh, gấp bình-phong mới biết là mình đi được nửa đường ! Nơi này tất nhiên nhiều rắn, rết. Quả trên cây rụng xuống lại mọc thành cây, vì không ai vào được mà hái. Có người quả-quyết khi xưa đã có cọp ; nhưng họ nói đây là : « Ông cọp về chầu ! » Khi các lính làm xong công việc, một hồi thanh-la lại nồi lên. Ai có phần việc vào trong bửu thành phải vội ra. Rồi cửa lại cài then, khóa và niêm.

Cách niêm như sau này : Bản niêm do một viên thư-ký biên bằng chì nho, các quan đứng hội đồng chỉ việc thảo một chữ ký. Xong lính lấy vải sô gián lên trên khe hai cánh cửa đồng, xong gián bản niêm lên trên lần vải xô ấy, rồi lại lấy miếng vải xô khác gián một lần nữa lên trên ; gián toàn bằng nhựa cây sung.

Cửa bửu-thành đã niêm xong, quan thủ-hộ phó-sứ lại vân áo thụng đen, khùm num xá mẩy xá lê tạ. Đến đây việc « khai bửu-thành » xong ; các quan biệt phái ung-dung trở về.

TƯ-LĂNG (LĂNG ĐỨC ĐỒNG-KHÁNH)

LĂNG đức Đồng-Khánh ở gần lăng đức Tự-Đức. Cửa chính Đại-Cung-môn thường đóng, phải đi cửa bên. Qua Đại-Cung-môn đến điện Ngưng-hy; mặt trước có hai nhà gọi là tả hữu thanh-gia, mặt sau có 2 viện. Chính điện Ngưng-hy thờ đức Cảnh-Tôn Thuận-Lý hoàng-đế còn hậu điện thờ đức Phụ-thiên Thuần hoàng-hậu (Đức Thánh-Cung).

Bên Lăng, giữa có một cái sân rộng một bě 32 thước, một bě 26 thước, có nhà bia cũng như mọi lăng khác có tượng quan văn võ, voi, ngựa, bằng đá, nhưng cách thức trạm-trồ tỴ-mỹ hơn các tượng ở các lăng khác, tỏ ra vẻ một cái lăng mới xây chưa được bao lâu.

TƯ-MINH LĂNG (HAY LĂNG ĐỨC
PHỤ-THIÊN HOÀNG-HẬU)

CÓ ba cái sân, mỗi cái dài 22 thước tây, rộng độ 10 thước, chia làm ba cấp theo kiểu « tam cấp bái đình »; mỗi cấp theo thứ-tự cao hơn nhau độ 1 thước,

rồi đến cửa Bửu-Thành cũng có thang đi lên nữa. Như vậy tính từ đường quan lên sân Bửu-Thành cao hơn 5 thước.

Qua cửa Bửu-Thành và một lăng tường nữa thời đến tầm, một cái nhà nhỏ một bờ 3 thước, một bờ 1 thước ruồi. Còn huyền-cung, nghĩa là chỗ huyệt hay chỗ đê tử-cung (quan tài) thì ở sâu mãi tận dưới đất (cách tầm hơn ba thước tây) và ở ngoài đi vào phải qua một cái hầm dài 20 thước. Phần ngoài rỗng thiên, phần trong là hầm ăn sâu vào núi đất có tường xây cuồn. Chính huyệt hay huyền-cung ở phía sau nữa, bờ sâu đo được 3 thước, bờ ngang 1 thước 40 ; bờ cao 1 thước 70 ; Trừ huyền-cung còn hầm ngoài và trong đều lấp đất và trên mặt có lát gạch.

Theo lê Ninh-Lăng đức Phụ-Thiên Thuần-Hoàng-Hậu thời tử-cung đặt trên một cái khung gỗ (phụng-thuần) có bánh xe lăn trên một con đường như đường hỏa-xa gọi là « toại đạo », về phía ngoài và trước phụng-thuần có đặt « thoi-xa » để Hoàng-thượng vin và ăn. Giây chắp-phất buộc vào phụng-thuần thoi-xa và luôn vào hai cái dòng dọc Sau khi quan Tá-Lý bộ Lê xướng to « Kim nhĩ cát thần phụng-an huyền-cung » — Giờ tốt đã đến, xin tấu

thỉnh Ngài nhập huyền-cung — thời Hoàng-thượng vịn thoi-xa, các Vương-Khanh, Đại thần rút giây (nhưng cũng phải cần đến nhiều dư-phu giúp sức bên ngoài, tử-cung mới lần lần vào tới huyền-cung).

Xong dùng hai viên đá lớn lấp cửa huyền-cung và ngoài lấp đất. như vậy tử-cung đã đặt một lần ở đâu thời cứ đẽ yên đã nghìn năm cũng không xê xích nữa !

* * *

ỨNG-LĂNG (LĂNG ĐỨC KHẢI-ĐỊNH)

LĂNG đức Khải-Định ở trên một quả núi cao, ở địa hạt Châu-ê, xa thành-phố Huế độ hơn 11 cây số. Ứng-lăng khác mọi lăng vì tẩm và điện thờ ở cùng một nơi.

Thoạt tiên tới chân núi, sẽ thấy một cái thang cao đến 7 thước tây và rộng rãi có bốn con rồng mạnh-mẽ làm chõ vịn và chia thang ra làm ba phần, chính giữa là đường lên lăng của Nhà-Vua.

Trèo hết thang, qua cửa sắt đến một cái

sân rộng mõi bề hơn 20 thước tây có hai nhà « Tả hữu phổi đường ». Rồi đến một cái thang ngót 30 bước cũng có rồng quấn. Tại sân trên, giữa là bia-dinh, hai bên hai trụ-biều mỗi cõi có hai hàng tượng đứng chầu : quan văn, quan võ, linh, voi và ngựa. Trên sân bia-dinh có ba cái sân khác rồi tới Khải-Thành. Trong Khải-Thành có tượng đức Khải-Định vận đại-triều ngồi ngai, bằng đồng, cao ngót hai thước. Các qui-vật (ngọc, ngà, vàng, bạc, san-hô, mǎ-nǎo đều đẽ trong tủ kính ; ngoài ra còn có các bộ áo dát vàng, ngù vàng mà sinh-thời, đức Khải-Định đã vận khi Ngài ngự-giá Bắc-tuần. Trên tường có treo mấy cái vòng-hoa cườm của các quý-quan bên chánh-phủ Bảo-hộ điểu hồi tang-nghi...

Lăng Đức Khải-Định và lăng Đức Gia-Long thật là tương-phản nhau, một bên thật sơ-sài giản-dị, một bên thời cầu-kỳ tỉ-mỷ. Các thang lên, các trụ và cả trần nhà đều có rồng và mây. Lâu công nhất là những vảy rồng, lá cây, cánh hoa bằng thủy tinh, hay bằng mảnh-sứ. Thủ hỏi mỗi ngày một người thợ khéo lấy kim bỉ được mấy cái vảy rồng ? Mà Khải-Thành chi-chít những rồng, những hoa, những lá chắp bằng thủy-tinh. Xem như vậy đủ biết số bạc chi-tiêu về việc xây Ứng lăng không phải là nhỏ !

THIÊN-THỌ-LĂNG (LĂNG ĐỨC GIA-LONG)

LĂNG đức Gia-Long hay Thiên-Thọ ở vào một nơi lâm núi, nhiều cây, lại có sông, có hồ nên các thầy địa-lý đều tin là một nơi đất quý. Nơi ấy xa thành phố Huế độ 16 cây số; muốn cung-chiêm phải dùng một quãng băng đò, vì tôn-lăng ở về hữu-ngạn sông Tả-trạch.

Sau khi ở bến đò đi lên độ 300 thước thời thấy một ngôi đình của làng Đinh-môn và nhà quan-cư (Quan Thủ-hộ Chánh-sứ tức là quan coi lăng). Đến đấy đường sẽ phân ra hai ngả, nếu muốn đi thẳng ngay đến lăng Thiên-thọ thời đi về bên tay trái. Lăng Thiên-thọ cách đấy gần 2 cây số. Nếu theo ngả tay phải thời sẽ tới lăng Thoại-thánh, tức là lăng đức Hưng-Tồ Hiếu-khương hoàng-hậu sinh ra đức Gia-Long.

Điện Thoại-thánh mỗi bờ gần hai chục thước tây, mặt tiền có lầu 3 cửa ra vào, hai bên có tả hữu phối đường, phía sau còn có một ngôi nhà nhỏ nữa. Lăng Thoại-thánh thời ở ngay bên cạnh. Trước mặt có một cái hồ sen nhiều hoa nhiều hương to hạt và thơm nén hàng năm vẫn tiễn Nội.

Lăng Thoại-thánh có 3 tùng sân, rồi đến Bửu-thành, giữa có cửa niêm và khóa. Bên

trong còn có một lầu tường xây xung quanh
rồi đến nhà mồ bằng đá tục gọi là «thạch-ốc»

Chính đấy đã nghỉ giấc ngàn thu của bà
mẹ biền-tử sinh ra nhà vua khai-sáng. Ngài
người tinh Quảng-Tri, cha là Nguyễn-phúc-
Chung, mẹ họ Phùng, Ngài sinh năm 1738,
và sau có 3 con trai, Đức Gia-Long là con
trai thứ hai.

Về lăng Thoại-Thánh có sách chép rằng:
Sau khi quan Khâm-Thiên-Giám đã phân kìm
lụa được đất mới tâu đức Gia-Long và Hoàng
tử lên tân nơi để xem. Khi linh đào sâu
xuống thời thấy đất ở dưới là đất « ngũ sắc »
Các quan Đại-thần có mặt tại đấy đều vui
vẻ mừng nhà Vua. Duy chỉ có một vị Đại-
thần tên là Nguyễn-văn-Thành, làm thịnh
không nói chi cả Nhà Vua thấy vậy mới hỏi,
thời vị Đại thần ấy tâu rằng: Đất ngũ sắc
không lấy gì làm lạ, Chính ngay tại mộ thân
mẫu hạ-thần cũng có đất ngũ- sắc coi còn tốt
hơn. Nhât là chô này hạ thần còn e bị sét
đánh nữa, vậy Hoàng-Đế nên cho lụa nơi
khác...

Nhà vua nghe xong, đang vui hóa buồn,
nhưng được Hoàng-tử (tức là đức Minh-Mạng
về sau) gạt đi mà nói rằng:

« Không sao, trời chỉ cho sét đánh trên
những mồ mả của quân Tây-Sơn mà thôi,

vì họ muốn tranh quyền cướp nước !)

Nghe hữu-lý đức Gia - Long lại vui vẻ và cho khởi công xây lăng.

Từ lăng Thoại-Thánh đi xa một quãng nữa sẽ thấy điện Gia-Thành trong thờ Ngài Thuận Thiên Cao Hoàng - Hậu, sinh ra đức Minh-Mang, còn lăng ở bên gọi là Thiên-thọ - Hữu (Điện và lăng tương - tự với Thoai - Thánh)

Ngài Thuận - Thiên Cao Hoàng - Hậu người làng Văn-Xá (Huế) con gái ngài Trần - hưng-Đat, trước làm Tham - Tri Bộ Lễ, sinh năm 1769. Ngài tiễn cung từ năm 12 tuổi, đến năm 22 sinh ra đức Minh - Mạng. Ngài mất năm 1846.

Cách điện Gia-Thành độ 200 thước sẽ tới điện Minh-Thành là nơi thờ đức Gia - Long và Hoàng-Hậu Thiên-Cao.

Đức Thiên-Cao Hoàng - Hậu là con gái ngài Tống-phúc-Khuông, một vị đại - thần thanh-liêm, người làng Bùi-Xá (Thanh - Hóa) sinh năm 1762. Lúc bình sinh thường theo đức Gia-Long ra trận. Có sách chép lại rằng :

Một lần thủy - chiến với quân địch, chinh tay ngài mạnh bạo cầm dùi trống thúc quân cỗ tiễn. Trận ấy thắng, nên đức Gia - Long rất yêu qui. Ngài mất năm 1814, chỉ sinh được hai con trai, nhưng một người mất sớm còn người thứ hai tức là Hoàng-tử - Cảnh

Đức Minh-Mạng là con ngài thứ - phi, nhưng là con nuôi đức Thừa-Thiên Cao Hoàng-Hậu nên sau được lên ngôi.

Còn điện Minh-Thành khi xưa trong có bầy những áo giáp, gươm, súng, yên ngựa, là những vật kỷ - niệm đề lại của đức Gia-Long. Năm 1860 những thức ấy hư nát vì lâu ngày, bộ Lê có tâu đức Tự-Đức xin sửa lại, nhưng ngài không chuẩn-y và truyền nên đề y nguyên cho hậu-thế trông thấy cái gương sán lạn về bình quyền của một ông vua anh hùng lừng lẫy, 23 năm chổng cự với quân Tây-Sơn. Đến ngày nay tại điện Minh-Thành những thức ấy không còn nữa, chỉ còn bầy những bộ ngũ sự, các vật ngụ - dụng thường ngày của nhà Vua khi sinh - thời như ấm, chén, tráp trầu, nghiên mực bút v. v.

Lăng Thiên-Thọ thì ở gần bên Điện Gia-Thành. Tính tới ngày nay đã hơn một trăm năm, nên các tượng quan văn võ voi ngựa bằng đá và các thành thang trạm rồng cùng đá lát sân, đều cũ kỹ và nhuộm một loạt màu đen.

Bước lên ba cái sân, tới Bửu Thành, trong xây hai cái nhà mồ bằng đá liền nhau : Đó là mộ đức Thể-tổ-cao hoàng-đế (Gia-Long)

và đức Thùa-thiên Cao hoàng-hậu (chánh-phi của ngài).

Bên trên Lăng và về phía sau có xây một cái bờ thuôn thuòn và dốc xuống hình móng ngựa đo được hơn một trăm thước. Đứng trên gò Chánh-Trung ấy trước mặt sẽ thấy hai trụ-biểu cao ngất, còn xa xa thời những ngọn núi nhấp nhô có mây phủ (ở giữa là núi Thiên-thọ, còn tả, hữu mỗi bên 14 ngọn và phía sau còn có 6 ngọn núi nữa.) Nhà bia cũng xây trên một ngọn núi thấp ở bên lăng.

Nói tóm lại Điện Minh-thành, Lăng, Bi-dinh đều xây trên núi cả, vì vậy nhiều người đồng ý cùng quan thượng Phạm Quỳnh về câu sau này trích ở bài « Mười ngày ở Huế » đăng trong Nam-Phong tạp chí số 10 :

« . . . Có người cho lăng đức Minh-Mệnh là đẹp, có người cho Lăng Đức Tự-Đức là khéo. Tôi lấy Lăng Đức Gia-Long là hùng hơn cả. Nhưng một triều được mấy Vua sáng-nghiệp ? Công khai-sáng chỉ có một đời mà nền bình-trị muôn thủa. Cho nên các Lăng khác văn-vẻ mà thực là kém bề hùng-tráng vây. »

PHÊ-BÌNH BÀI DIỄN - THUYẾT TRÊN

HANOI. — 9 giờ hôm thứ bảy vừa rồi, sau khi ông Nguyễn-văn-Tổ hội-trưởng hội Trí-Tri đứng lên giới-thiệu diễn-giả với gần 1000 thính-giả đến nghe ông Nguyễn-xuân-Nghị đem hết cái mắt thấy một cách tường tận về các Lăng-tầm của Nhà Vua tại Huế, nói ra khiến người ngồi nghe như trông thấy trước mắt những cái đẹp, cái hùng-vĩ của những di-tích bất-tử của trời Nam.

Ra về mọi người đều lấy làm vừa ý về câu truyện của ông Nguyễn-xuân-Nghị.

Ngọ-Báo

A la société d'Enseignement Mutuel de Hanoi :

Les membres de la Société d'Enseignement Mutuel, réunis en très grand nombre dans la grande salle de la société, ont entendu, samedi dernier, une conférence des plus intéressantes et fort originales, faite sur les tombeaux royaux de Huê, par un de nos distingués architectes M. Nguyễn-xuân-Nghi attaché au Ministère des Travaux du Gouvernement Annamite.

Cette instructive leçon d'architecture fait honneur à l'association et à son auteur dont la culture est vaste et qui avait bien le droit, à son tour, de se livrer à un examen des conditions d'édification des sépultures royales et de l'avenir probable de l'architecture annamite.

Une vingtaine de magnifiques projections, agréablement commentées par l'orateur, a montré le pittoresque du pays. Elles furent mises à la disposition de la société par l'Ecole française d'Extrême-Orient. C'est donc un grand succès qu'a obtenu cette brillante conférence archéologique et historique chaleureusement applaudie.

UNE CONFÉRENCE SUR LES TOMBEAUX ROYAUX DE HUÉ

SAMEDI dernier, M. Nguyêñ-xuân-Nghi, architecte indochinois attaché au Ministère des Travaux Publics du Gouvernement Annamite a donné au local de la société d'Enseignement Mutuel de Hanoi une conférence en annamite fort intéressante sur les tombeaux royaux de Hué.

Ce fut une instructive et vivante leçon d'architecture, d'histoire et d'archéologie, qui intéressa vivement le fidèle et nombreux auditoire de la S. E. M. tant par la compétence et l'élocution facile du conférencier que par l'attrait du sujet traité. D'autant plus que la conférence fut illustrée de très belles projections que l'Ecole française d'Extrême-Orient avait eu l'obligeance de mettre à la disposition de la Société.

La conférence de M. Nghi obtint un joli succès. Nous l'en félicitons de tout cœur il est toujours bon de faire connaître et comprendre les beautés et l'âme de la Ville Impériale au public tonkinois.

10 Octobre. Từ-lâm Nguyẽn-xuân--Nghi
 Các lăng tẩm của nhà vua ở Hué (Les sépultures impériales à Hué) — Sur le point de parler de cette conférence, nous nous sentons pris d'un scrupule ; il faudrait pour le faire convenablement, être critique ou historien de l'art, et c'est ce que nous ne sommes nullement et d'autre part, l'architecture annamite est à tel point mêlée à la vie, imbue des idées religieuses, modelée par les habitudes et l'état social que nous ne dirons pas pour la pénétrer. mais seulement pour s'arrêter avec fruit devant ses œuvres et les goûter avec intelligence, il faut sans doute connaître un peu l'architecture chinoise, avoir visité les sépultures impériales de la Chine, ne pas être étranger à sa littérature religieuse et aux rites sino-annamites. Tel est l'état actuel des études d'art et d'archéologie pour le pays d'Annam, champ ouvert trop récemment mal délimité, à peine défriché partiellement, que nous devrions être à la fois historiens ou philologues, philosophes et grammairiens artistes, archéologues et bien d'autres choses encore, pour nous faire un plan en raccourci de l'ensemble des civilisations écloses en terre d'Annam, vastes aperçus, mais perspectives

un peu décourageantes.

Dans une conférence comme celle-ci les projections son la partie principale, toutes les analyses critiques avec toutes les épitètes laudatives ne remplaçant jamais la simple impression visuelle. Or ici, les clichés touchent à la perfection. Le texte, lui, est un modèle de précision et de sobriété. Toute hypothèque, toute légende est écartée au profit de la seule vérité. On acquiert au cours de cette leçon d'archéologie et d'histoire religieuse une confiance absolue dans le savoir, la méthode, la netteté de l'esprit de M. Nguyễn-xuân-Nghi. Il indique notamment quel soin de la beauté les empereurs d'Annam apportèrent jusque dans le travail de simples pièces de bois avec bons sens et quelles mesures ils admirerent à décorer les sépultures; le sculpteur et le laqueur, par quelles habiles précautions ils assurèrent l'harmonie de l'ensemble et pour ainsi dire la vie de l'édifice, par quelles incessantes retouches ils évitèrent la monotonie et parvinrent à « faire toujours nouveau un édifice toujours le même ». Sans nier la part qui revient à la Chine dans la genèse des arts annamites, nous ne croyons pas, comme le font beaucoup,

que depuis l'époque à laquelle les Nguyên transportèrent le siège de l'empire à Hué jusqu'à l'intervention française, toutes les fois que l'Annam voulait produire une œuvre qui ne fût pas d'une exécution grossière, il se trouvât dans la nécessité de recourir aux artistes chinois, soit mosaïstes et sculpteurs, soit architectes et constructeurs. Nous sommes persuadés, au contraire, que les ouvrages d'architecture doivent être attribués aux artistes nationaux. ceux de porcelaine ou de bronze, à savoir ceux d'un style nettement chinois, exécutés au temps de Minh-Mạng, à des articles chinois, réserve faite d'une part très modeste en faveur des artisans d'Annam ; quant aux sculptures sur pierre dont la force et le style ne font que rappeler les Chinois, elles sont l'œuvre d'artistes nationaux et en premier lieu d'artistes originaires du Tonkin ou du Nord-Annam. " On ne saurait soutenir, écrit M. Albert Maybon dans l'Art décoratif du 20 Avril 1912, que le peuple annamite a copié la civilisation voisine sans y ajouter de son fonds personnel. Peut être en conviendra-t-on, mais sans manquer d'ajouter que la médiocrité caractérisa ses diverses manifestations, si l'on veut. Nous demanderons cependant si cette

médiocrité n'était point le résultat de conditions sociales particulières. La tyrannie impériale, c'est un fait qui a lourdement pesé sur ce pays, paralysant toute initiative, étouffant tout talent, rendant impossible tout progrès. Pour vivre en paix en cet étrange royaume, il fallait être pauvre ou le paraître ; si une fortune était découverte, elle risquait fort d'être absorbée tôt ou tard, d'un coup ou lentement par le trône, servi par des mandarins vigilants. Il importait aussi de ne point se distinguer du vulgaire : si ces mêmes mandarins apprenaient qu'un homme était habile dans une profession, ils le faisaient conduire *manu militari* à la capitale, où on le condamnait à travailler pour l'empereur ; jamais payé, tout juste nourri, il vivait comme un galérien, jusqu'à la vieillesse entre les murs du palais. Ce n'est pas pour encourager les artisans ! Aussi l'on imagine que tous, tant qu'ils jouissaient de la liberté, ne devaient guère s'appliquer à leur ouvrage — s'ils ne le sabotaient pas volontairement afin d'éviter les travaux forcés et la détention perpétuelle'»

On a vu par le texte publié plus haut combien de choses M. NGUYỄN-XUÂN-NGHĨ a dites en peu de pages. Ajoutons que

l'abondance des informations, la clarté et la précision, ne font pas tout le mérite de sa conférence ; la forme en est agréable, discrètement pittoresque ; il n'y a pas à craindre qu'elle rebute « les lecteurs de bonne volonté ».

Nguyễn-văn-Tố

PHONG - THỔ HUẾ

T
S
B
d
v
M
b
P
n
c

PHONG - THỔ HUẾ

THƯA các ngài,

Sở dĩ tôi giám hầu chuyện các ngài về sự so-sánh thời-tiết, tiếng nói, phong-tục ở Huế với Hà-nội là vì tôi vốn sinh-trưởng ở đất Thăng-Long và đã vô nơi Đẽ-đô làm việc được bảy, tám năm.

Bảy, tám năm tuy là một thời-gian ngắn-ngủi, nhưng tôi đã từng thấy nhiều người ngoại-quốc tới ở xứ ta độ mười tháng hay một năm đã vội vàng cầm bút viết những bài khảo-cứu, những trương nghị-luận về phong-tục nước nhà ! Tuy vậy những điều tôi vừa phân-trần chỉ để khuyến-khích tôi và làm tôi phẫn-khởi, chứ thực ra tôi cần tha-thiết yêu-cầu các ngài, chỉ bảo cho những chỗ sai lầm.



Huế cách Hà-nội 680 cây số, nên thời-tiết
đã khác. Mùa đông rét ít, xin lấy một tỳ-du
có căn-cứ: Có năm về mùa đông tôi chỉ phải
mặc áo dạ (pardessus) có năm, sáu bận về
buổi tối mà không phải là tôi ít đi chơi đêm !

Còn mùa hè, ít nóng-nực. Nếu cả ngày mặt
trời chiếu gắt, thời chúng tôi chỉ chịu nóng
có buổi trưa, còn buổi tối, chúng tôi đã
được mát mẻ nếu chúng tôi xuống nằm dưới
đò, lênh đênh trên mặt nước sông Hương.
Nhiều đêm về khuya, giữa mùa hè, chúng
tôi nằm phơi sương ngoài mui, không chịu
nỗi vì gió lạnh, vì hơi nước, phải vào trong
khoang nằm cho yên giấc !

Sông Hương tức là nơi nghỉ mát của Huế
không những đêm khuya, gió mát, lại được
nước sông Hương trong và xanh (chữ không
đỏ như nước sông Nhị-hà) nên chỉ mỗi khi
mặt trăng chiếu xuống, thời mặt nước lăn
tăn, óng ánh những sợi chỉ bạc, nhìn không
chán mắt ! mà mỗi khi có trăng, thời sông
đều có tiếng ca trong trẻo hoặc tiếng hò
« mái dây » dịu-dàng ! Đối cảnh sinh tình,
khách phương xa tới đất Tràng-An, nhiều
vị đã ngây ngất, say-sưa, đắm-đuối nên có
câu :

*Thế gian chỉ đạo tam giang hiểm,
Bắt đạo Hương-giang dị nịch nhân !*

世間只道三江險
不道著江易溺人

Đại - khái nghĩa là :

« Thiên hạ chỉ nói phá Tam giang hiểm mà sao chẳng nói sông Hương dễ chết đuối người! » Vì phá Tam-giang tục truyền có sóng thần đã cuốn biết bao nhiêu mạng người, khi xưa thuyền bè đi qua phá Tam - giang đều lo sợ cho nên có câu :

*Thương em anh cũng muốn vó
Sợ truông nhà Hồ sợ phá tam giang.*

Truông là bãi cát lớn, truông nhà Hồ (ở Đồng Hới) là nơi trước kia lấp trộm, cướp ; còn phá Tam giang (ở Quảng trị) tuy có « sóng thần » nhưng từ ngày đức Minh Mạng phái ra tuyên sắc tận nơi. rồi lấy súng bắn xuống sông, tục truyền nước vẫn đỏ như máu, rồi tự nhiên « sóng thần » bớt dữ từ ngày ấy.

Nói trở lại sông Hương là « cảnh tiên » của Huế ! như vậy Huế chả hóa ra là một nơi về thời-tiết đáng để các ngài phê một chữ « tuyệt » hay sao ? Nhưng Tạo-hóa vẫn có tiếng là cơ - cầu, khe-khart, và có lẽ ich-kỷ thâm trầm, nên chữ « hoàn-toàn »

hình như không có ở cõi đất này vậy, cho nên Huế bị theo luật « thừa-trù », có một thời kỳ đáng ghét là « mùa mưa » ! Mùa mưa ở Huế không những là mưa suốt ngày, mà có khi mưa tầm tã luôn, ba, bốn ngày không ngớt ! những ngày ấy mây đen kéo kín vòm trời như phủ một bức « màn tang » tiêu - biều cho sự buồn thảm, rầu rĩ... Cả Huế chỉ muốn đóng cửa, cài then cho kỹ, không muốn tiếp khách du-lịch chút nào !

Mùa mưa bắt đầu ngay từ cuối tháng bảy nên có câu :

Tháng bảy nước nhảy lên bờ !

Tức là mưa to, nước tràn lên tận bờ : còn tháng chín tháng mười là chính mùa mưa. Trong tháng mười có một ngày, thường năm nào, cũng mưa, nên có câu :

*Ông tha mà bà chẳng tha
Làm cho cái lụt hăm-ba tháng mười !*

Vậy muốn tránh mùa mưa nên tới Huế, từ tháng giêng đến tháng sáu.

* * *

Trên tôi có nói : « mỗi khi sông Hương có trăng thời có tiếng ca trong-trẻo hoặc tiếng hò dịu-dàng... »

Nói đến ca, đến hò, xin nói tiếp đến ca Huế.

Hà-Nội có thú hát cô đầu, thời đất Thăng Kinh có thú ca Huế ! Xin miên nói đến những tay đàn sành-sỏi và những danh-ca, vì hai điều ấy đều thuộc về cá-nhân, theo lời chỉ-giáo của mấy vị đàn-anh, không nên đả động đến.

Hát cô-đầu thời bắc phản, miêu, hát nói, hay dùng nhất ; Ca Huế thời thông dụng nhất là Nam-Ai và Nam-bằng, « hay Nam-bình »

Thường thường người ta ca Nam-Ai xong thời bắt sang Nam-Bằng. Nên nhận rằng khi ca xong bài Nam-Ai người ta đàn câu hiệu đầu bài Nam-Bình ;

xàng xàng phan họ . . .

rồi bắt tiếp Nam - bằng, thời người ca bắt buộc phải ca tiếp sang Nam-bằng. Còn ca Nam-bằng muốn bắt sang Nam-ai thời người đàn bắt câu hiệu đầu của bài Nam-Ai ; *xê liu cống, xê liu xàng . . .* người ca cũng phải tuân theo ca tiếp ngay bài Nam-Ai.

Ca Huế cũng nhiều điều lầm, nhưng hiện nay người ta chỉ chú-trọng đến những điều sau này : Cỗ-bản, Lưu-thủy, Phú-lục, mười bản Tầu (cũng có người gọi là « thập cầm »).

Mười bản Tầu là những bài sau này ;

1.) Phẩm-tuyết, 2. Nguyên-tiêu, 3. Hồ-quảng,
4. Liên-hường, 5. Bình-nguyên, 6. Tây-mai,
7. Kim-tiễn, 8. Xuân-phong, 9. Long-hồ, 10.
Tầu-mã.

Ngoài ra còn có bài « Quả phụ », lý « Tường vi ». Hai bài này, điệu ca khó, nên những người ca lâu năm mới biết ca. Đại - khái như ở ngoài Bắc phải cô-dầu chính - tông hay ra đời đã lâu năm mới hát nỗi Tỳ bà và đọc nỗi thơ « Thiên-Thai »

Bài lý « Tường vi » cũng có người gọi là bài lý « Trăm huê » vì trong bài lý ấy, có kè rất nhiều thứ hoa ; Xin lục mấy câu đầu;

*Dãi giàu nắng xương, em tìm anh dãi giàu
nắng xương, Huê cam, huê quít, biết thương
huê nào ? Còn như huê mận, huê đào, huê lê,
huê lưu biết vào tay ai ?*

Còn bài « Quả-phụ », nhiều khi bảo họ hát, họ biết hát mà họ cũng từ chối, vì theo dị đoan, họ sợ vận vào mình ! Quả-phụ, nghe danh-từ ấy nó lạnh lùng nên nhiều người không muốn hát !

Ngoài Bắc ta cũng vậy, nhiều bài hát-nói cô đầu không muốn hát. Ví dụ như bài :

Sách có chữ « vô tình tiễn biệt »

Khách với tình xưa quen biết chí nhau ?

*Tôi hát chơi mà khách cũng nghe chơi
Thảm thiết chi mà hụt lệ tuôn rơi ?
Mai một đã ngược xuôi người mỗi xứ.*

Nhiều cô đầu cho là bài ấy « không có hậu » và « hay vận vào mình » nên không muốn hát !

Bài quả-phụ có nhiều câu hát rất thảm :

... Chim ơi chim còn có bạn... Thương, thương nhau, thương nhau thời sống, nguyện xin cho thấy nhau liền. Ói liêu ! Ói liêu sầu ai, thương ai mà dù, thương tình mà liêu. .

Soi gương loan bâng-khuâng nhớ bạn, lụy lụy dở hàng trăm hàng..

Còn những câu đờn hòa với điệu ca thường dùng đều là những cây nguyệt, nhị, tỳ và đàn tranh (đàn tranh tức là đàn thập lục)

Người ta thường không tiếp khách tại nhà như cô đầu Bắc, nên phải mời về nhà hoặc xuống đò.

Ngoài Bắc ta mỗi khi có tiệc mừng thăng thưởng, được huy-chương, phầm hàm hay tiên biệt bè bạn, thường mượn bài hát nói để mừng hoặc để tiễn đưa « một chén quan hè »; Trong Huế, cũng lấy điệu Nam-Ai,

Nam-BẮng tặng nhau. Ngoài Bắc ta nhiều người biết đánh trống cô đầu bao nhiêu thời trong Huế cũng có một số đồng như vậy, biết gầy đàn hoặc biết ca. Vì vậy ở Huế, đi đến đâu cũng thấy tiếng đàn thánh thót, hoặc tiếng ca khép nép hay bạo-dạn, hoặc tiếng hò giã gạo quê kịch, hoặc tiếng hò mái đầy ngàn-nga.

Hò giã gạo, hò mái đầy nguyên do là người giã gạo cũng như người chèo đò, hoặc vừa giã gạo, hoặc vừa chèo đò, vừa hát cho quên mệt cũng như những câu đẽ trợ-lục : « dô ta » và « hò khoan ». Nhưng sau vì lối hò được nhiều người hâm mộ, nên cũng có thi-nhân đặt ra câu hò, thành ra bây giờ nhiều danh-ca biết cả hò giã gạo và hò mái đầy.

Ta lại nghiệm thấy hoặc khi giã gạo, hoặc khi chèo đò phần nhiều có cả con trai, con gái, mà đã có con trai con gái thì tránh sao cho khỏi những tiếng lá loi chòng ghẹo cho nên « hò » cũng có khi như « hát trống quân » ở ngoài Bắc, bên nam bên nữ đối đáp lẫn nhau.

Ví dụ con trai hò :

*Biển rộng âm-thầm, thấy trời sầu mù mịt,
bốn bề sông vỗ, từ phía mây dăng, đó có*

thương đây nhở sợi xích-thẳng, nhứt tâm
như thiết-thạch, thiếp chớ có cợt gió trêu
trǎng mà chàng buồn.

Con gái hò đáp lại :

Thuyền chim đây nước, con cá lùug-dùng
lặn-lội, ngửng mặt trông trời, nhạn ngàn-ngo
sa, vì đâu thiếp có đắm nguyệt say ba, có ông
trời cao soi xét, anh chớ thiết-tha mà đau
lòng !

« Hò » đại-khai như vậy, và muôn cho
khỏi ra ngoài phạm-vi đầu-đề, tôi không nói
đến lối văn « hò » cùng cách đặt câu « hò »,
nhưng cũng xin kẽ thêm mấy câu « hò » nữa,
để các ngài thấy cách đặt văn trong câu « hò » :

Chiều, chiều trước bến Văn-Lâu, ai ngồi,
ai câu, ai său, ai thảm, ai thương, ai cảm,
ai nhớ, ai trông, thuyền ai thấp-thoáng bên
sông, đưa câu « mái đây », động lòng nước
non !

Lại câu khác :

Trời mưa trời gió vác áo ra dơm, chạy
vô ăn cơm, chạy ra mắt áo, kể từ ngày,
thương đó, đó ơi, đó không phân đi nói lại
một đói lời đây hay !

Lại câu nữa :

Buổi mai ăn một bụng cơm cho no, em

xuống bến đò mua chín cái trách, (1) em bắc
quách lên lò :

Một cái kho ngò,
Hai cái kho củ - cải,
Ba cái kho nải chuối xanh,
Bốn cái nấu canh rau má,
Năm cái nấu cá chim-chim,
Sáu cái kho rim thịt vịt,
Bảy cái nấu thịt con gà,
Tám cái kho cà thu-đủ,
Chín cái nấu củ mơn tây,
Em theo anh cho đến ngày nay, công bắt
thành danh bắt toại, thời chín cái trách
này cũng chẳng ra chi !

* * *

Huế cả đàn ông, đàn bà phần nhiều biết
đàn, biết ca, biết hò, nên Huế là chốn « ăn
chơi » ! Nhưng ăn chơi bằng cách kín-dáo,
không ồn-ào, cho nên những tiệm cao-lâu,
tiệm hút, nhà hát ở Huế rất hiếm. Vậy tiếng
« ăn chơi » ở đây phải chẳng có nghĩa là
thích nhàn, và thích đánh bạc ?

Không kể « đánh me, bài cầu, mà-chược »
quân bài có tinh-cách « Huế » là bài « tú-

(1) Cái trách là cái nồi đất rộng miệng.

sắc » đánh bốn người, đánh ba người thời gọi là « bài xịp ». Bài « tú-sắc » cũng có tướng, sĩ, tượng, xe, pháo, mã... như bài tam - cúc, nhưng mỗi thứ có 16 con, ví dụ « tướng » thời có 4 tướng đỏ, 4 tướng xanh, 4 tướng trắng, 4 tướng vàng. Còn đánh thời không phát quân như tam-cúc, lại ăn, và bốc « nọc » như tò - tóm. Ăn thời ăn như xe pháo mã, tướng sĩ tượng, hay phông... Lúc được thời tính « lên » tức là tính « điềm »... Nhũng người đánh tú sắc to, ăn thua trên bạc trăm.

Ở Huế gần Tết và ra giêng, người ta hay đồ xam-hường hoặc « tam-hường ». Cách đánh này rất phong nhã. Người ta dùng 6 con « xúc-xắc » ; (1) mỗi người một lượt deo vào trong một cái bát sứ. Hết deo được nhiều mặt « tú » thì được nhiều điềm. Ví dụ deo được 4 mặt tú (Tứ hường) thì được 32 điềm ; người ta sẽ đưa cho mình giữ một thẻ có đề « Trạng-nguyên ». Nếu deo được ba tú (Tam-hường) thời được giữ thẻ « Hội-nghuyên » (8 điềm)... Nhũng thẻ ấy có khi làm bằng ngà, bằng sừng hay bằng tre, bằng gỗ sơn. Tất cả có 36 thẻ,

(1) Ở Huế gọi là hạt « tào-cáo ».

khi nào chia hết thẻ thời hết một « hội » Ai nhiều thẻ thời được, ai ít thẻ phải tính và chung tiền cho nhà được nhiều thẻ.

Nếu các ngài đã thấy một hoa-khôi ở Huế, với hai tay trắng nuột, cổ tay tròn trĩnh, ngón tay búp măng, lại thêm nhũng móng chuốt nhọn và đều đặn, mềm mại trong lúc deo quanh súc-sắc động vào thành chiếc bát sứ cổ, vang tiếng kêu ròn, chen thêm tiếng dịu-dàng của mỹ-nhân, tươi tinh hò nhũng tiếng ; Phân song, hạ-mã, thượng-mã (1) .. thời các ngài sẽ thấy nhũng vẻ tao - nhã, lịch - sự, nên thơ trong lúc đồ xam-hường !

Cũng về mùa xuân, đầu năm, ở Huế thường có đánh bài chòi. Người ta dựng 11 cái chòi, năm chòi bên tả, năm chòi bên hữu, ở giữa một chòi « trung-ương ». Người chạy bài chia mỗi chòi năm quân bài. Còn người ở chòi giữa, sáu quân. Ví dụ ; người ta chia cho tôi năm quân, một con cửu văn, một con nhất vạn, một con lục văn, một con tam sách, một con bát sách. Người phát quân, đánh con lục văn, thời tôi ra

(1). — Ba mặt nhất, ba mặt nhị chẳng hạn, là phân song ; hai nhất, hai nhị, hai tam là Thượng-mã ; Hai tứ, hai ngũ, hai lục là Hạ-mã.

hiệu có con ấy. Người chạy bài giao cho tôi con lục văn. Tôi phải phát một quân, ví dụ tam sách, nếu sau tôi ăn được quân cửu văn thời tôi chờ quân bát sách. Nếu ai đánh bát sách thời tôi được ván ấy.

Cách đánh rất dễ, nhưng quân bài vẽ hình khó nhớ, và họ gọi tên khác cả, ví dụ : con Xor là lục - vạn, con Trò là nhất vạn, ông Thầy là cửu - văn, con Voi là tú văn, Sáu tiền là lục vạn, con Gà là tam sách (1) v. v. Người chạy bài vừa phát quân vừa rao rất vui, nhiều khi họ rao như « hát vè » nhiều câu không có nghĩa như :

Đàn bà đi chợ, là vợ người ta...

(1) Nhất vạn (con Trò) ; Nhị văn (con đấu) ; tam vạn (con quắn) tú vạn (tú cắn) ; ngũ văn (ngũ trưa) ; lục vạn (con Xor) ; thất văn (con nhợn) ; bát văn (con bồng) ; cửu văn (ông thầy) ; Nhất văn (con gối) ; nhị văn (Tráng hai) ; tam văn (Tráng ba) ; tú văn (con voi) ; ngũ văn (con rún) ; lục văn (sáu tiền) ; thất văn (lá liễu) ; Bát văn (tám tiền) ; cửu văn (con Xe) ; ông lão ? (Thái tử), nhị sách (con nghèo), tam sách (con gà) ; tú sách (con gióng) ; ngũ sách (con dày) ; lục sách (sáu nút) ; thất sách (con sưa) ; bát sách (tám giây) ; cửu sách (đỏ mỏ). Ngoài ra còn có hai con nữa nhất sách (nọc đượong) và chi chi (bạch tuyết). Nhưng phần nhiều người ta bỏ không dùng hai quân bài ấy, vì hai quân ấy có nơi gọi bằng tiếng rất tục.

Này « con voi » !

Ngoài những cách đánh bạc kê trên, Huế cũng đánh tồ-tôm, tài-bàn, nhưng tài-bàn thịnh-hành hơn tồ-tôm, vì theo nhiều người nói, Huế trước chỉ đánh tài-bàn, sau người Bắc vào Huế đông, người Huế mới tập đánh tồ-tôm. Cho nên mười bàn tồ-tôm, thời hết chín bàn trong có một, hai người Bắc !

Nếu các ngài cho rằng đánh tứ-sắc, tài-bàn đẽ tiêu-khiền, tôi xin nói đến cách tiêu - khiền thanh-nhã, qui-phái là đánh « đầu hồ », tức là dùng những thẻ bằng gỗ ném lên trên một miếng gỗ dày, thẻ ấy tung lên, rồi lộn đầu chui vào một cái bầu bằng gỗ thủng đáy, dưới có kê một cái trống. Khi thẻ rơi xuống chạm vào mặt trống thời những tiếng trống nồi lên, như vỗ tay khen người đánh thẻ ngầm trúng miệng bầu ! Đánh « đầu hồ » ngoài Bắc khi xưa, các cụ cũng có chơi, nhưng ngày nay cách chơi ấy có lẽ đã mai-một đi rồi. Ở Huế hiện nay, những nơi sang trọng và nhất là ở các phủ ông Hoàng bà Chúa vẫn còn được chuộng.

Tiếp đoạn này, tôi xin nói đến một cách tiêu-khiền thanh-nhã, mà phần nhiều người Hoàng-phái ưa lắm : « cách đánh thuốc cá. »

Bỏ chiếc « đầu hồ » kê trong một cảng

nàng tráng-lệ, mè (người Hoàng phái) ra đó vời một người bạn để đánh cờ ; Ngồi đánh cờ trong một chiếc đò rộng-rãi, trên giải nước Sông Hương, Mè vừa đánh cờ vừa sai người nhà thả những con tôm « mồi » xuống nước. Chỉ năm, mười phút sau, những con cá hanh bằng bàn tay, ăn phải « tôm mồi » bị trúng độc, phơi mình trên mặt nước, chịu đòn cho người nhà của Mè, vớt lên để làm thịt dâng Mè nhấm rượu !

Nếu hỏi Mè, cách thuốc cá thế nào, Mè sẽ không tiếc mà cho ta hay :

Cứ mười hạt mác, thời nghiên ra với ba hạt tiêu, rồi đem cân để bỏ thêm muối. Cứ ba phần « mác, tiêu » thời một phần muối.

Xong cả ba thứ quết với cơm, rồi viên từng viên to hơn hạt ngô một chút. Bắt tôm tươi to bằng độ hai đốt ngón tay, rạch bụng, nhồi viên thuốc vào. Ra sông cứ vứt độ hai mươi con « tôm mồi », chỉ mười phút sau, cá hanh ăn phải, say thuốc nồi ngay lên mặt nước.

Các ngài nghe câu chuyện vừa đánh cờ vừa « thuốc cá », một cách tiêu-khiền thanh-nhã, yên lặng, một lối tiêu-khiền của các « ông Hoàng » đời xưa để lại, chắc có ngài tưởng rằng các Vua, chúa đời xưa chỉ ưa

tiêu-khiền như uống rượu, ngâm thơ hoặc xem hoa nở, hoặc chờ trăng lên: những cách tiêu-khiền thanh-nhã nên thơ. Nhưng không phải, vì tùy theo tâm-tinh mỗi vị. Tôi muốn nói rằng đời xưa, cũng có vị thích tiêu-khiền bằng những cuộc mua vui rất ồn-ào như cho hai con thú-vật thi võ, để nghe những tiếng gầm, thét, để trông thấy những giòng máu đỏ của hai thú-vật so-sát lân nhau như cuộc:

Voi cho thi võ với hổ. Sở dĩ tôi nhắc đến chuyện này vì hiện nay, tuy ở Huế không còn những cuộc vui như thế nữa, nhưng di-tích chỗ diễn những trò ấy vẫn còn, tức là « Hổ-Quyền » ở làng Nguyệt-biền, cách xa ga Huế không đầy một chục cây số.

Nếu các ngài cho rằng, kè truyện voi đấu súc với hổ, không ra ngoài đầu-dề câu truyện hôm nay, thời xin kè dưới đây:

Hổ-Quyền có một sân rộng, hình tròn đường kính-tâm hơn 30 thước tây. Xung quanh có tường dày xây cao đến bảy thước tây. Bên trên trống thiên, phía trước có một cửa chính, phía sau năm cửa. Ba cửa giữa thông với ba chuồng cọp hai cửa bên thông với hai chuồng voi. Phía ngoài có hai thang lên trên chỗ người xem, rộng hai thước, bao quanh ở phía trên, có lan can ngăn và đê

làm chõ khán giả. vịn. Nhà vua tự Đại-nội ngự lên Hồ-quyền thường dùng đường thủy (1) đến hồ quyền ! Nhà vua bước lên thang, các triều thần theo sau. Chỗ nhà nhà vua ngự có bức cao, trần-thiết lịch-sử với bốn bức mành mành dù bốn bên.

Một tiếng, truyền xuống linh mở cửa đuôi cọp ra sân.

Một tiếng gầm cọp nhảy vọt ra giữa sân, nghe tiếng người xôn-xao ở trên bờ tường, ngược mắt lên nhìn gầm mấy tiếng, nhưng biết tường cao chẳng vọt lên được, đành quay lại nhìn phía sau, thời đã thấy quân lính vừa đuổi một con voi ra. Voi vươn vòi, chậm chạp mạnh mẽ bước ra thấy cọp nghỉ ngay đến sự chẳng lành ! hai giống có lẽ đối-ky nhau. Cọp gầm, voi ré, cọp nhảy lên bầu voi, voi dùng vòi gõ, lăn cọp xuống đất rồi định lấy chân xéo lên mình cọp và định lấy ngà xiên ! nhưng cọp nào có chịu thua, lánh sang bên rồi lại nhảy lên mình voi, dùng vuốt bầu, dùng nanh cắn xé.

Voi quặt vòi ra sau định gõ nhưng không

1) Hiện nay gần bến đò ấy có họp chợ. Từ thuyền từ bến « cầu Tràng-tiền » « đến bến chợ Hồ quyền » mất gần 2 tiếng đồng hồ. Từ chợ đi bộ vào Hồ-quyền chỉ mất 5 phút

được liền đeo cọp chạy lại sát tường, định ép cọp vào tường ! Cọp không ngờ, đang mải cào cẩu, cắn xé, thời bị xát mình vào tường, vừa đau, vừa giận ! gầm đi, gầm lại lì từng trên tiếng cười nói xôn-xao ồn-ào vui vẻ... Dưới sân cọp gỗ mãi mới lăn được mình xuống đất, thời đã bị ngay bốn cái chân lớn tướng như bốn cái cột nhà bao quanh, cọp lúng túng gỗ mãi không ra khỏi vòng vây. Còn voi chỉ chăm chăm xéo lên cọp, nhưng xéo được lên một giỗng anh hùng nhất-thống nơi rừng xanh cũng không phải là dễ !

— Chuyện voi đấu với cọp mỗi người kể một khác, nhiều đoạn lại khó tin nữa Theo nhiều người nói thời ở nơi rừng rú nếu voi đấu với cọp thời phần nhiều cọp được, nhưng tại hồ - quyền thời khác vì voi được biệt dại hơn, nên trước khi đấu, người ta cắt vuốt hồ cho bót nhọn, hay rữa nanh cho đỡ sắc. Cọp mà sứt nanh cùn vuốt làm gì mà chả chịu ép mình dưới bàn chân sắt của voi !

Thưa các ngài, những câu chuyện « tiêu khiển » ở Huế kê ra tôi hầu chuyện các ngài đã gần đủ ; giá còn những tiêu-khiên khác thời cũng tương-tự với

những cuộc tiêu-khiền ở Bắc nên xin miễn kẽ.
Vậy xin nói sang đoạn khác.

* * *

Ở ngoài Bắc các ngài đã nghe quen những họ như Lê Trần Vũ v.v... Đến Huế, các ngài nghe thấy những họ rất lạ tai như Hường, Bửu, Viễn Tráng v.v... mà lạ nữa là cha họ « Hường » con lại họ « Ưng »

Vậy tôi xin nói qua về Hoàng - Phái và Ngọc-Phồ, để các ngài thấy rằng Hường, Ưng, Bửu, Viễn, Tráng... đều là con cháu nhà Nguyễn cả.

Nguyễn Ngọc-Phồ nhà Nguyễn bắt đầu chép rõ ràng từ đức Nguyễn-Kim trở xuống ! Đức Nguyễn-Kim có hai con trai: Nguyễn-Uông và Nguyễn-Hoàng. Về chi hai ngài đều lấy hai chữ Tôn-thất làm họ cho mãi đến đức Gia-Long.

Về triều Minh-Mạng năm thứ tư, có Dụ ban cho các ngài Hoàng-tử triều Gia-Long mỗi đức ông Hoàng một bài thơ ngũ ngôn để đặt tên họ.

Đức Minh-Mạng cũng là con đức Gia-Long nên cũng có một bài thơ riêng :

Miên hường ưng bửu vĩnh
瑩 洪 廣 寶 永

Bảo qui định long trường

保 貴 定 隆 長

Hiền năng kham kế thuật

賢 能 堪 繼 述

Thế thoại quốc - gia xương.

世 瑞 國 嘉 昌

Vì vậy đức Minh-Mạng đặt tên con trai trưởng là Miên-Tôn (tức là đức Thiệu-Trị); kế đến đức Thiệu-Trị sinh ra ngài Hường-Nhậm (tức là đức Tự-Đức). Đức Tự-Đức không có con, nuôi cháu là Ưng-Biện (con ngài Hường Cư tức là đức Kiên-Thái-Vương).

Rồi đến đức Đồng-Khánh sinh ra Ngài Bửu-Hảo (tức là đức Khải-Định), Đức Khải-Định sinh ra ngài Vĩnh-Thụy (tức là đức Bảo-Đại). Đức Bảo-Đại sinh ra Hoàng-tử Bảo Long. Sau này con trai Hoàng-tử Bảo-Long sẽ lấy tên là Quý X. . . Cứ thế tiếp mao đến 20 đời thời mới tới chữ Xương là chữ thứ 20 của bài thơ ngũ-ngôn.

Ngoài đức Minh-Mạng, đức Gia-Long có chín người con trai nên cũng có 9 bài thơ ngũ - ngôn khác nhau. Vì vậy cho nên mời có những họ như :

Mỹ, Duệ, Tăng, Cường, Tráng. . . (về chi con trai trưởng đức Gia-Long); Lương Kiến, Ninh, Hòa, Thuật. . . (về chi con trai thứ 5

đức Gia-Long), Tịnh, Hoài, Chiêm, Viên, Ái (về chi con trai thứ 6 đức Gia-Long) v. v...

Còn con gái trong Hoàng-phái thời gọi khác, ví dụ con trai là Tôn-thất-Mô, con gái sẽ gọi là Tôn - Nữ-thị – Mô con gái cũng gọi là Tôn-nữ thi-mô, con trai là Cường mô, hay Tráng mô ;

Con trai là Hường mô nếu là con gái thời gọi công-nữ thi mô.

— id Ưng-mô — id — công-tôn nữ thi mô,
— id Bửu-mô — id — công-tăng-tôn nữ thi mô
— id Vĩnh-mô — id — Huyền tôn nữ thi mô.

Còn tiếng « Mệ » thời chỉ người hoàng-phái cả đàn ông lẫn đàn bà chứ không phải mệ chỉ là đàn bà, con gái, như nhiều người ngoài Bắc thường hiểu lầm.

* * *

Đến đây xin nói về những tiếng nói khác nhau của Huế và Hà Nội. Cho tiện việc so sánh xin kê phác theo loại : danh-từ, hình-dung-từ, động-từ, trạng-từ...

Nhưng dù sao, xin các ngài đè ý cho rằng không những nhiều tiếng ở Huế khác Hà Nội, mà cả cách đặt câu cũng có khi khác ! cho nên muốn nói cho « hết » tiếng Huế, không thể chỉ học những tiếng Huế khác Hà Nội. Đấy là chưa kể đến « giọng nói ».

Thí-dụ, ngoài Bắc ta nói : « ông nói thế tôi chả hiểu tí gì cả ! », Thời ở Huế lại nói khác hẳn đi : « Thầy nói rửa tôi có hiểu chi mô có nờ ! » Nếu các ngài cho phép nói tiếng Saigon, cũng để diễn-tả một ý-nghĩa ấy thời tôi sẽ nói : « Thầy nói dậy tôi không hiểu chi hết ! »

Ấy là không kể những câu nói khác hẳn, ví dụ như ở Bắc ta dọa trẻ con thường bảo : « Ngủ đi, không ông ngoáo ợp kia kia ! »

Ở Huế,нат trẻ, lại nói :

« Thét đi, kia ông Ba kẹ ! »

Do câu trên này, các ngài hãy ở Huế gọi « thét » là ngủ ; « ông ba kẹ » là ông ngoáo ợp ! Nếu tôi tách chữ « thét » ra thời tôi còn phân-trần được thêm nữa : Ở Huế, người nhơn thời gọi là ngủ, còn trẻ con thời gọi là « thét », cho nên có câu :

Du em cho thét cho muồi, Để mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu. Nhưng nếu chỉ một ông quan ngủ, thời lại nói : quan giấc, còn vua thời nói « Hoàng-Đế ngơi chưa tánh » (tức là : Vua ngủ chưa dậy.)

Trước khi nói đến từng chữ, tôi xin nhắc

(1). — Muồi nghĩa đen : Chín muồi là chín nục, nghĩa bóng là ngủ say.

thêm một câu mà trẻ con ngoài Bắc trước khi bóc một quả quít chẳng hạn thường dề lên miệng thòi rồi đọc một câu, như câu « thần chú » để cầu cho quả quít sẽ ngọt thêm :

Đà ha, đà hắng, cái đắng lên cây, cái ngọt xuống dây cho thày kiểm miếng. Ở Huế trong trường hợp tương-tự con nít lại đọc : « Hu hu, the the, đi dàng cay, đè dàng ngọt lại tôi ăn ! »

Theo những tở-đụ ấy, các ngài thấy, nhiều lời lẽ lại nói khác hẳn đi, cho nên muốn học nói tiếng Huế, phải ở Huế lâu năm mới học được, Huế « kêu » cái vịm, ngoài ta gọi là cái phặng cơm.

*Huế**Hanoi*

Cái vá xới cơm

là cái chai xới cơm,

Cái ve

là cái chai

Cái ly

cái cốc

Cá gáy

cá chép

Cá leo

cá nheo

Cá trầu

cá sộp

Con chùn

con run

Nước lèo

nước chấm

Một lát cá

ruột khúc cá

Con chí

con chấy

Huế

Chuối ba-lùn
 Trái thủ-đủ
 Trái thơm
 Trái mạng cầu
 Trái đào
 Trái đào lông
 Bánh mì
 Bánh thuẫn
 Bánh té t
 Bánh tráng
 Bánh nhị thịt
 Trái cật heo
 Thợ cúp
 Áo cụt
 Cái mùng
 Buồi mai
 Mắt
 Khi hôm
 Hôm qua
 Cây viết chì
 Giấy dộm
 Cửa lá sách
 Cửa gương
 Gương đeo mắt
 Bức sáo
 Ống sáo

Hanoi

chuối tiêu
 quả đu-đủ
 quả dứa
 quả na
 quả doi
 quả đào
 bánh tây
 bánh bàng
 bánh trưng
 bánh đa
 bánh nhân thịt
 bầu dục lợn
 thợ cao
 áo cộc, áo cánh
 cái màn
 buổi sáng
 ngày kia
 hôm qua
 hôm kia
 cái bút chì
 giấy thấm
 cửa chớp
 sửa kính
 kính trắng hay kính
 đậm
 cái mành màn
 cái sáo thổi

Huế

Huýt gió
Vút gạo
Thắp thuốc lá
Xuy kền
Méc
Nhầm
Nỗi sung
Ngày ky
Đè chẽ
Ngồi nề

Ngủ gục
Nằm chộ, nằm thấy
Nằm nơi
Đi khỏi
Xuốt nhà
Xều giấy
Ăn chùng
Cùi cây
Bán mai xưa
Đi một chắt
Người sự thê
Cợ
Cái ni

Hanoi

thổi còi bằng miệng
vó gạo
châm thuốc lá
mạ kền
mách
đúng
nỗi nóng
ngày giỗ
đè trở
ngồi không, ngồi
dưng
ngủ gật
nằm mê (mơ)
ở cũ
đi vắng
quét nhà
nhé giấy
ăn vụng
triết cây
bán mõ hàng
đi một mình
người lịch sự
độ
cái này

Cái tê	cái kia
Ở lồ	trần truồng
Bề	võ
Dùi	chùng, không thăng
Một chữ	một đồng bạc
Một giác	một hào
Giác éc	hào một
Giác đôi	đồng ván hai hào v.v.

.... Nói đến *giác* và *chữ*, ta nên biết rằng đồng trinh Khải-Định ở Huế không tiêu, lại tiêu những đồng chinh xưa Gia-Long, Minh Mạnh, Thiệu-Trị, Tự-Đức, Thành - Thái. Những đồng trinh xưa ấy chia ra làm 3 hạng : Đồng ăn mười, đồng ăn sáu, đồng ăn ba-tức là một đồng ăn mười thời ăn mười đồng kẽm, cũng như đồng ăn sáu. Đồng ăn ba thời ăn 6 đồng hay 3 đồng kẽm. Vậy hai chữ ăn ba (có nơi gọi là chữ ăn ngang) thời bằng một chữ ăn sáu.

Chữ ăn mười bằng năm chữ ăn sáu và cứ tính một xu thời ăn bảy chữ ăn sáu. Còn tiền kẽm thời cũng như ở các nơi, không còn nữa.

Còn nhiều tiếng ngoài ta nghe đều hiểu cả nhưng cách dùng tiếng lại khác, như ở Huế nói : «tôi biết lội» ngoài ta nói «tôi biết bơi» ... và nhiều tiếng nghe lạ tai :

Nó bỏ một cái đui, tức là : Nó ngã một

cái đến huých ! Một ổ bánh mì (một cái bánh tay ; Trái mạng cầu ni còn sỗng quả na này còn xanh) ; Ngoài ta chỉ nói cơm sỗng, cơm sương, chứ không nói quả «sỗng» được.

Tiện đây, xin nói đến mấy câu cách - ngôn mà có lẽ người Huế nói đúng hơn, rồi chuyền khẩu ra ngoài Bắc thành sai hẳn nghĩa đi. Như câu : «râu ông nọ cắm cắm bà kia» ngoài Bắc ta thường nói, phải chăng là đọc làm câu : *Bắc râu cha nọ, đặt tầm mẹ kia* — (đặt tầm là hoa tai). Lại câu « thấy chồng hiền, sỏ chân lõ mũi ». Trong Huế có câu : « thấy hùm hiền sỏ chưng (chân) vô cùi » nghĩa là thấy hùm hiền lành, sỏ chân vào cùi không sợ bị cắn !)

Lại câu thường nói : Kè chuyện con gà, con kê. Trong Huế thời nói : Kè chuyện con cà, con kê vì về mùa xuân ở Huế ngoài chợ thường bán những cây cà, những cây kê con, tức là những cây « giống » mua về để trồng và gọi là con cà con kê. Vì vậy mới kè chuyện « con cà, con kê » đúng nghĩa hơn là « con gà, con kê » vì nói con gà, con kê như là nói một tiếng nôm, theo một tiếng chữ (« kê » đã là gà) thời thửa.

Còn nhiều tiếng nhiều câu khác nữa, hoặc tôi quên chưa hầu chuyện cùng các ngài,

hoặc tôi chưa « học lỏm » được », nên xin phép nói sang đoạn khác.

Dưới đây tôi chỉ xin nói vắn tắt một vài điều « hơi khác » mà tôi nghiệm thấy, trong đám hiếu, bỉ ở Huế như trong một đám tang thời không bao giờ thấy nhà tang băng giấy. Người ta chỉ chụp lên trên quan-tài một cái nhà tang băng gỗ người thường thì thuê, còn những đám quốc tang, thời đã có bộ Lê sắm sẵn.

Tưởng ngoài Bắc ta cũng nên bắt chước để đỡ được những số tiền chi rất phi-phạm về việc đốt nhà tang giấy.

Còn trong đám cưới, tôi thường thấy cô dâu chít khăn xanh vành to (gần 20 nếp). Lúc đi đón dâu thời có thuê người mặc áo « mã tiên » (tương tự như áo phường tuồng) đi trước cầm đèn lồng, hai ngõng trắng, hai lá thiên tuế, rồi mới đến họ nhà trai, nhà gái. Có đám cưới thách lợn, thời lợn sống bỏ vào cùi sơn son cũng dẫn đi theo.

Nên có câu :

Đèn lồng heo cùi lê nghi

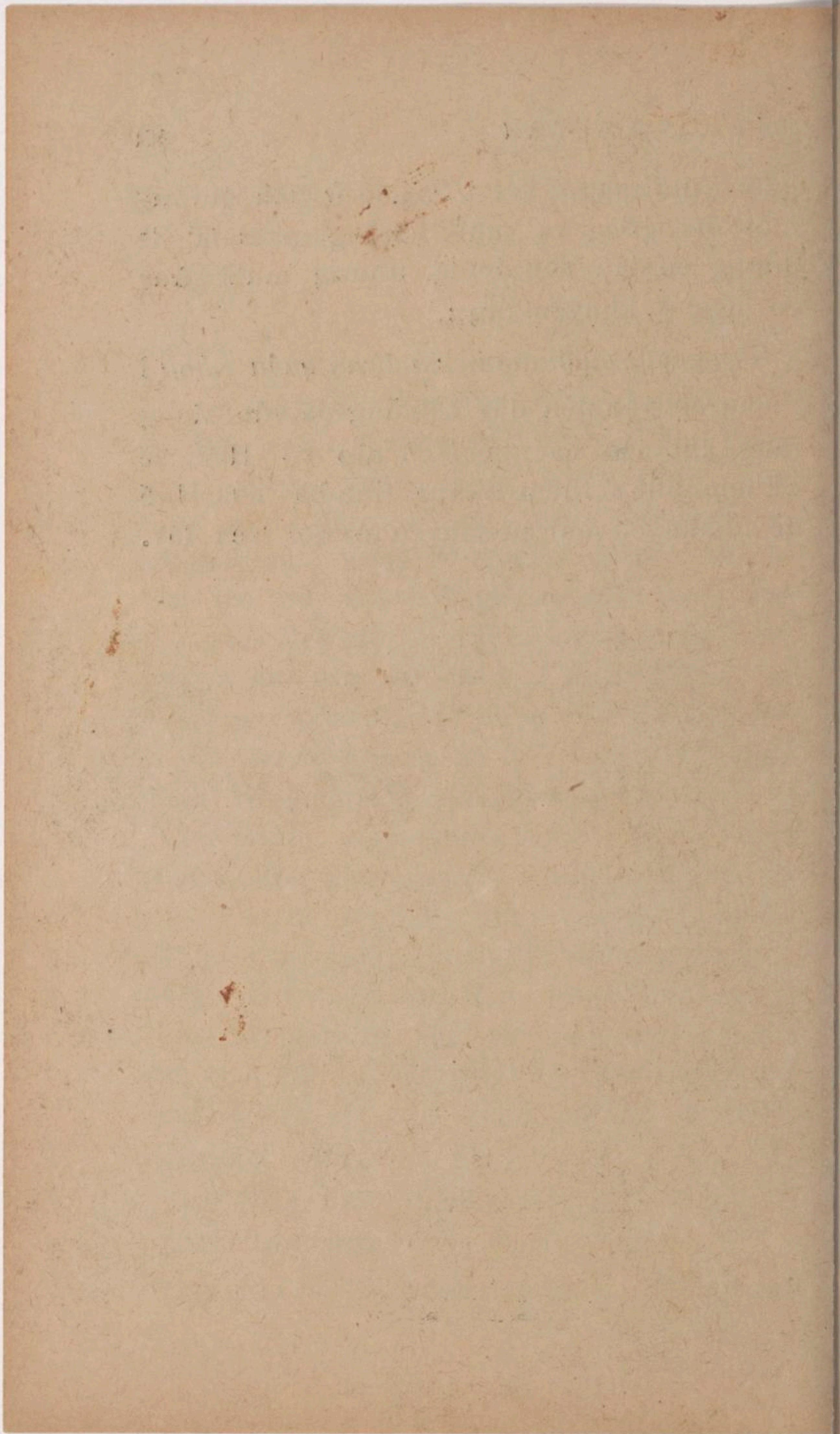
Trầu ăn rượu uống li-bì cho say.

Sau khi lê Tơ hồng cô dâu, chú dê vào

phòng thời người ta thường đẽ ở đầu giường
một đĩa gừng và muối không phải là đẽ
phòng cò dâu đau bụng, nhưng muối gừng
có nguy ý khuyên răn :

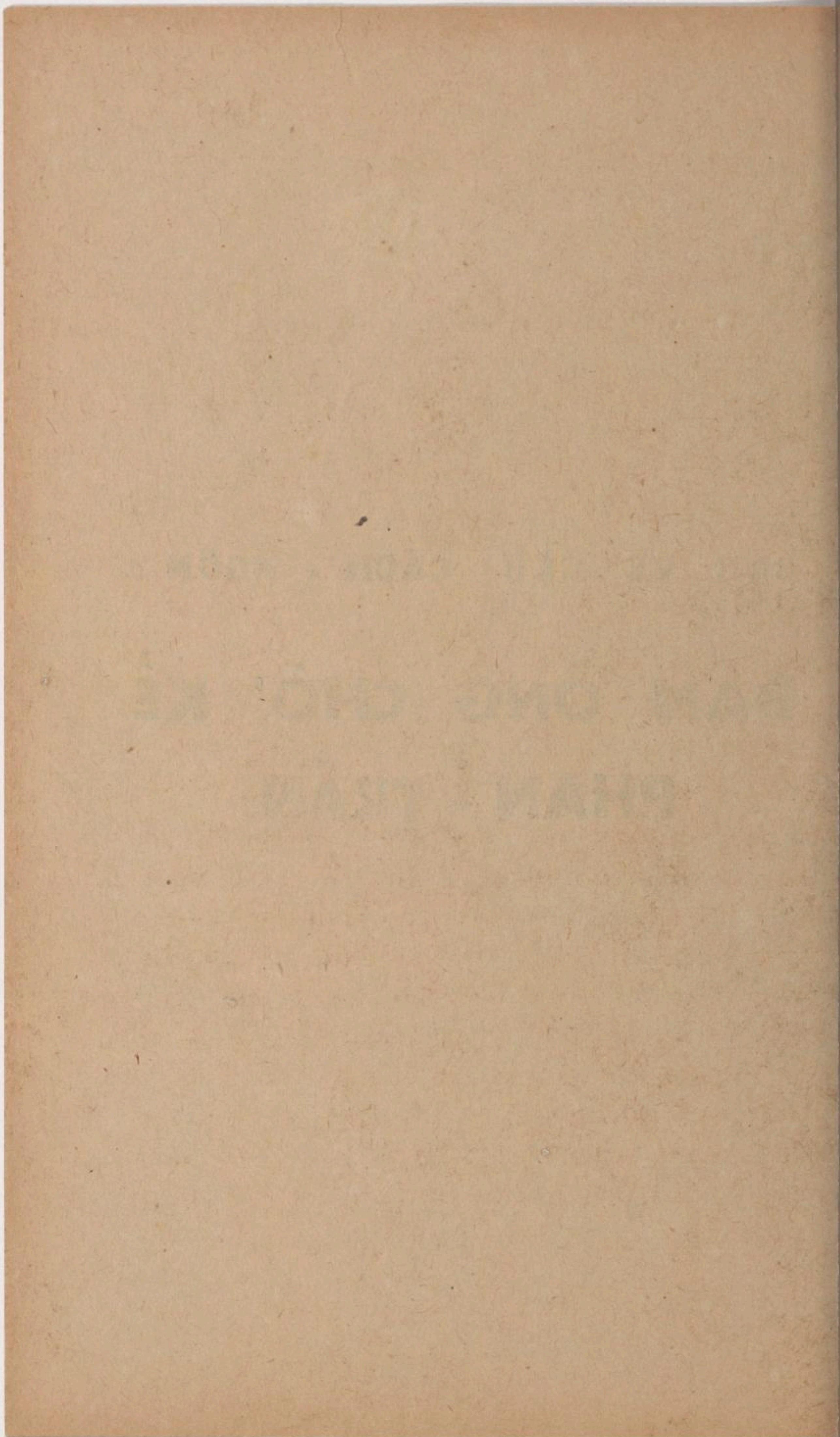
Gừng cay, muối mặn, xin đừng quên nhau !

Câu chuyện đến đây kè cũng đã vừa. Mong
rằng khi nào các ngài có dịp về Huế, sẽ
«khám phá» thêm những tinh-ba của Huế
để bồi-khuyết vào câu chuyện tôi nói trên đây.



BÀN VỀ CÂU CÁCH - NGÔN :

ĐÀN ÔNG CHÓ' KẾ
PHAN - TRẦN



BÀN VỀ CÂU CÁCH-NGÔN :

ĐÀN ÔNG CHÓ KẾ PHAN - TRẦN

(Bài diễn-thuyết ở hội Quảng-Tri Huế
ngày 26 Novembre 1941)

THƯA các bà,

Thưa các ngài,

Tôi đã lọt tai được câu cách-ngôn :

Đàn ông chó kè Phan-Trần

Đà bà chó kè Thúy-Vân, Thúy-Kiều.

từ hồi tôi mới đọc xuôi văn quốc-ngữ và
bập bẹ dăm ba tiếng Pháp, nghĩa là đang
hồi niên-thiếu, một trò bé ở lớp Sơ - đẳng.

Đã bao phen tôi mở ra gấp lại quyển
Phan-Trần, những muôn đọc kỹ - càng một
lượt đè an-ủi lòng thóc - mách tại sao đàn
ông không nên kè truyện Phan-Trần ?

Đã bao phen những âm - điệu « tại sao »
quay - cuồng trong óc non nớt, mà tôi vẫn
chưa chịu ngược trái cái mệnh - lệnh đâu đâu :

Chó kè truyện Phan-Trần.

Tiếp đến một ngày kia, tôi thấy người nhà cất biển quyền Phan-Trần đi đâu mất !

Ngày nay, hồi tưởng lại truyện cũ, tôi không thể không xuy-nghĩ, và lanh-dạm với kỷ-niệm quá-khứ ấy được.

Chợt một hôm, thờ-thần ngoài phố, tôi gặp một người đàn ông gánh hai bồ sách, đon đả hỏi tôi : ... Ông mua truyện xem ? »

Tôi hỏi bán những truyện gì, thời người bán sách đặt gánh xuống niềm-nở dở sách cho tôi xem, và kè một lượt những tên truyện xưa : Hoa-Tiên, Phạm-Công, Cúc-Hoa, Nữ-tú-tài, Kim-Vân-Kiều, Nhị-Độ-Mai, Phan-Trần...

Lẽ tất nhiên là hai chữ Phan-Trần làm tôi đề ý đến nhất. Lại được người bán sách vô tình mà thành hữu-ý, bảo tôi :

— Ông mua quyền Phan-Trần này giấy tốt và chữ in đậm.

Rụt rè, tôi trả lời :

— Nhưng đàn ông chó kè Phan-Trần kia mà !

Người bán sách đưa tay bỏ cặp kính trắng đeo trên mắt xuống, rồi như định thuyết-lý với tôi, nhưng sau chỉ nói :

— Người ta bảo thẽ, chứ vì tất truyện Phan - Trần đã là một cuốn sách không nên xem.

Câu trả lời mơ-hồ ấy khiến tôi muốn khám phá ngay xem truyện Phan-Trần có nên đọc hay không ?

Một hào bạc trao tay người bán sách, cuốn Phan-Trần đã thuộc về quyền sở hữu của tôi.

Nhân gấp lúc thư-thả mang ra đọc. Đọc cốt đề trả lời câu : Đàn ông có nên xem truyện Phan-Trần không ? Tại sao ?

Thiền nghĩ câu hỏi ấy có thể đem ra bàn ở giữa một buổi hội họp như hôm nay ; nên tôi đánh bạo lấy đấy làm then chốt câu chuyện hôm nay.

Vậy xin các ngài đề ý cho rằng câu chuyện hôm nay không phải là câu chuyện phê-bình văn-chương truyện Phan - Trần cùng khảo-cứu nguồn-gốc, căn-cứ tại đâu mới có truyện Phan-Trần, mà chỉ là một câu trả lời « dài giòng » của câu hỏi :

Đàn ông có nên đọc truyện Phan-Trần không ? Tại sao ? và đoạn sau tôi sẽ xin nói cả đến câu : « Đàn bà chờ kè Thúy-Vân Thúy-Kiều.

Muốn trả lời phán minh câu hỏi ấy, trước tiên, tôi xin mạn phép các ngài kè lại truyện Phan-trần tức là đọc lại những câu thi lục-bát có những âm-vận dịu-dàng, một áng thơ hay của nền văn-xua nước nhà.

*Thầy trong triều Tống Tỉnh Khang
Một chàng Hoà Quán, một chàng Đàm chư
Chàng quê ở Hoà-quận họ Phan, chàng
quê ở Đàm Chu họ Trần hai người từ lúc
niên thiếu là bạn bèn đèn sách đến khi đỗ
đạt lại :*

*Cùng làm phủ-doãn một tòa hiền-vinh
Và được dân gian đều kính phục tấm
lòng thanh cần, triều-dình đề ý đến lòng
trung nghĩa. Trời sanh cao thâm cũng thấu
tấm lòng nhân đức, nên hai gia-dình đều
đầy đủ hạnh phúc: hai bà họ Phan, họ
Trần đều một lượt thụ thai.*

*Trước khi cành đâm lộc, nụ nở hoa, họ
Phan ngỏ lời với họ Trần :*

*Hai ta đồng học một khoa
Đồng niên, đồng oán, đồng nhà, đồng thân
Nay muôn nỗi tình thân thiết hai họ
không gì bằng mai sau một bên sinh con
trai một bên sinh con gái thì ta sẽ lấy
sợi chỉ hồng mà se cho chúng thành một
cặp uyên-ương hẹn nhau từ khi chưa rạn
vỡ, vậy xin :*

*Tró thề trên thẳm dưới khơi
Cùng nhau chỉ dạ định nhời thông-gia
Tuy một lời cũng có thể tin nhau, nhưng*

sợ khi vật đổi sao dời nên mỗi bên trao đổi một vật nhỏ để làm tin :

Họ Phan thì quạt họ Trần thì irâm

Có lẽ nhời ước hẹn thấu đến cửu trùng
nên năm sau Phan-phu-Nhân :

sinh ra Nam-tử tốt lành

Hai vai chỉnh chém ba đinh nở nang

Và đặt tên là Phan-tất-Chánh ; còn Trần-
phu-nhân hé theo động đào :

Một nàng tiên-nữ xinh sao

Mày ngang bán nguyệt miêng cười trăm hoa

Trần-công đặt tên là Trần-kiều-Liên.

* * *

Lần lần hè lại thu qua

Phan-công và Trần-công đến tuổi về trí-sư
bấy giờ hai người mới phải :

chia tay nam bắc băng ngàn

Còn lời xưa nhắc lại rằng :

Tơ hồng lá thăm là hơn

Giầu bao giờ gặp cũng nên bấy giờ

Ông bà họ Phan về quê khuyên con chăm
học sớm nhuần kinh sử tối bàn văn-chương :
còn họ Trần thời :

Dạy con canh cẩn việc thường nữ-công

Và rèn cập cho Kiều Liên được :

Gồm hay thi lê, lầu thông cầm kỳ

Ngày tháng thoi đưa, trai tài tới buổi lập công-danh ; gái sắc cũng đèn thời xuất - giá Phan - Sinh nghe lời cha dạy lên đường đi thi vắng-vắng bên tai những lời giáo-huấn nào :

Chớ tham túu sắc chơi bời

Lụy mình mà lại thế cười người chê

Trên mình ngựa dong cương, ba tuần trăng thời vừa tới kinh-kỳ để dự thi.

Phun châu nhả ngọc đưa tài

Phan-Sinh đậu giải - nguyên, nhưng « mời hay thi phận, học tài, » kỳ khôi - nguyên lại hỏng. Chàng hồ - hẹn không dám về nhà nhìn thấy cha mẹ và nhất là ý-trung - nhân, nên lập chí nấp-ná ở Kinh-Đô để đợi kỳ - thi sau, nghĩa là ba năm nữa :

Chẳng bằng ta lập chí ta

Ba thu thảm-thoắt có là bao lâu.

vả lại :

Chim còn đón gió, rồng hầu đợi mưa.

Chàng dành quyết chí tìm một nơi vắng vẻ để tiện việc sách đèn :

Cho nên lẩn-thẩn quê người,

Tìm nhà thanh vắng tiện nơi tập - tành.

Một đèn, một sách, một mình.

Bướm ong khuất néo yến anh khuất đường.

Còn ở nơi quê hương Kiều - Liên, thời Trần-Công lâm-bệnh, rồi cưỡi hạc qui-tiên.

Thế là gia-dinh trở nên hiu-quạnh : mẹ góa con côi. Nhưng sự tai-biến đến thế chưa ngừng vì bỗng dung vùng ấy có giặc. Nàng Kiều - Liên phải bỏ nhà dắt mẹ đi lánh nạn.

Nhưng trời thật quá tệ ! Một đêm dưới ánh trăng bạc, mẹ con vừa dắt nhau qua một quãng hàn-sơn thời lại nghe tiếng trống giục chiêng hồi, náo - động cả một khu rừng, mẹ con sợ hãi thành mỗi người lạc một nơi :

Con tìm mẹ, mẹ tìm con.

Cỏ cây man-máy, nước non lạnh lùng.

Nàng Kiều-Liên đang khi :

Một mình trong rậm rừng xanh.

thời gặp một người đàn-bà họ Trương ở Kim-Lăng đến, hỏi rõ sự tình rồi khuyên nàng nên đến một ngôi chùa ở đầu Kim-Lăng mà xin nương-náu tạm-thời. Nàng bất đắc-dĩ phải theo lời. Từ đấy Kiều-Liên đổi tên là Diệu-Thường, và qui y đầu phật, sống trong cảnh nâu xõng :

Khêu đèn hạnh, thấp hương màu.

Chắp tay lạy phật, khẩu-đầu qui-su.

Tuy vậy cái tuổi xuân-xanh mơn-mởn,
không phải là cái tuổi gửi thân nơi cửa Phật.
nên trái tim vàng thường thồn-thức nhớ
người yêu! Những lúc dõi ngọn đèn canh-
khuya, nàng dở quạt của Phan-Sinh đã
tặng nàng làm kỷ-niệm ra ngắm nghĩa, bên
lòng dẹp làm sao được những nỗi thồn-
thức, bồn-chồn :

Quạt này ai để cho nhau.

Phong phong mở mở tả sầu làm khuây.

Ngôi chùa Diệu-Thường qui-y đầu Phật ở
vào một nơi thanh-vắng đầy vẻ đẹp thiên-nhiên:

Đàn thông phách suối vang lừng

Cá khe lồng kê, chim rì rì nghe kinh

Nên thiện-nam, tín-nữ đòi phen cũng lui
tới lê Phật cầu phúc.

Một hôm trời xui khiến chàng Phan-tất-
Chánh nhẹ gót lảng-du tới thăm cảnh chùa :

Thời chàng :

Mời hay sơn thủy hữu tình.

Cỏ hoa đón khách, yến anh đưa người.

Chập chùng quán thấp lầu cao

Hương nghi ngút tỏa, hoa ngào ngạt bay

Chuông đèn, mõ duỗi, khánh lay

Thông già điêm trống, trúc gầy khua sênh
và tình cờ lại gặp sư cũ chùa ấy là cô chàng.

Cô cháu lâu ngày mới thấy mặt, coi bề
quyến-luyến. Phan-Sinh kè nỗi mình tủi-

phận vì thi hỏng. Cô chàng an-ủi và khuyên nên ở lại đấy mà học-hành vì cảnh chùa là một nơi tịch mịch.

Phan-sinh nhận lời vì lúc mới đến đã thoáng thấy Kiều-Liên, nhưng không nhận được mặt, lại tưởng là một «cô-tiều» nào xinh-xắn vì Kiều-Liên đã đổi tên là Diệu-Thường.

Ở lại chùa Phan-sinh thường nhìn thấy nét mặt diễm-lệ của Diệu-Thường, nên lửa lòng tư dâu bỗng khiến chàng như nung bởi những miếng than hồng. Chàng mới dò la hỏi vãi Hương-Công, thời vãi cũng thật thà kẽ cho chàng nghe : Vì nàng bị lỡ bước nên phải qui y đầu-phật, nhưng hiện nay :

Khách đà vì đạo từ-bi

Nhin làm chi, hỏi làm chi hỡi chàng !

Nghe câu trả lời ấy chàng tự thẹn vì đã xô-xàng. Khi vãi Hương-Công đi khỏi, một mình Phan-Sinh.

Thôi thấp thỏng lại mơ màng

Và những ước ao :

Biết ai mà được nỉ non

trong những đêm trường với chị Hằng lơ lửng trên nền trời êm ái.

Một hôm may sao, Phan-Sinh nhác thấy nàng đang :

*Thân thơ trước đây hành lang
Vinh cảnh biếc hái hoa vàng làm thịnh*

Phan-Sinh vội vàng đến gần ướm hỏi mấy lời lá lợi. Nhưng Diệu-Thường làm thịnh quay gót sen trở về phòng riêng.

Phan-Sinh hổ thẹn bẽ-lẽn đành trở về thư-phòng tự an ủi bằng câu :

*Còn trời, còn nước, còn non
Còn giăng, còn gió hãy còn đó đây*

Rồi chàng tìm vãi Hương-Công than thở dài xin giúp cho, và có lần quên cả mình là đãng tu-mi-nam-tử cũng sụt - sùi khóc như một đứa con nít :

Hai hàng lã chã nhường mưa

Bà vãi Hương-Công cảm động và nè lời nên phải sang bên tinh-đường ướm hỏi Trần-nương nhưng nàng không chịu :

*Kiếp tu đã nguyện bồ-dề
Lòng son bảy mươi, tóc thề mười phương
Một đèn, một sách, một hương
Giám còn để mỗi tờ vương bên lòng*

Vãi Hương-Công bẽ-bàng lại đến phòng riêng của Phan-Sinh nói cho chàng hay là nàng nhất-định không nghe :

*Khăng khăng khóa ngọc then vàng chẳng long
Nhưng Phan-Sinh lại là một anh chàng*

sí-tinh có lòng quả quyết, bền trí, nên chàng hết sức năn-nỉ vãi Hương Công bắn tin lần nữa, và chỉ xin nàng :

. ra trước cửa chùa
Mà nghe khách niệm nam-mô một lời

Vãi Hương-Công cả nè lại sang nói với Trần-nương. Nàng than rằng :

Ai ngờ quả kiếp suối nén
Một thân thiếu nữ triuân-truyền mấy lần

Xong nàng lại quả-quyết bỏ chùa trốn đi nơi khác :

Âu là chịu bạc cùng thày
Liệu đường mà đã cảnh này cho xong

Vãi Hương Công thấy vậy, sợ hãi can rằng
Chót đà môi miệng, dãy xin kín lòng,
Miễn nàng tiết sạch giá trong,
Vàng không hẹn lứ'a, sen không nê bùn

.
Nàng nghe Hương nói nề-nang,
Giấp sầu, lại mở quyên vàng làm khuây.

Vãi Hương vẽ kẽ đầu đuôi cho chàng họ Phan nghe, rồi khuyên chàng đừng đeo đuôi nữa, vì nếu chàng chẳng nghe, nàng sẽ trốn đi thời :

.
Nữa oan lòng khách, tội thời tại ai ?

Từ đăy chàng họ Phan thành ra mơ-mộng, bàng khuâng và :

Sách bầy biếng đọc, cầm treo biếng dàn

Rồi cách đăy chăng bao lâu chàng mắc bệnh, một bệnh oái-oăm kho chữa, một bệnh căn-nghuyên ở trái tim đau khổ, bệnh « tương tư » — Vì vậy thuốc thang mãi không khỏi.

Diệu-Thường nghĩ thương hại theo vãi Hương-Công sang thăm Phan-Sinh — Phan-Sinh được thấy mặt nàng thời :

Mười phần phiền não, chín phần đổ sông.

Nhưng hai bên vừa mới hỏi-hỏi được dăm câu thời bỗng ngoài hiên có tiếng người đi, vãi Hương - Công và Diệu - Thường vội vàng phải từ-giã ra về.

Nhưng Phan - Sinh quá si vì tình không thể ngồi yên một chõ, bỏ tay chiu đè Thần Ái - Tình hành - hạ, nên nhân khi tối trời chàng liền

Lần thường ăn bóng bên thềm lân-la
đến tận chõ nàng ở. Đứng bên ngoài chàng lên tiếng nắn-nì van-xin nàng mở cửa cho vào « tạ lòng » và hỏi chuyện. Diệu-Thường sợ hãi xin chàng chờ sô-sàng, vì nếu ai biết, thời thanh - danh đâu còn. Nhưng chàng cứ nắn-nì đòi cho được nàng mở cửa phòng :

*Hẹp chi chút cánh cửa ngoài
Chẳng cho vào bạch Như-lai một điều
Kiếp này phụ, kiếp sau yêu !
Rồi chàng van thêm :
Cho vào mà kể duyên do ấy tường.*

Nàng không thể từ chối được, đành phải mở then, ân cửa để chàng vào.

Sau khi cánh cửa phòng đã khép lại, Phan-Sinh thấy nàng vẫn nghiêm-trang, nên lẽ phép hỏi duyên-do vì đâu nên nỗi qui y đầu Phật. Nàng bèn thuật lại đầu đuôi câu chuyện riêng vì đâu nàng phải lánh-nạn tại chùa.

Nguyên nàng chưa nhận ra người ngồi trước mặt là khách chung-tình nên phải nói trước :

Nếu chàng ép trúc nài mai

Thời nàng sẽ liều thân với một mũi dao nhọn.

Nghe câu chuyện, chàng giật mình tỉnh giấc hồn-bướm mơ tiên, đời chàng bỗng thấy sáng sủa như ánh nắng mặt trời buổi sáng. Chàng không nén nỗi mừng thấy cái sung-sướng trước mặt, tươi cười, võn-vã, trả lời cho nàng biết là chàng chính là Phan-tất-Chánh, chính là ý-trung-nhân của nàng ! Rồi hai bên lấy quạt, lấy trâm ra so, thời :

*Cành trâm thích, quạt chữ bầy,
Rành rành tên tuổi hai người song song,*

Bấy lâu trái tim vàng thồn-thức, nay mới
tới ngày được an-ủi, nưng-niu

Phan-Sinh khuyên nàng đừng lộ chuyện
đề chàng ra công chǎm học chiếm được
bảng vàng sẽ hay.

Gặp kỳ thi, chàng từ giã ý-trung-nhân về
kinh dự thi. Chàng đỗ Thám-Hoa, thật là
phỉ chí nam nhi, chàng đón Kiều-Liên về
quê-hương, nàng từ-dã cảnh chùa :

*Dã non, dã nước, dã chiến,
Dã mai, dã trúc, dã miền cỏ hoa*

Về tới nhà mới hay khuôn xanh khéo dun
dủi, ông bà họ Phan đã tìm thấy bà
Trần-thị mời về nhà tĩnh dưỡng từ lâu.
Thế là ông bà họ Phan thấy con trai đỗ
đạt, con dâu giữ lời «hẹn ngọc thề vàng»
Kiều-Liên cũng gấp mè, nỗi vui mừng kẽ
sao cho siết.

Từ đây trong gia - đình trở nên ấm - áp,
chỉ thấy những phút thần tiên êm ái, những
khúc đàn lạc - thú, xướng - họa tung bừng.

. . .

Truyện Phan-Trần đến đây thời chǎm dẫu

cuối cùng. Vậy nay ta đã có đủ tài-liệu để biện-bạch câu hỏi :

Đàn ông có nên kê truyện Phan-Trần không ? tại sao ? Nhưng trước khi trả lời câu hỏi ấy, ta cũng nên biết câu cách-ngôn « Đàn ông chớ kê Phan-Trần » là thuộc về lý nhẽ của các cụ tiền-bối, quá thiên về đạo-đức, ép mình vào trong những khuôn phép chặt hẹp của cửa Không, sân Trình ; Bảo chẳng nên đọc truyện Phan-Trần vì Phan-Sinh là một chàng quá si, thay gái đẹp mà quên ăn, quên ngủ, quên việc đèn sách, lại mắc cả bệnh tương-tư là khác, đàn ông không nên theo cái gương xấu-xa ấy, vì vậy không nên đọc truyện Phan-Trần.

Ngày nay, tôi dám đứng lên kê lại truyện Phan-Trần, thật là có lõi lớn với các cụ tiền-bối, nhưng xét kỹ thời tôi tự thấy nhẹ tội, vì hiện nay trong nước ta đã sản-xuất biết bao nhiêu cuốn sách có thể gieo cái hại vào trong tư-tưởng người đọc, một trăm lần hại, một nghìn lần hại hơn là cuốn Phan-Trần, mà cái hại đọc sách dở là cái hại vô-hình, như một luồng gió độc nhiễm vào tâm-não người đọc, làm cho thần kinh mỏi mệt, tri não rối loạn vì vậy dựa theo đầu-dề câu chuyện

hôm nay không thể đừng bàn về điều : phải nên thận trọng trong việc lựa sách vở báo chí mà đọc nhất là các bạn thanh-niên.

Nhưng trước khi nói về sự thận - trọng trong việc lựa sách vở báo chí, hãy xin nói về anh chàng Phan-sinh mà, tôi đã hầu truyện các ngài ở đoạn trên.

Anh chàng Phan-sinh, các cụ tiền bối đã buộc cho là một người tinh-nết hư, nay nếu ai đứng lên minh-oan cho chàng để tòa-án xã-hội kết án chàng nhẹ tội hay tha bổng thời người ấy tất phải đặt một câu hỏi :

Người ta sống ở đời có được phép yêu không ? mê một người đẹp có đáng tội không ? ai đã đặt ra câu hỏi ấy, tất phải trả lời :

Cây cỏ, non sông trông ra còn hữu-tình, huống hồ là người ta. Mê một mỹ - nhân đâu đáng tội, chẳng qua mắt xanh chọn mỹ - thuật biết qui cái đẹp, say sưa ngắm nghía, biết thu gọn hình-giáng tba-thướt, yêu - điệu, vào trong khoé mắt cùng những tinh ba.

Nay theo các cụ tiền-bối kè tội, Phan-Sinh là đắng tu-mi-nam-lử thời đâu được phép ôm tương-tư, vì một mỹ-nhân !

Bắt lối chàng Phan-Sinh như vậy thật cũng quá nghiệt. Vì cái nhan-sắc của một mỹ - nhân có thể làm nghiêng cả những « thành » xây kiên - cố, hay làm nồi cơn giông-tổ trên mặt nước đang phẳng lặng im như tờ, vậy thời Phan-Sinh chỉ là một chàng si-tình, nên tha thứ. Có người lại còn khen chàng nữa, vì đã tự - nhận là hiện tại người ta xu - hướng về vật-chất nhiều hơn là về tinh - thần, nên ít ai đã chịu đeo bệnh tương-tư hành-hạ vì một mỹ-nhan nhan-sắc tuyệt-vời dù có « chim-xa cá lăn ». Theo lý-luận này, thời vì một mỹ-nhan mà phát bệnh tương-tư, thật là ái-tình trong-sạch và cao-thượng vậy. Nếu ai cho rằng thuyết-lý như vậy là trái lẽ thời người ấy đã tự-nhận là một ông phông đá gan lỳ già sóc khi đứng trước một bông hoa biết nói trăm phần tươi-tốt !

Đoạn này đã tự thấy viễn - vông, v่าย xin nói sang đoạn mà tôi đã hứa : Sự thận trọng trong việc lựa sách vở báo chí.

Đọc sách là một cách tiêu-khiền thanh-nhã và lý-thú nhất. Sách đây là tôi nói những sách có ích, thí-du nhũng sách về Văn-Chương. Về khoa này ông Phan-kế-Binh có viết :

«... Kìa như nhân - tình thể - thái, nào thiện, nào ác, nào nịnh, nào trung, nào nhũng dã ngoắt nghéo khắt khe, nào nhũng thói thâm-trầm nham-hiem, ai nói cho xuề, ai kè cho xiết, nhờ có văn-chương mà vể ra không thiếu một nét nào. Ngồi trong nhà mà lịch-lãm được hết các danh-thắng ở thiên-hạ; xem trên mảnh giấy, mà tinh tường được hết các việc hay dở của thế-gian. Sinh ở dưới mấy nghìn năm, mà tự hò như được đối-diện và được nghe tiếng hàn-học của người sinh trước mấy nghìn năm cũng đều nhờ có văn-chương cả. »

Thi-hào Lý-Bach có nói :

«Đại khõi giả ngă dĩ văn-chương ». Nghĩa là Trời-Đất cho ta mượn vẻ văn-chương, đại-ý nói là văn-chương rộng-rãi như vũ-trụ. Đọc sách ta có thể biết rộng được như thế, nhưng tiếc rằng không phải cuốn sách nào cũng bồ-ích, vì vậy chỉ nên chuộng nhũng tác-phẩm của nhũng nhà văn nào có nhiệm-vụ cảnh-tình quần-chúng, kinh-luân nền xã-hội.

Ngoài nhũng nhà văn đáng kính-phục này, ông Nguyễn-bá-Học nói rằng :

« Người cục-súc hay làm nhũng văn tiểu-sảo, người nhu-nhược hay làm nhũng văn chi-li ; người thô-sơ hay làm nhũng văn

sống-sương ; người danh-lợi hay làm những văn thù-phụng ; người bợm-bãi hay làm những văn hoa-tinh. Những người ấy mà cho làm văn bàn về phong-tục, đạo - đức, lịch-sử, chính-trị, chẳng qua mơ-mơ màng-màng ba câu lè lối, mấy chữ bém-mép... »

Ngày nay, tôi giám quyết rằng quyền Phan-Trần còn đáng đọc hơn nhiều cuốn sách khác. Tôi muốn nói đến những cuốn sách viết bởi ngọn bút muôn vun tươi cái mầm dâm-dãng. Họ đang tay dùng những thành-ngữ, những đoạn văn dâm-ô. Viết sách như vậy, chỉ cốt đe bẫy những người có khối óc non nớt đe bán sách chạy, đe thu mỗi lợi nhỏ mà làm hại biết bao nhiêu tuổi trẻ.

Chánh - phủ bao giờ cũng căm xuất bản những loại sách có hại cho nền phong-hóa cũng như căm những sách có ảnh-hưởng làm rối cuộc trị - an, cũng như căm những người thợ ảnh in ảnh những người đàn-bà lõa - lồ thân-thề. Nhưng sự thực thời Chánh-phủ dẽ khép-án những thợ ảnh vô lương-tâm vì những tấm ảnh khoả thân là những tang-vật rõ-rệt. còn sách « ngờ » là có tính cách khiêu - dâm, thời khó phân - xử vì tác - giả

thường cãi lại là đã viết bằng lối văn tả-thực chỉ quan-sát những điều thực-tế, chỉ khảo-cứu những lối sầu-xa, những bè trái của xã-hội !

Lại còn những tiều-thuyết thần-tiên-trinh-hám cũng là những sách thại cho những khối óc con non.

Tôi còn nhớ có tờ báo đăng tin: Hai cậu học-trò trốn nhà, đi kiếm một nơi có rừng, có núi để ăn núp, sau tìm thấy người ta hỏi duyên cớ thời hai trò đều trả lời: « muốn tu tiên nên phải vào rừng » để kiếm hoa quả ăn, và uống nước suối để sau mới luyện được những phép mầu nhiệm ! »

Lại một tin nữa :

Trong một lớp học đang giờ toán - pháp học - trò căm cụi làm tính trên vở, thời bỗng một mũi tên tự đâu bắn đến, găm vào áo của một trò đang cúi mặt xuống viết ; trên mũi tên có viết mấy chữ doạ nạt.

Lại truyện một tiều-thư trốn nhà đi tìm chân-lý !

Phải chăng là mấy khối óc non - nớt đã bị ảnh-hưởng quá sâu của những truyện ly-kỳ về thần-tiên, trinh-thám và nghĩa-hiệp ?

Những loại sách này kè nèn đốt hết, còn những người tạo-tác ra nó thời cũng nên đem chôn sống một cách không tiếc như đời nhà Tần « Phần thử khanh nho » !

Cho nên có người đã nói :

Đọc một cuốn tiểu - thuyết tả cái « dở » ta biết thêm được một sự dở nên tránh. Nhưng nếu chịu ảnh-hưởng của một tiểu-thuyết tả cái dở tức là đã tự deo mình vào những cuộc cách - mệnh khốc - hại của trí-não và mang vào thân những vết thương chua-chát của thời-đại.

Ngày xưa ông Cáo-Tử nói đại khái rằng : « Tinh người như nước chảy, khởi về phương nào, thời nước chảy theo phương ấy » ; lại câu ngay đầu sách Tam-tự-kinh. « Người ta lúc sinh ra, tính vốn lành. » Cho dẫu rằng câu ấy trái-ngược với lý-luận của mấy nhà bác-học Tây-phương hiện-thời, nhưng sở dĩ trong xã-hội có người hung-ác, người hiền-lành, người ngu-tối, người thông-minh, một phần lớn cũng ở như sự « sống » : Sống ở nơi không-khi nặng-nề, luôn luôn bị đè nén, áp-bức, thời người hóa nhu-nhược, không quả-quyết, trại lại sống ở nơi đầy ánh sáng, gần những người anh-hùng, tinh-thần cương-quyết, thân-thề mạnh-mẽ, thời tất ăn nói bạo-giận và có dũng lực.

Nay rút nghĩa hẹp lại, thời sống bên chồng sách đầy những tư-tưởng yếm-hẽ, thì tự-nhiên thấy mình hèn-nhát, chỉ muốn bỏ cái thế-giới cạnh-tranh này mà sang cái thế-giới khác để cầu lấy nhàn-hạ hơn (?) ; Sống bên chồng sách ca-tung những sự hoạt-động của loài người, thời ta sẽ hổ-thẹn nếu ta không phẫn-dấu. Cũng vì vậy mà có người đã nói : « Đại phàm muốn biết văn-chương của một xã-hội, cách chừng ít năm trước khuynh-hướng về đâu, cao-xa thê nào, hay dở dường bao, thì hãy xem cái sống của dân hiện-tại thì rõ. Chỉ ư muốn biết sự sống của một dân-tộc về tương-lai, thì hãy xem văn-chương hiện-tại . . . »

Có lẽ vì thuyết-lý như vậy, mà người ta đã nói rằng : « Bao nhiêu tính-chất của người Nga ta có thể tìm thấy ở trong tác-phẩm của nhà đại-văn-hào Léon Tolstoï ; Tiên-sinh thật là tấm-gương phản-chiếu của cả xã-hội Nga ; Lại câu : « Văn-Chương của Victor-Hugo là tiếng nói của cả một thời-đại » Vì chính tiên-sanh đã viết : « Những nhà thi-sĩ chân-chính phải đủ những tư-tưởng của thời-gian mình đang trải qua. »

Nếu thuyết lý như vậy mà đúng và nếu tôi có tài phê-bình, có công nghiên-cứu đọc hết những pho sách viết bằng Pháp-văn hay

Quốc-văn do đồng-bào ta soạn từ 10 năm, 20 năm... đến nay chẳng hạn, thời tôi cũng có thể đoán đại-khai được sự « sống » của ta về tương-lai.

Nhưng công việc to-tát ấy mà đem phân trân trong một buổi nói chuyện làm sao cho đầy đủ được. Nên tôi xin tóm tắt lại mấy lời sau đây :

Khi xưa phần nhiều ta chỉ được đọc những sách chép những tư-tưởng của mấy nhà hiền-triết Khồng, Mạnh, Trình, Chu, ngày nay nhờ biết tiếng Pháp và tiếng ngoại-quốc... ta lại được hấp-thụ thêm những tư-tưởng của các danh-nhân Tây-phương như Pascal, Leibniz, Kant, Nietzsche chẳng hạn... Cho nên những nhà viết sách người mình, hiện thời đã nâng văn-hóa nước nhà lên một chút. Muốn thưa chuyện cùng các ngài bằng những điều thực-ế, xin gác bỏ những sách nói về mỹ-thuật, khoa học, chánh-trị... chỉ xin kè mấy quyển tiểu-thuyết, mấy bài xã-thuyết, mấy thiên phỏng-sự có ích-lợi một cách trực-tiếp hay gián-tiếp với vấn-de nhân-sinh, tôi xin kè nhữ'ng sách hay nhữ'ng bài xã-thuyết, nhữ'ng trương phỏng - sự ngũ ý cải - cách nhữ'ng điều hủ-bại, nhữ'ng tính dị-đoan hay phô bầy rõ rệt nhữ'ng cái xấu-xa của xã-

hội đè ai nấy đều biết mà tránh,

Trước kia phần nhiều chỉ có những sách văn-hoa phù - phiếm, văn-sĩ chỉ đè ý đến những cái thanh-cao cũng như làm thơ chỉ biết : phong, hoa tnyết, nguyệt... Còn bây giờ nhà văn đè ý đến cả những người sống bên lũy tre xanh, những người giang-hồ, truy-lạc những người bị tù-tội, bị đầy ở Côn-lòn, ở Lao-bảo về cả đến những vết thương xã-hội, những người bình-tật những người hành khất. Sự đó ra rằng : ta không muốn phân giai-cấp, có lòng nhân-đạo, và biết hợp quần ! Bấy nhiêu điều kể trên hứa cho ta một hy-vọng về tương-lai rực-rỡ. Nhất là chữ quốc-ngữ hiện nay thông-dụng khắp trong nước, nhưng phàm một sự gì dễ làm ích-lợi thời cũng dễ gieo cái hại, vì chữ quốc-ngữ dễ học, nếu dùng mà truyền - bá tư-tưởng văn-minh, học-thuật, thật rất tiện-lợi. mà cũng là một cái hại không gì bằng. nếu đem chữ quốc-ngữ để khuyên đồng-bào làm điều trái ngược với luân-thường đạo-lý. Cho nên ông Nguyễn-văn-Vĩnh đã nói :

Nước ta sau này hay giờ là nhờ ở chữ quốc-ngữ.

Cụ Phan bội-Châu cũng có nói : « Quốc văn là thứ tiếng rất hay của nước ta, quốc-văn

là nền móng xã-hội Việt-Nam, quốc-văn là cơ quan việc giáo-đục học-văn sau này, »

Thật là đúng vậy

Đến đây tôi không thể quên nhắc đến hội «Truyền bá quốc-ngữ» hội mà khắp trong Nam, ngoài bắc ai ai cũng biết tiếng, cũng công-nhận là hội rất có-ích.

...
Câu chuyện đến đây kè đã khá dài, vậy tôi xin nói đến đoạn chót, tức là bàn về câu cách ngô :

Đàn ông chó kè Phan-trần

Đàn bà chó kè Thúy-vân Thúy-kiều

Sở dĩ có câu « Đàn bà chó kè Thúy-vân, Thúy-kiều » là vì có người cho truyện Kiều là một dâm-hư.

Kết án truyện Kiều như vậy là đúng về phương-diện luân-lý, vì theo phần nhiều các Cụ xưa, thời một quyền truyện phải tả những điều luân-thường đạo-lý ! Ai hiểu nghĩa thời phải gấp điều lành, ai gian-ác, tà-tâm thời phải gấp những sự chẳng hay, nghĩa

là phải theo cho đúng những lề - lối của 20 trương trong cuốn Minh-Tâm Bảo - giám chẳng hạn.

Trái với những ý-tưởng trên, một vài vị có trọng-trách về giáo-đục nước nhà lại lựa nhiều đoạn truyện Kiều và cả thơ của nữ-thi-sĩ Hồ-xuân-Hương làm bài giáo-khoa, tuy rằng văn của bà chua-chát và lảng-lo. Như trong quyển sách Quốc-Văn trích-diêm của ông Dương-quảng-Hàm mà nha Học-Chánh đã nhận là sách giáo - khoa, cũng thấy trích mấy đoạn truyện Kiều như đoạn : Kiều đi chơi thanh-minh gặp mả Đạm-Tiên ! Kiều gầy đàn cho Kim-Trọng nghe , Kiều ở lầu Ngưng-Bích v. v....

Phải chăng ông Dương-quảng-Hàm đã làm một điều lầm-lỗi ?

— Quyết rằng không ! Vì ông đã trích những đoạn văn thanh-tao, nhẹ-nhàng, bóng-bẩy... những đoạn kiệt-tác trong truyện Kiều.

Như vậy có lẽ theo ý ông Dương-quảng-Hàm thời đọc truyện Kiều hay thơ Hồ-xuân-Hương hay một cuốn sách nào khác, ta đều chỉ nên lãnh-hội lấy ý-nhi, tinh-hoa của cuốn sách ấy mà thôi.

Phải chăng đọc sách như vậy, mới là biết đọc ? Nếu các ngài đồng - ý như

vậy thời :

Đàn ông có thể đọc chuyện Phan-Trần mà không hại.

Nếu trước khi kết-án truyện Kiều là dam thư, ta hãy bình-tĩnh, rộng lượng mà xét, thời ta thấy cốt chuyện Kiều là ở câu:

Bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn ?

Mấy trang đầu tả cảnh, đôi trai gái gặp nhau rồi tiếp đến Kiều, nhân khi nhà vắng lên sang nhà bên cạnh để tình-tự với chàng Kim !

Chỗ này nhiều người cho là Cô Kiều hư... hư lắm ! Cái tình ấy chỉ là một gương xấu cho bạn thoa-quần.

Nhưng thời nay theo phong tục Âu-Châu trước khi kết-hôn, đôi trai gái đều được phép giao-thiệp dò-xét tính tình để xem có thể cùng chung sống đến trọn đời không? chứ không theo khuôn-phép quá khe-khart trong mấy trương Nội-Tắc « Thất niên nam-nữ bắt đồng tịch, bắt cộng thực » nghĩa là con gái 7 tuổi (xin nhớ lên 7 chứ không phải 17) không được ngồi cùng chiếu, ăn cùng mâm với con trai !

Lại xét tính-nết Cô Kiều, cũng không phải là người hư, tuy chuyện trò với Kim-Trọng nhưng vẫn ép mình theo chế-độ « cha mẹ đặt đâu con phải ngồi đấy » — Những ý-

tử này đã diễn-tả trong hai câu :

Dù khi lá thăm chỉ hòng.

Nên chẳng thì cũng tại lòng mẹ cha.

Lại những lúc chuyện-trò với chàng Kim, Cô Kiều đã tỏ ra rất nghiêm-trang đúng đắn:

Đã cho vào bậc bối-kinh.

Đạo tòng phu, lấy chữ Trinh làm dấu.

Ra tuồng trên bộc trong dầu.

Thì còn người ấy ai cầu làm chi !

Thưa các ngài, tôi cũng không giám bênh-vực Cô Kiều nhiều nữa, sợ có người cho là xu-nịnh Cô Kiều thời « tôi » cho tôi quá !

Vậy xin nhắc lại đoạn « nên thận-trọng trong việc lựa sách-vở, báo-chí »

Đàn bà có thể đọc truyện Kiều mà không hư.

Nói đến đoạn này, tôi nhớ hồi còn đi học thầy giáo khuyên chờ nên đọc những sách có thể hại đến trí-não. đến tinh-nết ; Rồi thầy dẫn cho biết là ông Descartes có nói :

* Đọc những quyển sách hay, chẳng khác gì được tiếp chuyện với những nhà hiền-tríết mà ta lảnh-hội được những tư-tưởng tốt đẹp»

Và ngàn - ngũ Ả-rập có câu :

« Anh hãy nói cho tôi biết anh ưng đọc những sách gì, tôi sẽ nói cho anh biết

anh là hàng người thế nào. »

Tôi lại được nghe một ông giáo dạy chữ
nhỏ bảo học-trò :

« Nên chọn sách mà đọc, cũng như nên
chọn láng giềng mà ở. »

Đối với học trò nhỏ, thời câu khuyên-
giản ấy rất hợp lẽ – Còn : « Đọc một bài
văn, một cuốn sách, chỉ nên lãnh-hội những
ý-nhị tinh-hoa » mà tôi đã nói ở đoạn trên,
thời rộng nghĩa hơn và theo ý-nghĩa ấy, ta
phải đề tâm xuy-xét.

Thí dụ đọc bài văn của Cụ Nguyễn-Công-Trứ.

*Tết suy vật lý tu hành lạc,
An dụng phù-danh bạn thử thân ?*

(Xét kỹ lẽ vật, chỉ nên chơi cho vui. Cần
gì đem danh vọng hão buộc lấy mình)

Lại đọc 2 câu dưới này trong bài thơ khác :

Trót đã sinh trong vòng vũ-trụ.

Quyết ăn chơi, cho thỏa nên đời !

Tuyên là những giọng yểm-thể, thốt ra tự
trong trái tim khô-héo, chán đời. Ta đọc
những bài như vậy chỉ được phép « khen
hay » chứ không được lấy đấy làm cái gương
sáng mà soi. Vì nếu thế ta sẽ hoài-bỏ cả
thân-thể trong cái tuổi xuân-sanh chứa-chan
hy-vọng.

Vì nếu theo lời Cụ ở trong bài ấy thời :
 Ở đời chó nê mê danh vọng hão, chơi
 bời đi, bán trời đi... Cần gì viết văn-tự !
 Đi chơi bời như vậy mới là « có lãi » nhiều !
 Ai không chơi bời là thiệt !

Nếu các bạn thanh-niên đều nghe lời Cụ
 thì còn gì là thân-thể thanh-niên ! Vậy đọc
 những bài văn như vậy, ta chỉ nên hiểu
 đến cái thân-thể của Cụ vì đâu sinh ra yếm-
 thể, chứ không phải Cụ khuyên ta nên yếm-
 thể, chẳng qua cụ ngâm khúc chán-
 đời ấy để an-ủi cái đời cụ đã chìm nổi
 biết bao nhiêu lần. Chứ thật ra Cụ có phải
 là người hư đâu, Cụ làm quan nhất, nhị
 phẩm thờ đến ba đời Vua, Cụ giữ chức
 quan văn mà đi giẹp giắc đến mấy lần !

* * *

Thưa các ngài,

Trước khi đứng lên cảm ơn các ngài một
 lần nữa, đã tới dự - thính một câu chuyện
 khô khan ! tôi xin mạn phép, nói thêm mấy
 câu kết-luận :

Còn gì lý-thú bằng đọc sách ! nên nhiều
 người đã nhận rằng sách vở báo-chí đối
 với người có học là một thứ bồ-ich cho
 trí-não, một thứ nuôi tinh-thần không thể
 thiếu được.

Vì lẽ ấy, khi xưa ông Hoàng-đình-Kiên cho rằng đọc sách là một bỗn-phận của người sĩ-phu nên đã nói : Sĩ-phu mà ba ngày không xem sách, thì lúc soi gương, thấy bóng mình đáng bỉ.

Ngày xưa biết bao nhiêu người ham đọc sách mà ta nghe truyện chép lại, ta phải phục, ta phải mến như ông Chu-mãi-Thần ngày ngày đi kiêm-củi trong rừng, lúc quầy gánh ra về, còn đeo sách lên bờ cùi mà đọc ; như ông Lý-Mật đi chăn trâu, vừa cho trâu ăn cỏ, vừa viết văn đọc sách, nên về sau hai ông đều hiền-đạt cả. Lại trong sách Tam-tự-kinh có câu :

Nhân dĩ tử, kim mãn doanh ; ngũ giáo tử duy nhất kinh. (Người để cho con vàng đầy hòm ta đây chỉ dạy con lấy một bộ sách.) Câu này còn có ý sâu-sắc là cha mẹ để gia-tài cho con biết đâu là con giữ được mãi mãi, hay lại xa-phí vung tay quá trán một ngày một hao hụt, rồi chẳng bao lâu gia-tài khánh-kiệt. Chỉ bằng đây con cho đủ điều-kiện để sinh-nhai, thời cái vốn bằng « tư tưởng » chỉ có phần sinh lợi ra, chứ không bao giờ hao-hụt đi được !

Lại xem câu phong-dao :

*Khuyên chàng đọc sách ngâm thơ
Đầu hao thiếp chiu đèn lờ thiếp khêu!*

Thời đủ rõ rằng những người vợ hiền đều khuyên chồng chăm đọc sách để hiền-đạt công danh. Nếu có chồng chăm đọc sách, viết văn, mà không tự biết là tốt số, thời đã có người bên láng giềng canh khuya lên tiếng chỉ-bảo cho rằng :

*Đêm nằm nghĩ lại mà coi,
Lấy chồng hay chữ như soi gương vàng.*

Bên phương tây bà Sévigné nói rằng :
*Thích đọc sách, cái sở thích mới nhã làm sao.
Ta tránh được nỗi buồn bức, ăn dung ngồi rỗi, thật là hai cái khả bỉ !*

Ông J. Joubert cũng nói rằng :

*Chính sách vở làm ta sung sướng nhất và
chính người đời làm ta đau khổ nhất !*

Nay tôi lại xin hiến các ngài một tấm gương kiên - nhẫn trong sự đọc sách là nhà chánh-trị Đức Karl Marx khi chưa biết tiếng nước Nga có mấy người bạn thân ở Nga gửi về cho tiên sinh những tập hồ-sơ của bạn điều-tra về thời - cuộc nước Nga.

Nhưng ngán nỗi lại viết bằng tiếng nước Nga ; mấy tập hồ-sơ ấy rất có giá-trị vì Nga-

Hoàng hối bấy giờ không cho công-bố lên báo-chí vì sợ có thể hại tới chánh-thể dễ-chẽ. Karl Marx tiên-sanh muôn đọc nhũng tài-liệu qui-hóa ấy, nên đã phải ra công-học tiếng nước Nga để khỏi phụ lòng trông cậy của mấy bạn bên Nga. Cái trí kiên-nhẫn đến bức ấy, thật đáng kính-phục vậy.

Lại mời đây, một nhà văn trong Báo-giới có nói rằng :

Từ ngày ham đọc sách-vở báo-chí và ham viết văn thời quên được cả nhũng sự mê-tồ-tom, tài-bàn, mà-chược, ca-hát ; có người cho là khờ-dại, thời trả lời rằng :

*Khôn nơi cờ bạc là khôn dại
Dại chốn văn-chương ấy dại khôn !*

Lại nhà Thi-sĩ Tản-Đà chỉ thích đọc sách ngâm-thơ. Chỗ chơi-bời của Tiên-sinh là « làng-văn ». Cách tiêu-khiền, hay cách « chơi » của tiên-sinh là cách « chơi bằng văn », tình-tình ấy tiên-sinh đã thốt ra ở mấy văn-thơ sau này :

*Nửa đời chính độ từ dương chơi
Chơi muôn sao cho thật sướng đời
Người đời ai muốn chơi như tờ
Chơi cứ bằng văn mãi chưa thôi*

Nay tôi lại xin mạn-phép các ngài, trích một đoạn văn trong cuốn « Muôn thành

công trên đường đời » của Trương-anh-Tự, làm lờ kêt câu chuyện hôm nay :

« Người ta mà thanh-cao là vì tư-tưởng trong « sạch, người ta mà ô-trọc là vì tư-tưởng « thấp-hèn. Nếu ta nghĩ đến « nghị-lực » thì « ta quả-quyết làm việc, nếu ta nghĩ đến sự « khoái-lạc về nhục-thể thì ta sẽ bị truy-lạc « vào nơi tối-tăm ; Nếu ta nghĩ đến thú vui « trong sự đọc sách, làm văn, ta sẽ trở nên « người văn nhân tài-tử.

« Đã có tư-tưởng thời tư-tưởng ấy sẽ dẫn « đến những tư-tưởng khác cùng một loại ; « Những tư-tưởng cao-siêu đi tìm những cái « cao-siêu, những tư-tưởng xấu-xa đi tìm « những cái xấu-xa... »

PHÊ - BÌNH BÀI DIỄN - THUYẾT TRÊN

TỐI thứ tư 26 Novembre, ông Từ-Lâm Nguyễn-xuân-Nghị đã nói chuyện tại hội-quán hội Quảng-Tri về câu cách - ngôn « Đàn ông chớ kè Phan-Trần ».

Tuy gấp tiết mưa gió mà hội-quán hội Quảng-Tri tối hôm ấy chật cả chỗ ngồi.

Sau khi ông hội-trưởng Đào-dăng - Vỹ giới-thiệu, ông Từ-Lâm kè lại truyện Phan-Trần rồi bàn rất phân-minh về câu cách ngôn đã nói trên.

Trong khi nói chuyện, diễn-giả có mượn hai cô đào Bắc ngâm những câu thi hay trong truyện Phan - Trần, nên thính-giả trước khi ra về rất vui vẻ vỗ tay ngợi-khen ông Từ-Lâm.

T. A.

Quốc - Học - Thư - Xá

Đương in sắp xong

HỌC - THUYẾT MẶC - TỬ

MỘT HỌC - THUYẾT MÀ
HÀN - PHI - TỬ ĐÃ KHEN
LÀ RŌ - RỆT NGANG
VỚI ĐẠO - HỌC NHÀ NHO



Ngoài những bản giấy thường, có in riêng một số sách đẹp trên giấy lệnh-chỉ thương-hàng và giấy vergé baroque crème dành riêng cho các bạn yêu sách đặt tiền mua trước khi sách phát-hành

SÁCH CỦA TÙ - LÂM NGUYỄN- XUÂN-NGHỊ CHƯA XUẤT - BẢN

Diệu kế của Đề-Thám

Tặng cô Hoàng-thị-Thế (con gái út Đề-Thám) mà tôi đã được hân-hạnh tiếp chuyện cô nhiều lần ở Paris.

Yợ lê cõ Đào (kịch)

Phòng số 13 (kịch)

Tặng cô Kim-Phung và ông giáo Lê-văn-Lợi để kỷ-niệm ngày cùng tôi diễn-kịch với « gái tân thời » của ông Từ-Sơn, tại Khai-trí tiến-đức, giúp quỹ hội Cựu-sinh-viên trường Bảo-Hộ Hà-nội năm 1933.

Bước đường vẽ săn (truyện dài)

Tả một cô con gái nhà quê thật-thà chắt-phác đã bán cái xuân-xanh cho một ông Tú cùng làng bằng ba hào chỉ và một nắm xôi ! Truyện rất cảm-động.

Một bài thi lục bát trích trong vở kịch
« PHÒNG SỐ 13 » vở kịch này đã diễn tại hội
 Quảng-Tri Huế, ngày 4-12-1941, do hội thè-
 thao của viên chức Nam-Triều tổ-chức giúp
 Đông-Dương Học xá ở Hà-nội.)

Anh yêu em Cúc xinh tươi.
 Đôi môi đỏ thắm, tiếng cười dòn tan !
 Anh yêu em Cúc gọn gàng,
 Giáng đi yêu-diệu mơ màng, liêu tơ !
 Anh yêu em Cúc ngây thơ
 Nhẹ-nhàng, hồn bướm, tiên mơ phương trời !
 Anh yêu em Cúc tinh đời
 Trái tim biết để tặng người tri-âm...

Đoạn văn trích trong vở kịch « MỘT CẢNH
GIA-ĐÌNH » Thuyết nói -

« Biết thường-thức được cái thú cô đào
 cũng phải « đốt » hết một cái nhà gạch ! Như
 trước kia tôi còn ở Khâm-Thiên với bà Bầy
 có chị Nguyệt là một cô đào hát, được cả
 thanh lanh sắc. lại học-lực khá, chả có thể có
 hai quan-viên ông Tham Thủy và ông Lục
 Vân tranh nhau có bạc nghìn, chỉ vì một tối
 bên khay thuốc phiện, ông nào cũng muốn có
 Nguyệt ngồi cạnh ; cô Nguyệt trong trường-
 hợp khó-xử ấy, ngâm một câu :

*Ước gì Nguyệt sẽ làm hai
Nửa in dưới Nước, nửa cài trên mây !*

Hai câu này thật tình tứ biết bao, vì nước tiếng chữ là «Thủy», mây tiếng chữ là «Vân» mà «Thủy» với «Vân» là tên ông Lục và ông Tham...

Đoạn văn trích trong truyện dài « BƯỚC
ĐƯỜNG VỀ SẴN »

Mặt trời mùa hạ đã gần xế bóng mà ánh nắng vẫn chang chang nóng bỏng. Không một ngọn gió, người và vật uể-oải. Cây tre, cây mít trồng quanh bờ ao đều phô một phần lá bị nắng xém.

Con chó vá nằm cạnh dàn cà chua, thè lưỡi như khát nước, thỉnh thoảng vươn hai chân trước rồi lại nằm yên không nhúc-ních.

Chợt có tiếng bát đũa xô nhau trong đồ, và tiếng đàn gà con kêu chíp ! chíp ! Vá quay cổ lại, thấy chủ là cái Hến, cô con gái quê mười tam, đang cắp bên cạnh sườn một đồ đầy bát đĩa đề ra cầu ao rửa ; Vá chạy lại gần phe-phẩy đuôi.

Dàn gà con thấy Hến mang đồ bát ra ao rửa cũng đua nhau chạy theo. Hến, vì chắc rằng thè nào cũng có mấy bát cơm thừa, cơm vãi.

Ra đến cầu ao, Hến đặt đồ bát xuống, vét những hạt cơm còn bám trong lòng bát

trên đầu đũa và nhất là ở hai chiếc đũa cả, vứt cho đàn gà tranh nhau, rồi vén đói ống quần ngồi xồm trên cầu ao, lấy nắm rơm dúng xuống nước, cọ rửa từng cái bát, cái đĩa một.

Rửa xong, Hến xếp bát đũa gọn gàng trong đồ, bung lên đê ở dưới gốc cây sung rồi cởi áo cảnh vật trên một nhánh cây; dứt cái khăn mặt bông đỏ treo ở dây thép, xong lại xuống ao rửa mặt, lau mình cọ rửa chân tay.

Đang lúc ấy, Hến nghe thấy có tiếng hát ở cồng đúra vào; thì ra Khoai, một chàng trai tuổi cùng làng, vừa đi vừa hát và tiến lại gần chỗ Hến ngồi.

Chàng hát :

*Trên trời có đám mây xanh
Ở giữa mây trắng, xung quanh mây vàng.
Ước gì anh lấy được nàng . . .*

*Say hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân
Có rửa, thời rửa chân tay
Chờ rửa lông mày chết cá ao anh!*

Hến đợi Khoai đến gần và hát rút câu mời hỏi :

— Sao rửa lông mày lại chết được cá hả anh ?

Khoai vui-vẻ trả lời :

— Vì họ vi lông mày sắc như luỗi dao...
chứ sao ?

Khoai trả lời xong, lấy làm đặc-trí và
tự cho mình là thông thái lắm ! Còn Hến
thời vội-vàng lấy áo cánh mặc và buông
quần chùng xuống.

Hến thấy Khoai cầm một quyển sách ở
tay, thời hỏi :

— Anh Khoai cầm quyển sách gì đấy ?

— Ấy quyển lịch Tầu, tôi mang lại cho
ông Lý mượn. Chẳng biết ông Lý mượn
lịch để làm gì?... Hay lại xem ngày cho
chị Hến về nhà chồng đấy !

Hến nguyýt Khoai và tươi cười đáp lại :

— Em thời ai lấy... Chú em mượn lịch
để xem ngày nào nên phá bếp xây lại, vì
thím em đau mắt, chữa mãi không khỏi.
Phiên chợ vừa rồi, chú em có xem bói,
thầy bói bảo phải phá bếp xây quay mặt
về hướng tây thời mới khỏi... .

Khoai hỏi :

— Ông Lý có ở nhà không ?

— Chú em có nhà đấy.

— Thôi để tôi mang quyển lịch vào cho
ông Lý mượn rồi lại ra nói chuyện với chị.

— Phải đấy, gần tối rồi, tôi cũng phải vào
thắp đèn đây.

Hến sắn đồ bát lên cạnh sườn, cùng Khoai đi vào phía nhà trong. Khi hai người đi đến gần cây rơm thời Khoai đột-nhiên nắm lấy cánh tay Hến, làm Hến dật mình, đứng sững lại. Khoai âu-yếm nói tắt một câu :

— Tối mai đến phiên tôi phải ở điểm cồng làng ; vậy tối mai Hến ra đây nhé !...



Ai muốn xuất bản

*những sách kể trên, xin viết thư cho soạn-giả
M. NGUYỄN-XUÂN-NHỊ
kiến - trúc - sư*

Tòng sự tại Bộ Công-Tác Huế

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

Sắp in

**BIỆN - CHÍNH
TIỀU TỰ - ĐIỀN**

GIẢI - THÍCH RỘ NHỮNG
TỪ-NGỮ TƯƠNG-TỰ HAY
DÙNG LẦM LẪN VỚI NHAU
NHƯ **BÀNG - QUAN** VỚI
BÀNG-QUANG, LÂN-BANG
VỚI **LIÊN-BANG** V. V., .
(TỦ SÁCH HÀN - LÂM)



QUỐC - HỌC THƯ XÃ
GIÁM - ĐỐC LÊ - VĂN - HÒE
16 - bis Tien-Tsin — HANOI

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

SẮP IN :

TÂN HỌC-THUẬT TỪ - ĐIỀN

Giải thích những từ-ngữ mới thuộc các môn học mới như *Triết-học*, *Kinh-tế*, *Chính-trị*, *Quốc-tế*, *Quân-sự*, *Xã-hội*, *Pháp-luật*, *Nghệ-thuật*, v.v... Có chua chữ Hán và chữ Pháp.

Muốn hiểu rõ nghĩa những từ-ngữ mới như *lãnh-sự tài-phán*, *tri-ngoại pháp-quyền*, *pháp-nhân tư-cách*, *kinh-tế khủng-hoảng*, *Quốc-gia xã-hội chủ-nghĩa* v.v. v.v... cần phải tra cứu bộ từ-diễn này.

In cả bộ một lúc, e sách dày quá, khó mua, khó bán, nên sẽ phát hành dần từng tập mỏng khổ giấy 20 x 30 liên-tiếp để tiện ai cũng có thể mua được.

Hãy đọc

của KHỒNG - DƯƠNG

**CỨU LÀY
THANH - NIÊN**

Một chương-trình cải-tạo
và gây dựng thanh - niên
Việt - Nam cần phải thực-
hành ngay từ bây giờ

NHÀ XUẤT - BẢN ĐÔNG - NAI

Thu-tù và tiền-bạc để cho :

M. TRƯƠNG VĂN HAI
— 248, Lagrandière —
SAIGON

Boîte postale 220

Téléphone 20.453

QUỐC HỌC THƯ XÃ

Registre du Commerce de Hanoi n° 855

Giám - Đốc : LÊ - VĂN - HÒE

16 bis - Rue Tien-Tsin - HANOI

ĐÃ XUẤT-BẢN

QUỐC-SỬ ĐÍNH NGOA 0\$50

(Được hầu hết báo-chí Đông - Dương ngợi khen)

NGƯỜI LỊCH-THIỆP (hết)

THI - NGHỆ 0.48

TRĂM HOA 0.60

TẨM NGUYÊN TÙ-ĐIỀN (hết)

THI-THOẠI (còn ít) 2.00

(được các báo *Opinion*, *Tin Mới*, *T.B.C.N.* ngợi khen)

LU'ỌC KHẢO về MỸ-THUẬT VIỆT-NAM 1.50

SẮP PHÁT HÀNH

ĐẠO SỐNG

Nghiên-cứu và phê-bình các chủ-nghĩa laân-lý triết-học Tây-phương như Aristippe, Epicure, Comte, Kant v.v... Đông-phương như Lão-Tử, Khổng-Tử, Thích-Ca, Dương-Tử, Mặc-Tử v.v.. để tìm lối một đạo sống chiết-trung.

Giấy thường giá 2p00

Giấy lệnh-chỉ và registre 4p00

SĒ XUẤT - BẢN

TỦ SÁCH « HÀN LÂM »

Triết-học Từ-Điền.

Tân-Học thuật Từ-Điền.

Hán-Việt — Việt-Hán — Phồ thông từ-điền.

Biện-chính tiễu Tự-Điền.

Tầm-nguyên đại Từ-Điền.

Hán văn đồng-âm tự-điền.

Hán-văn chính tả tự-điền.

Tân khoa-học Từ-điền.

Trung-nam Y-duyết đại từ-điền v.v.

TỦ SÁCH « HỌC THUẬT »

Triết-học đại-cương. Siêu-hình-học.

Học-thuyết Khổng-Tử. Học-thuyết Mặc-tử v.v.

TỦ SÁCH « QUỐC-HỌC »

Việt-Nam văn-pháp. Quốc-sử khâu truyền.

Phong-dao giải-thich. Nam-thi bình giảng

Khảo về văn biền-ngẫu Đại-đô-đốc Vũ-văn-Dũng v.v.

TỦ SÁCH « TIỀU KHIỀN »

Mạnh-thường-Quân. Bình-nghệ-Quân.

Khuất Nguyên Tô-Tần

Kinh-Kha Quản-Trọng.

Ngũ Tử Tư. Pách-lý Hè,

Liêu trai chí dị Thần thoại Hy lạp.

Thư và ngân-phiếu đề

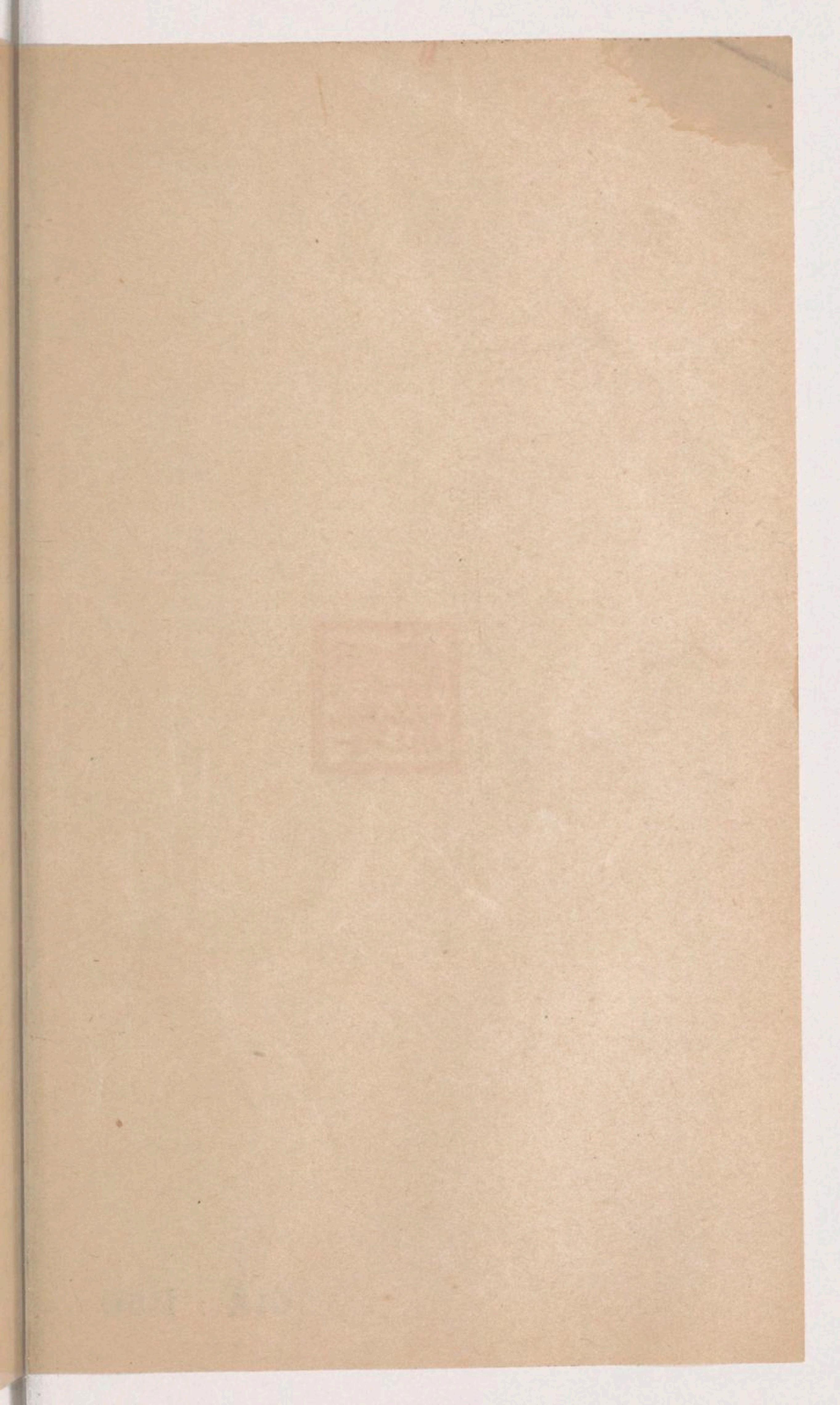
M. Lê - văn - Hòe

Giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

16 bis Rue TIEN-TSIN Hanoi



SÁCH NÀY IN TẠI
NHÀ IN THỤY-KÝ
98 PHỐ HÀNG GAI
HANOI XONG NGÀY
31 JUILLET 1942





GIÁ : 1\$50

